

15 THÁNG 2 NĂM 1971

# BACH KHOA

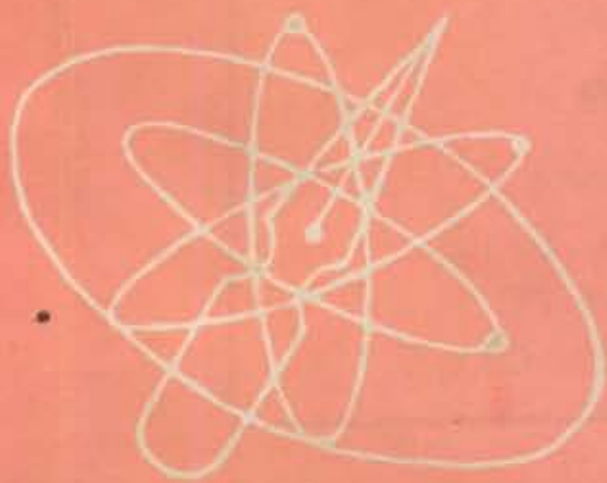
*năm mười lăm*

TỪ TRÌ *vụ nổi dậy của công nhân Ba-lan* \* THỂ NHÂN,  
LÊ PHƯƠNG CHI *thị trường sách báo giữa cơn lốc  
gia tăng thuế má và vật giá trong năm qua (đàm thoại  
với một số nhà xuất bản, nhà sách, nhà phát hành...)*  
NGUYỄN HIẾN LÊ *hôn nhân và nghề cầm viết* \* TOÀN  
ÁNH *chiến đấu tính trong một số cờ tục V.N. vào dịp đầu  
Xuân* \* TRẦN VĂN TÍCH *nghĩ về vấn đề hiện đại hóa  
Đông Y* \* G. E. GAUTHIER *diễn tiến của một sự nghiệp  
(THU THỦY dịch)* \* KIM ĐỊNH *bốn chặng huyền sử  
nước Nam: nền tảng và triết lý* \* JOHN BART  
GERALD *ám ảnh* \* MẠC LY CHÂU *thân phận  
\* ĐỖ NGHÊ mũi né* \* ĐỊNH NGUYỄN *sớm  
mai* \* HOÀNG NGỌC TUẤN *tuổi trẻ hư không*

**SINH HOẠT** *thời sự thế  
giới \* thời sự khoa  
học \* thời sự văn nghệ*

# 339

## SỐ TÂN NIÊN



# Bột giặt SACO

*Xin kính chúc quý vị khách hàng một năm mới đầy hạnh phúc và thắng lợi*



## CÔNG TY HÓA HỌC SAIGON

Văn Phòng

308, Đại lộ Đồng-Khánh

SAIGON — Quận 5

Cơ Xưởng

50/1 Ấp Hòa Thạnh,

Xã Phú Thọ Hòa

Quận Tân Bình, Tỉnh GIA ĐỊNH

# B Á C H

# K H O A

Số 339 ngày 15 - 2 - 1971

TỪ TRÌ <i>vụ nổi dậy của công nhân Ba-lan và sự thử thách của chế độ Cộng-sản tại Đông-Âu</i>	05
THẾ NHÂN, LÊ PHƯƠNG CHI <i>thị trường sách giữa cơn lốc giá tăng thuế má và vật giá (qua cuộc đàm thoại với một số nhà xuất bản, nhà sách, nhà phát hành : NGUYỄN HIẾN LÊ, AN TIÊM, CA DAO, TRINH BẦY, KHAI TRÍ, KIM ANH, TRÍ-ĐĂNG, ĐỒNG NAI...)</i>	17
NGUYỄN HIẾN LÊ <i>hôn nhân và nghề cầm viết</i>	23
TOAN ÁNH <i>chiến-đấu-tính trong một số cổ tục Việt-nam vào dịp đầu Xuân</i>	29
TRẦN VĂN TÍCH <i>nghĩ về vấn-đề hiện-đại-hóa Đông-y</i>	37
GEORGES E. GAUTHIER <i>một người Gia-nã-đại và nghệ-thuật Phạm Duy : Diễn tiến của một sự nghiệp</i> THU-THỦY (dịch)	45
KIM ĐỊNH <i>bốn chặng huyền sử nước Nam : nền tảng và triết lý</i>	53
JOHN BART GERALD <i>ám ảnh (truyện do NGUYỄN dịch)</i>	57
MẠC LY CHÂU <i>thân phận (thơ)</i>	66
ĐỖ NGHÊ <i>mũi né (thơ)</i>	66
ĐỊNH NGUYỄN <i>sớm mai (thơ)</i>	67
HOÀNG NGỌC TUẤN <i>tuổi trẻ hư không (truyện dài)</i>	71

## SINH HOẠT

TỪ TRÌ <i>thời sự thế giới</i>	81
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	84

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU  
Chủ bút :  
Tòa soạn 160, Phan-Đình-Phùng Saigon  
Điện-thoại : 25.539  
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ-ĐĂNG  
21, Nguyễn Thiện Thuật - Saigon  
GIÁ : 50đ Công sở : 100đ  
Cao Nguyên và Miền Trung  
thêm cước phí máy bay

## Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Thú xem truyện Tàu** của Vương Hồng Sển thuộc « Hiếu cổ đặc san » số 2 năm 1970, do tác giả gửi tặng. Sách dày 328 trang viết rất lôi cuốn gồm 10 bài : Lược khảo về truyện Tàu, về Hồng Lâu Mộng, về Tây du ký v.v...

— **Lịch sử địa cầu** của Giáo sư Trần Kim Thạch, do Việt Khoa xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 100 trang, gồm 10 chương trình bày quá đất từ khi chào đời đến khi có mầm sống, có các loại sinh vật, lúc xuất hiện loài người và tương lai của địa cầu... Sách viết rất sáng sủa, có nhiều hình ảnh, rất cần cho các học sinh, sinh viên và Giáo sư ngành Vạn vật học. Giá 200 đồng.

— **Non nước xứ Quảng tân biên** của Phạm Trung Việt do soạn giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 300 trang biên khảo toàn diện về Quảng Ngãi, với lịch sử, thắng cảnh, giai thoại, nhân vật, văn học, và những nét tiêu biểu, in lần thứ 2, tài liệu tăng bổ, với nhiều hình ảnh. Giá 300 đồng.

— **Đoạn đường chiến binh** doãn văn của Thế Uyên do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 180 trang gồm 15 đoạn văn, có nhiều bài đã được giới thiệu trên Bách Khoa trong 6 tháng cuối năm 1970. Bản đặc biệt. Giá 150 đồng.

— **Tiếng phèng la** tập truyện của Xuân Tùng do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 180 trang, gồm 12 truyện ngắn mà khung cảnh đều là nông thôn. Nguyễn văn Xuân giới thiệu. Bản đặc biệt.

— **Sóng chi một lần** truyện dài của Mai Thảo, do Nguyễn Đình Vương xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 286 trang, bìa của Duy Thanh, ấn loát đẹp, trình bày trang nhã. Giá 300đ.

— **Những câu đố mới** của Bảo Văn Bùi văn Bảo, do Nhật Tào xuất bản và soạn giả gửi tặng. Sách dày 92 trang gồm 2 phần : Phần câu đố và phần giải đáp. Những câu đố quốc sử, địa lý, đố chữ, đố vui linh tinh rất vui và hữu ích. Bản đặc biệt. Giá 100đ.

— **Ý thức giai phẩm Xuân Tân Hợi**, bán nguyệt san văn học nghệ thuật do Ds. Nguyễn thị Yến Chủ nhiệm, Tổng Thư ký : Nguyễn Minh, và Tòa soạn : 666 Phan thanh Giản Saigon. Mỗi số dày 190 trang, gồm khảo luận, thơ, và truyện của những cây bút trẻ quen thuộc trong làng văn, làng báo : Đỗ Nghệ, Trần Nhật Tân, Thái ngọc San, Trần hữu Lục, Phạm cao Hoàng, Mùng Mán, Trần hoài Thư v.v... Giá 125đ.

— **Nguồn tạp chí văn học nghệ thuật số 2 và 3** Xuân Tân Hợi, Tòa soạn : 14 Quốc lộ I Vinh Điện, Quảng Nam; Thư từ bài vở : ông Đĩnh Trầm Ca. Mỗi số dày ngót 150 trang gồm những sáng tác văn nghệ của các cây bút trẻ ở địa phương : Đĩnh Trầm Ca, Hoàng Lộc, Hạ đình Thao, Trần Dzak Lữ, Chu ngym Vũ, Lê Miên Tường v.v... Giá 120 đồng.

— **Khoa học sản xuất** số ra mắt, nội san phổ biến khoa học, kỹ thuật do ó. ó. Lâm văn Vòng, Hoàng huân Định, Nông văn Bé, Mai lê Hiệp, Tôn thất Hanh, Trần kim Thạch chủ trương Địa chỉ liên lạc : HT A. 2 Saigon. Mỗi số khổ 19×26 dày 56 trang gồm những bài của các Giáo sư khoa học, kỹ sư, kỹ thuật gia về những vấn đề liên quan đến khoa học và sản xuất của đất nước.

— **Con mắt bơ vơ** tập thơ của Trương Thy Sao Băng, Nghyêm Hồng Trang Thụy, Đông Nhi, Thy My, do Hương Ly Tao xuất bản do tác giả gửi tặng. Sách dày 36 trang gồm 30 bài thơ in ronéo. Giá 50 đồng.

— **Mùa xuân trở về** tập thơ của Chgva, do tác giả ấn hành và gửi tặng. Tập thơ in ronéo gồm 16 bài thơ, phổ biến hạn chế trong vòng thân hữu.

## Vụ nổi dậy của công nhân tại Ba-Lan MỘT THỬ THÁCH CỦA CHỦ NGHĨA CỘNG-SẢN TẠI ĐÔNG-ÂU

Gần một phần tư thế-kỷ đã trôi qua từ khi chủ-nghĩa Cộng-sản làm chủ Đông-Âu, mà người ta vẫn có cảm tưởng rằng các chế độ Cộng sản tại vùng này vẫn chưa cứng cổ để được dân chúng chấp nhận một cách dễ dàng. Thật vậy, cứ khoảng 10 năm vùng Đông Âu lại phải đương đầu với những cuộc khủng hoảng chính-trị hay kinh-tế trầm trọng. Năm 1956 công nhân Ba-Lan đã nổi loạn tại thành phố Poznan để chống lại những biện pháp kinh-tế của chính phủ Varsovie. Cũng năm 1956, dân chúng Hung-gia-lợi nổi dậy chống lại bạo quyền của Nga-sô. Năm 1968 đến lượt Tiệp-khắc dân-chủ-hóa chính thể. Và vào cuối năm 1970 vừa qua, công nhân Ba-lan lại một lần nữa nổi dậy khiến tập đoàn cầm quyền trong nước phải sụp đổ. Mỗi cuộc nổi loạn đều bị Nga-sô trực tiếp hay gián tiếp đàn áp bằng võ lực. Dây liên lạc giữa Nga-sô và các nước Cộng-sản chư hầu do đó chỉ còn được duy trì bằng sức mạnh của Hồng-quân xô-viết.

Tuy nhiên biện pháp mạnh không thể là một phương-tiện phát triển kinh-tế và xã-hội để gây tin tưởng trong dân chúng. Những chính sách kinh-tế dựa trên thi đua sản xuất đã được hầu hết các quốc gia Đông-Âu áp dụng hầu nâng cao mức sống của nhân dân. Nhưng mức

phát triển càng cao thì dân chúng lại càng ý-thức được sự thiếu tự-do của mình và các cuộc nổi loạn đòi tự do lại càng không tránh nổi. Ngược lại nếu mức phát triển thấp thì sự cạnh tranh của các quốc-gia tiên-tiến Tây-Âu lại gia tăng khiến dân chúng lại hướng về các quốc-gia tư-bản. Trước sự mâu-thuẫn này các lãnh-tụ Cộng-sản Âu-châu đã tỏ ra hết sức lúng túng, vì những cuộc nổi dậy nói trên là những bằng chứng thất bại của chủ nghĩa Cộng sản tại Đông Âu.

### Một tình hình kinh-tế khó khăn

Ngày 13.12.1970 Cộng-hòa nhân-dân Ba-lan đã bước vào một tình-trạng vô cùng đen tối. Các công nhân tại những đô thị kỹ nghệ lớn, ven bờ biển Baltique đã đưa nhau đình công biểu tình đốt trụ,-sở địa phương của đảng Cộng-sản Ba-lan để phản đối những chính sách kinh-tế của chính-phủ. Tuy những cuộc nổi dậy này có nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng nguyên nhân chính vẫn là những khó khăn kinh-tế hiện tại.

Từ hai năm qua nền kinh-tế Ba-lan đã luôn luôn ở trong một tình trạng bi đát. Vì chính-sách thi đua sản xuất, cả nông dân lẫn công nhân đều cố gắng sản xuất càng nhiều càng hay. Họ không cần biết tới phẩm chất của các loại sản

phẩm mà chỉ để ý đến số lượng. Vì ai sản xuất được nhiều là được chính phủ thưởng. Do đó mà các sản phẩm Balan dù thuộc ngành canh nông hay kỹ nghệ đều là những sản phẩm xấu. Để sửa đổi lại tình trạng này chính quyền Balan đã đưa ra một chương-trình kế-hoạch 5 năm nhằm phân quyền quản-trị kinh-tế tại địa-phương, đầu tư dài hạn và giảm lương những người thợ nào, về sản phẩm, chỉ chú trọng về lượng mà coi nhẹ phần phẩm chất.

Những biện-pháp này đã làm cho giới công nhân hết sức lo ngại. Để giải-thích chính-sách của chính-phủ, Phó Thủ-tướng Ba lan là Stanislas Kociolek đã đến thăm viếng xưởng đóng tàu Léonie ở Gdansk. Đồng thời ông Kociolek cũng loan báo tin chính phủ quyết định tăng giá các loại nhu yếu phẩm, như giá thịt bò tăng 25%, giá than tăng từ 10 tới 20% và giấy dép lên 24%. Ngoài ra, để tiết giảm số cầu về thực phẩm, chính phủ Varsovie còn quyết định hạ giá các xa-xỉ phẩm. Chính-sách này đưa tới một kết quả khôi hài là xa-xỉ-phẩm rẻ tiền hơn nhu-yếu-phẩm. Dân chúng Ba lan hết sức công phẫn. Họ cho rằng chính phủ đã bắt họ « ăn tử lạnh » thay vì tiêu thụ thực phẩm.

Tại Gdansk, một hải cảng trên bờ biển Baltique, các công nhân đóng tàu và công nhân bốc dỡ hàng hóa đã đình công và biểu tình phản đối. Khi cảnh sát được lệnh dùng vòi rồng để giải tán họ, thì họ đã giận dữ vờ trang bằng xích xe đạp, ống chì, phản công lại. Họ cướp phá các cửa hàng và đốt cháy trụ-sở đảng Cộng-sản địa-phương.

Chính-phủ Ba-lan đã cố gắng che dấu các biến cố ở Gdansk bằng cách tuyên bố là những người biểu tình này « chỉ là những kẻ phiêu lưu, những tay anh chị không có liên-hệ gì với giai cấp công-nhân ».

Nhưng ngay sau đó phong trào biểu-tình đã lan rộng tới các thành phố lân cận như Sopot và Gdynia. Chính phủ đã phải phái Phó Thủ-tướng Kociolek tới Gdansk để tái lập trật tự, ra lệnh giới-nghiêm từ chập tối tới sáng và cấm các cuộc tụ họp. Cảnh-sát được lệnh nổ súng vào những người biểu-tình nếu cần, nhưng đồng thời Thủ-tướng Josef Cyrankiewicz cũng tuyên bố là sẽ xét lại những biện-pháp tăng giá. Nhưng các cuộc nổi loạn vẫn tiếp tục lan rộng tới Slupsk, một trung-tâm kỹ-nghệ cách Gdansk khoảng 100 cây số. Và tại thủ-đô Varsovie một quả bom đã nổ ngay trong sân Tòa Đại-sứ Nga.

Trầm trọng hơn cả là các cuộc bạo động tại Szczecin, một hải-cảng gần biên giới Đông Đức. Tại đây vào khoảng 10.000 công nhân đã đình công. Đoàn biểu-tình khoảng 1000 người đã kéo tới trụ-sở địa-phương của đảng kể trên tường những khẩu hiệu phản đối chính phủ. Cảnh sát đã dùng biện pháp mạnh để giải tán họ bằng bom Molotov và quân đội dùng chiến-xa để đàn áp họ. Một nhà báo Thụy-điển kể lại là khi mọi người chạy trốn thì có hai mẹ con một thiếu phụ bị chiến xa cán chết trong lúc đó một người lính trẻ chứng kiến cảnh đó đã òa lên khóc.

Tại nhiều nơi khác như Wroelaw chính phủ phải đóng cửa chợ để tránh biểu tình. Tại Krakow, gần biên giới

Tiếp-khác, nhiều cuộc đình công biểu tình cũng xảy ra. Ngay tại thủ đô Varsovie cảnh sát và quân đội cũng được huy động để bảo vệ Tòa Đại-sứ Nga và các địa điểm trọng-yếu khác. Trên toàn quốc, các truyền đơn và bích-chương chống chính phủ được ồ-ạt tung ra. Trong khi tình hình ở trong giai-đoạn căng thẳng nhất thì người ta được tin rằng Wladislaw Gomulka, Đệ nhất Bí thư đảng Cộng sản Ba-lan từ chức vì lý do sức khỏe. Thực ra thì ông Gomulka phải ra đi vì sau 14 năm trời cầm quyền ông đã tỏ ra bất lực không giải quyết nổi những mâu thuẫn của chính-quyền Cộng sản.

### Sự bất lực của chính quyền

Ông Gomulka năm 1956 được cuộc nổi loạn công nhân ở Poznan đưa lên cầm quyền và hiện nay chính ông đã bị những cuộc nổi loạn tương tự hạ bệ. Thật vậy, khi Staline còn sống, Gomulka một lãnh tụ gốc nông dân, đã bị giam cầm từ năm 1951 vì ông có tiếng là theo khuynh-hướng tự do. Năm 1956 khi thần tượng Staline bị hạ bệ, phe tự do lấy lại được ưu thế ở Ba lan, Gomulka được tha và phục hồi đảng tịch. Là nạn nhân của Staline nên ông đã có một uy tín rất lớn trong dân chúng. Vào tháng 10-1956 lợi dụng cuộc nổi loạn ở Poznan và dựa vào sự ủng-hộ của quân đội, Gomulka đã được Trung-ương đảng bầu làm đệ-nhất bí-thư. Để ngăn chặn kết quả cuộc bầu cử này, các lãnh tụ Nga Krouchtchev, Mikoyan Molotov và Kaganovitch đã ồ ạt kéo Varsovie. Nhưng sinh viên và công nhân đã rầm rộ biểu tình để ủng-

hộ ông. Kết quả là ông được đưa lên cầm quyền trong khi Thống-chế Nga Rokossowski bị loại khỏi Trung ương đảng Cộng-sản Ba lan.

Tuy được các người thuộc phe Tự do ủng hộ nhưng Gomulka thật ra chỉ là một chính-trị gia cơ hội. Ngay sau khi lên cầm quyền ông đã cố gắng giữ nguyên qui-chế chư-hầu của Ba lan đối với Nga để tránh mọi sự can thiệp võ trang của điện Kremlin. Một chuyên viên Mỹ về vấn đề Cộng sản đã nói rằng: «Đối với những người chống Cộng, Gomulka là lãnh-tụ của phong trào độc-lập, đối với những người xét lại, ông là lãnh-tụ của phong-trào dân-chủ-hóa. Đối với những người Cộng-sản thì ông lại là một vị cứu tinh của một chế độ Cộng-sản bị lung lay».

Sau khi đã thuyết-phục được Nga là Ba-lan không ra khỏi vòng ảnh hưởng của Mạc-tư-khoa, ông Gomulka cố gắng làm hài lòng các phe phái trong nước. Ông giải tán các tổ chức mật-vụ và hầu hết các hệ-thống nông trại tập thể. Ông gia tăng tiếp xúc với các quốc gia Tây-phương và đồng thời hủy bỏ mọi chế-độ kiểm duyệt. Phong trào tự do dưới những năm đầu của triều-đại Gomulka đã được nảy nở mau lẹ. Để lấy được thiện cảm của các tín đồ công-giáo Ba-lan, ông Gomulka đã tìm cách hòa giải Nhà-thờ với chính thể Cộng-sản. Các ruộng đất của Nhà thờ đều thoát khỏi các biện pháp tập-sản-hóa của chính quyền.

Nhưng thật ra Gomulka chỉ là một người có đầu óc bảo thủ. Mục đích chính của ông là tạo ra một không khí thuận lợi để tái lập lại quyền kiểm soát của

đảng Cộng-sản trên toàn quốc. Ông dần dần loại trừ các lãnh tụ theo khuynh hướng tự do và cải cách, giới hạn quyền tự do và tái lập lại các tổ chức mật vụ. Về phương diện kinh tế, ông rút bớt quyền hạn của các hội-đồng thợ-thuyền được thành lập sau vụ Poznan và từ chối không chịu phân quyền kinh-tế xuống địa phương.

Ngay 2 năm sau khi Gomulka lên cầm quyền, người dân Ba-lan thấy số-phận của họ không hơn gì số-phận của người dân Hung-gia-lợi dưới quyền thống trị của một Kadar ra mặt thân Nga.

Để cho dân quên sự mất tự do của mình, ông Gomulka cố tìm cách tăng gia sản xuất. Nhưng chính sách kinh tế của ông, vì quá tập trung, quá đặt nặng về lượng nên không mang lại kết quả mong muốn. Hơn nữa, dưới áp lực của Nga, chính-phủ Ba-lan phải đầu tư vào những dự-án quá tốn kém và tăng quân phí nên tình hình kinh tế trong nước không còn lối thoát.

Những biện pháp của chương trình kế hoạch 5 năm do ông Kociolek chủ-xướng nhằm sửa sai chính sách kinh-tế trong nhiều năm qua chỉ là một giọt nước làm tràn một ly nước đã quá đầy. Trước sự phẫn-nộ của dân chúng, đảng Cộng-sản đã phải dùng quân đội để đàn áp công nhân, đồng chí của họ Gomulka năm nay đã 65 tuổi, không còn đủ nghị lực để kháng cự lại, nên đành phải ra đi nhường chính quyền cho một tập đoàn gồm các kỹ-thuật-gia để cứu-vãn tình-thế. Nhưng các khó-khăn hiện tại lại ở ngay trong cơ-cấu của thể chế Cộng-sản Ba-lan nói chung và của

thể-chế Cộng sản Đông-Âu nói chung. Những người kẻ vị Gomulka dù có đầy thiện-chí cũng chưa chắc đã có thể giải quyết được những khó khăn này mà không xét lại dây liên-lạc giữa Ba lan và Nga-sô.

### Thất bại của chủ nghĩa Cộng-sản tại Ba-lan

Hơn 25 năm sau khi thiết lập chính-thể Cộng-sản tại Đông-Âu, các lãnh tụ Điện Kremlin vẫn tiếp tục giữ nguyên quan niệm coi các quốc gia này như những thuộc địa. Về phương diện chính trị họ phải trung thành vô điều kiện đối với Nga. Về phương-diện kinh-tế họ được coi như những lực-lượng để yểm-trợ cho sự phát triển của Nga. Họ có nhiệm vụ cung-cấp cho Nga những thô sản và khoáng sản mà Nga không có.

Ngoại trừ Tiệp-Khắc là một quốc-gia đã có một hạ-tầng cơ-sở kỹ-nghệ, một số lớn các nước Cộng-sản Đông-Âu đều chỉ có quyền sản-xuất nông-phẩm hay sản-phẩm thiên-nhiên để cung cấp nguyên liệu cho kỹ-nghệ của Nga. Để mua quặng sắt hay máy móc của Nga, Ba-lan phải trả bằng giá rất đắt. Ngược lại Ba-lan lại bắt buộc phải bán than đá cho Nga bằng một giá rất rẻ. Do đó cán cân thương mại giữa Ba-lan và Nga bị thiếu hụt một cách hết sức trầm trọng.

Với một cán cân thương mại như vậy, Ba-lan khó có thể huy động được các tài-nguyên để đẩy mạnh đầu tư nhằm canh tân guồng máy sản-xuất. 75% các máy móc trang bị trong ngành bông vải đã được chế-tạo vào khoảng



thời gian từ năm 1890 tới năm 1920. Ngoài ra, dưới triều đại Gomulka, nhiều dự án tốn kém đã bị bỏ dở một cách phí phạm. Quyền chỉ huy trong nước lại quá tập trung, phương-pháp chỉ-huy quá độc-tài. Nhưng mỗi khi người ta toan tính dân-chủ-hóa chính-thể để lôi cuốn sự tham gia tự nguyện của công-nhân thì Mạc-tư-khoa lại đe-dọa can-thiệp.

Giao thương với các nước Cộng-sản «anh em» trong vùng cũng gặp khó khăn không kém. Vì các quốc gia này sản-xuất ra với mục đích chính là bán cho Nga. Ngoài ra họ cũng sản xuất cùng một loại sản phẩm với Ba-lan nên giao-thương với họ cũng không mang lại lợi ích gì. Đông Đức là một nước tương đối trù phú nhất trong vùng, nhưng năm 1968 Chủ-tịch Tây Đức, Walter Ulbricht đã từ chối không chịu viện trợ cho Ba-lan. Nhưng đến khi Ba-lan quay ra thương thuyết với Tây Đức thì Ulbricht lại gây đủ thứ khó khăn để phá sự hợp tác giữa Bonn và Varsovie.

Sau 25 năm được áp dụng tại Ba-lan, chủ nghĩa Cộng-sản vẫn chưa thấm sâu được vào phong tục và tập quán của nước này. Nhà thờ La-mã vẫn mạnh hơn bao giờ hết. Để chống đối lại chính quyền, dân chúng Ba-lan đã áp dụng một phương-thức độc-đáo là tỏ ra hết sức mộ-đạo. Mỗi chủ nhật họ đến dự các thánh-lễ đông-đảo hơn cả khi mà tôn giáo chưa bị Cộng-sản đàn áp. Nhà xã-hội-học Ba-lan Szczepanski đã nói rằng 25 năm Cộng sản chưa có ảnh hưởng gì tới xã hội Ba-lan và một xã-hội Cộng-sản có lẽ chỉ được thực hiện

tại Ba-lan trong 150 năm nữa (!). Theo Szczepanski thì từ khi Đệ-nhi Thế-chiến chấm dứt tới nay tổng số nhân công đã từ 830.000 người, tăng lên tới 9 triệu người. Nhưng đó không có nghĩa là giai-cấp vô-sản kỹ-nghệ phát-triển mạnh mà ngược lại giai-cấp công-nhân lại bị «nông-thôn-hóa». Vì nông dân bị chính-quyền đưa lên đô-thị để làm việc tại các nhà máy vẫn tiếp tục nếp sống cũ đến nỗi đã nuôi cả dê trong phòng tắm của họ.

Ông Edward Gierek đã được Trung ương đảng Cộng sản bầu làm Đệ-nhất bí thư thay ông Gomulka. Cùng với Gieriek một tập đoàn cầm quyền mới gồm có toàn những kỹ-thuật-gia đang cố gắng cứu vãn một tình thế vô cùng đen tối. Ông Piotr Jaroszewicz, một chuyên viên kinh-tế, lên làm Thủ tướng thay thế ông Cyrankiewicz được cử làm Chủ-tịch Nhà nước, một chức vụ hoàn toàn có tính cách nghi lễ.

Ông Gierek, năm nay 57 tuổi, là một lãnh tụ Cộng sản tại vùng Silésie kỹ nghệ. Xuất thân từ một gia đình thợ mỏ, đã làm thợ mỏ, nên ông thâm hiểu các vấn-đề kỹ nghệ và công nhân. Đã từng sống tại Pháp và Bỉ, ông Gieriek lại lấy một người vợ sinh quán tại Pháp nên ông nói tiếng Pháp thông thạo. Người ta hy vọng rằng ông am-tường về vấn đề quốc tế hơn ông Gomulka. Dưới quyền lãnh đạo của ông, vùng Silésie đã trở thành một vùng trù phú nhất Ba-lan và thợ ở Silésie được trả lương cao nhất Ba-lan. Hồi còn trẻ, ông còn theo học các lớp buổi tối tại trường Hàm-mỏ và Luyện-kim nên không những ông là một chính-trị-

gia mà còn là một kỹ-thuật-gia có khả năng. Chính ông cũng đã nhiều lần dọa từ chức nếu duy trì biện-pháp tăng giá thực-phẩm trong nước.

Ngay từ khi lên nắm chính quyền, ông Gierek đã loan báo là trong hai năm tới ông sẽ giữ nguyên giá thực-phẩm và hạ giá sản phẩm kỹ-nghệ nếu điều-kiện hiệu-năng cho phép hạ giá sản xuất. Ông cũng hứa sẽ xử dụng 300 triệu Mỹ-kim để cấp dưỡng cho các người tàn phế, các gia đình đông con.

Về phương diện đối ngoại, ông Gierek sẽ cố gắng đẩy mạnh sự cộng tác với Tây-Đức để củng cố đường biên giới Oder-Neisse và tăng cường giao thương với Tây-Âu. Tuy muốn nhích lại phía Tây-Âu nhưng ông Gierek sẽ gặp nhiều khó khăn khi thực thi chính-sách này. Trước hết hiệp-ước giữa Tây-Đức và Ba-lan, nếu được tích cực áp dụng, sẽ cho phép các công nhân có khả năng của Ba-lan trốn sang phục vụ tại Tây Đức. Ngoài ra, tuy để yên cho Ba-lan thay đổi lãnh-lụ, nhưng Nga-sô luôn luôn theo sát tình-hình các biến-chuyển ở Varsovie. Chính đại-sứ Nga Averky Aristov đã tới tận Gdansk để tiếp tay với ông Kociolek đàn áp thợ thuyền. Và ông Brejnev, Đệ nhất Bí-thư đảng Cộng-sản Nga cũng đã đích thân tới biên-giới Ba-lan để quan sát tình-hình. Vì vậy dù có muốn đẩy mạnh phong-trào cải-cách cũng phải hết sức thận trọng vì gương Budapest năm 1956 và Prague năm 1968 vẫn còn khiến các lãnh tụ Đông-Âu phải dè dặt.

Ngược lại các biến chuyển ở Ba-lan cũng làm cho Nga-sô e ngại không

kém. Một lần nữa sự nổi dậy của dân chúng Đông-Âu đã chứng minh rằng chủ nghĩa Cộng sản không phải là một phương-cách đốt cháy giai đoạn để đi tới phát-triển kinh-tế xã-hội. Nga không đủ khả năng để viện trợ cho các chư hầu Đông-Âu phát triển kinh tế, vì chính Nga còn phải xin viện trợ của Pháp và Tây Đức. Nếu để cho các nước chư hầu nhận sự trợ giúp của Tây-Âu thì sức thu hút của Tây-Âu đối với họ sẽ mạnh mẽ hơn khiến cho dân chúng có thể chán ghét chủ nghĩa Cộng-sản. Nhưng nếu không cho họ nhận viện trợ của Tây-Âu thì không những Nga không giúp nổi họ mà dân chúng tại các nước chư-hầu sẽ bất mãn trước tình trạng chậm tiến mà nổi loạn. Và mỗi lần họ nổi loạn Nga chỉ có cách duy-trì được chế độ Cộng-sản bằng cách can thiệp võ trang. Nhưng can thiệp võ trang chỉ có một hậu quả là làm mất lòng dân. Sau vụ đàn áp chính phủ Dubcek tại Tiệp-khắc, người ta đã tưởng rằng không còn một nước Cộng-sản nào dám nổi dậy. Nhưng vụ nổi dậy tại Ba-lan vừa qua đã cho người ta thấy mầm nổi dậy luôn luôn âm ỉ cháy tại các nước Cộng sản Tây-Âu. Chỉ một biện pháp vụng về, chỉ một hành động độc tài quá khắc nghiệt cũng có thể khiến một cuộc nổi dậy bùng nổ vào những lúc bất ngờ nhất.

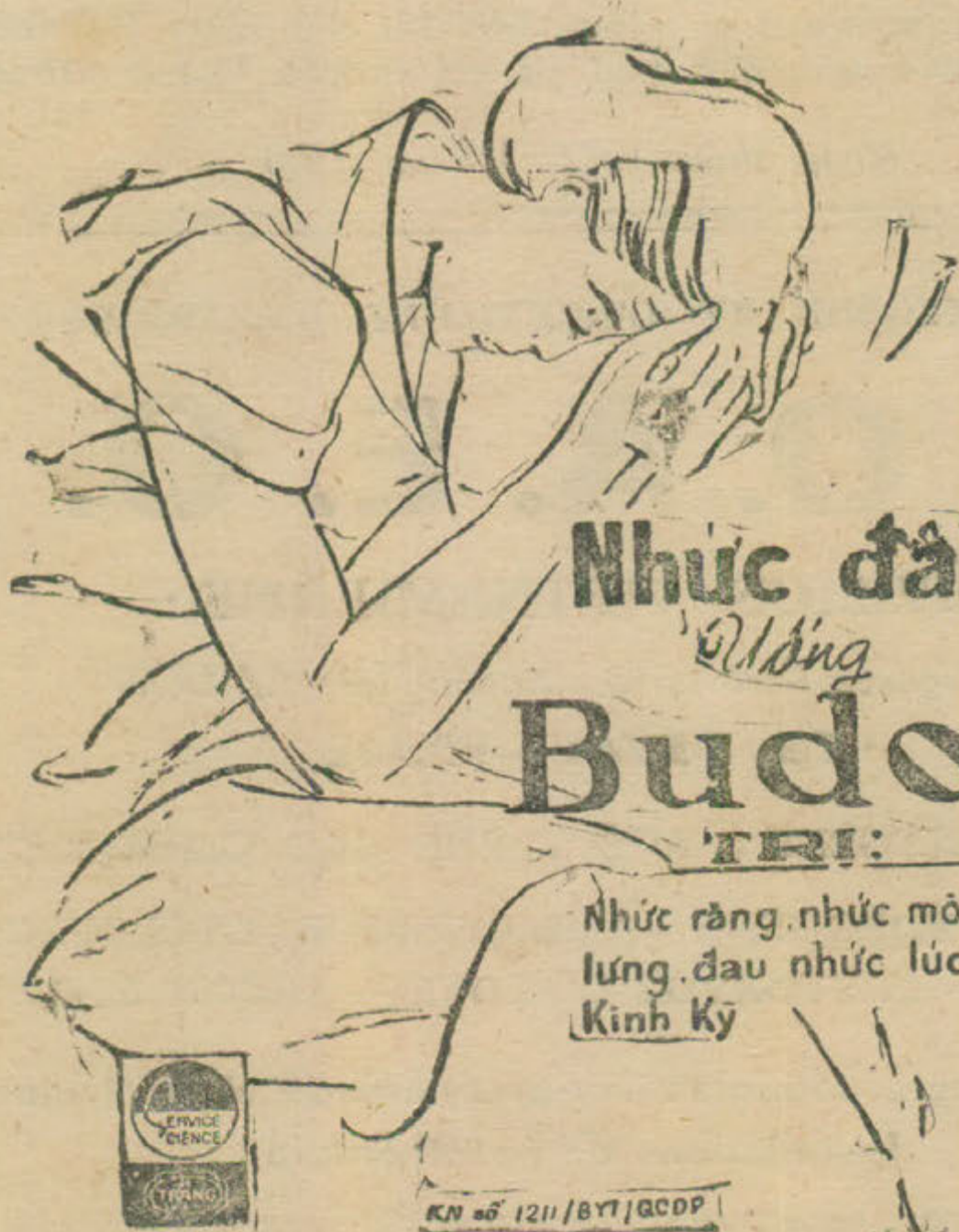
\* \* \*

Vụ nổi dậy của công nhân ở Ba-lan là một biến chuyển trầm trọng đe dọa tương lai của những chính thể Cộng-sản tại Đông-Âu. Những công nhân thay vì là cột trụ của Cách-mạng vô-

sản thì chính họ lại là những người qui trách nhiệm cho Đảng Cộng-sản về tình-hình kinh-tế khó khăn hiện tại. Để thực hiện cuộc Cách-mạng Cộng sản, giai cấp vô-sản đã chịu nhiều hy sinh và đã tích cực tranh đấu trong nhiều năm qua. 25 năm sau khi Cách-mạng thành công đời sống của họ vẫn chưa được cải thiện trong khi tại các quốc gia Tây-Âu như Pháp, Đức, Anh, nơi mà giới tư-bản còn bóc lột giới vô sản, mức sống thợ thuyền đã gia tăng mau lẹ. Giờ đã đến lúc người thợ Đông Âu xét lại và tìm hiểu ý nghĩa những hy sinh của mình. Và khi

mà họ đặt vấn đề thì các chế độ Cộng-sản trở nên lung lay. Nói như vậy không có nghĩa là họ muốn rời bỏ Chủ nghĩa Cộng-sản, mà có nghĩa là họ muốn áp dụng một đường lối Cộng-sản độc-lập đối với Nga-sô. Sau khi cuộc tranh chấp Nga-Hoa bùng nổ Nga, hơn bao giờ hết, cần hậu thuẫn của các nước Cộng-sản Đông-Âu để củng cố vai trò lãnh tụ khởi Cộng-sản. Nếu cứ duy trì dây liên lạc bá chủ và chư-hầu, Nga sẽ có thể mất dần ảnh hưởng tại Âu-châu và như vậy sẽ mất một điểm tựa trên chính-trường quốc-tế.

TỪ TRÌ



Nhức đầu

*Đông*

**Budon**

TRÌ:

Nhức răng, nhức môi, đau  
lưng, đau nhức lúc có  
Kính Kỳ



KN số 1211/BYT/QCĐP

# TRUNG TÂM NHÂN-XÃ-HỌC

(Anthroposocialism Center)

2, Nguyễn văn Thịnh Saigon

*Hoàng-Xuân-Việt sáng lập và điều khiển*

T.T.N.X.H. : Là Học-viện đầu tiên ở V.N. để xướng giáo-dục Hậu-học-đường nhằm phát-triển toàn diện con người, giảm bớt thất bại, tận dụng khả-năng, bồi-túc đại-học bằng những khoa Tự-Lập thân ứng dụng ngay trong cuộc sống thực-tế muôn mặt.

T.T.N.X.H. : Phổ biến Nhân-xã-học, 12 tháng dự-bị, 36 tháng chuyên-khoa, là môn học được trình-bày trong 74 tác-phẩm của Ông Hoàng-Xuân-Việt thuộc loại Học Làm Người từ 20 năm nay nên Trung-tâm tuyệt-đối đứng ngoài chính-trị và Tôn-giáo, lại càng không liên-hệ gì đến một đảng nọ mang trùng tên.

12 MÔN : Do giáo-sư cấp Đại-học và Học-giả tên tuổi dạy và dùng trên 200 sách loại Học làm người làm sách giáo-khoa, là : 1) Hùng biện, 2) Xử thế, 3) Lãnh đạo, 4) Dụng nhân, 5) Tổ chức, 6) Khoa học ứng dụng, 7) Tâm luyện, 8) Bán hàng, 9) Hôn nhân, 10) Hướng nghiệp, 11) Viết văn và làm báo, 12) Thuật tư tưởng.

ĐẶC ĐIỂM : Vừa HỌC giáo-khoa vừa HÀNH bằng sinh-hoạt tập-thể. Mỗi tuần buộc đọc một quyển sách. Sau mỗi giờ học uống trà, nghe nhạc. Mỗi tháng du-ngoạn tinh tâm. Mỗi tối chủ nhật Hội thoại và văn nghệ. Mỗi tuần nghe một diễn giả nói chuyện. Giảng đường tiện nghi, thanh lịch.

*Nhập khóa 15/2, 1/3 và 15/3*

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

## ( S. O. A. E. O. )

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 93.741 - 93.742

Fabrication : OXYGÈNE - ACÉTYLÈNE GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE - AMMONIAQUE - CYCLOPROPANE  
- PROTOXYDE D'AZOTE - ARGON ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA  
CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

## Thị trường sách báo trong cơn lốc gia tăng của thuế má và vật giá

qua các cuộc đàm thoại với một số nhà xuất bản, nhà sách, nhà phát hành : NGUYỄN HIỂN LÊ, AN TIÊM, ĐỒNG NAI, KHAI TRÍ, TRÍ ĐĂNG, KIM ANH.

*Sau khi Thuế "kiệm ước" được ban hành ngày 20-2-70, Bộ Kinh-tế lại ấn định giá giấy báo tăng lên gấp đôi. Sự tăng giá giấy báo đã làm tất cả báo chí Việt nam đoàn kết đề lập Ủy ban tranh đấu đòi Bộ Kinh-tế phải rút lại nghị định trên đây. Kết quả cuộc tranh đấu sôi nổi và hi hữu này là Bộ Kinh-tế nhượng bộ cho báo chí được mỗi năm 20 tấn giấy báo miễn thuế. Còn giấy báo để in sách thì vẫn được nâng lên ngang hàng với... giấy gói trà để chịu giá gấp đôi.*

*Trước tình trạng này chiều ngày 31-5-70 mấy chục nhà xuất bản, nhà báo, nhà văn trong một cuộc họp mặt tại Saigon đã lên tiếng báo nguy về ngành xuất bản, và từ Lá-Bối đến Sáng-Tạo, nhà xuất bản nào cũng nói rằng sẽ chỉ có thể cho ra những tập sách mỏng và nhỏ — ra nhỏ giọt và cầm chừng — để độc giả khỏi quên nhà xuất bản mà thôi.*

*Nhưng rồi tới cuối năm người ta không khỏi ngạc nhiên thấy vẫn có nhiều tác phẩm khá đồ sộ được ấn hành và tuy giá cao mà bán cũng vẫn chạy.*

*Tuy nhiều nhà xuất bản đã bị "Kiệm ước" cho đo ván và nằm im luôn như: Thời Mới, Hoàng Đông Phương, Kim Anh, Thái Độ, Kê Sĩ v.v... nhưng các nhà xuất bản còn lại vẫn gắng gượng cho ra được trong năm mỗi nhà đến 5, 7 cuốn. Và đó thật là một nỗ lực đáng phục, giữa sự thờ ơ, hờ hững của các cơ quan văn hóa nhà nước.*

*Trong cuộc đàm thoại sau đây với các nhà xuất bản: Nguyễn Hiến Lê, An Tiêm, Ca Dao, Trình Bày, Trí Đăng, Văn, nhà sách Khai Trí, quán sách Kim Anh, nhà phát hành Đồng Nai... những tài liệu ghi lại có thể phản ánh một phần nào tình trạng sách báo trong năm vừa qua giữa cơn lốc gia tăng của thuế má và vật giá.*

## Nhà xuất bản NGUYỄN HIỂN LÊ

Trong năm qua, sinh hoạt văn nghệ lâm nguy. Tiểu thuyết, cả sách khảo cứu nữa, cả sách về tôn giáo nữa, đều bị coi là một loại giấy gói trà, giấy làm đồ mã. Từ 280đ. một ram, giấy in sách tăng lên 800đ., thành thử phí tổn in sách tăng lên gấp đôi. Tôi không có thống-kê, chỉ đoán phỏng chừng rằng số tiểu thuyết và tác phẩm biên khảo đã giảm đi ít nhất là một phần ba so với năm 1969. Nhiều nhà xuất bản đứng đắn phải ngưng hoạt động hoặc hoạt động cầm chừng, một số nhà khác cố duy trì thì mang nợ, mà người cầm viết dĩ nhiên là chịu họa lây : tác quyền giảm đi, hoặc sách in xong cả năm vẫn chưa nhận được đủ tác quyền. Nhiều nhà văn phải viết feuilleton chy nhật báo để sống. Lúc này người ta mới thấy « nghệ thuật vị nhân-sinh » là cần thiết ! Đói thì đừng nói tới chuyện vị nghệ thuật.

Lại thêm cái nỗi bộ Kinh-tế cấm không cho nhà xuất bản định lại giá sách và dán đề lên giá cũ. Hình như chỉ cấm miệng thôi chứ không có giấy tờ, chỉ thị nào cả. Có những trường hợp nhà xuất bản tăng giá quá đáng, mới tháng trước tăng, tháng sau lại tăng — khi thuế kiếm ước mới ra —, chặn họ lại là phải ; nhất là loại sách giáo khoa, in ra để bán trong một năm, ít có cuốn đọng lại hai năm mà tăng giá liên tiếp như vậy thì quả là bóc lột.

Nhưng còn những sách khảo cứu, bán có khi năm, mười năm chưa hết (chính tôi có năm cuốn như vậy) mà

không cho tăng giá thì thật vô lí. Ở Pháp, sau khi đồng quan phá giá, từ 5 quan ăn một Mĩ-kim, xuống 5 quan rưỡi một Mĩ-kim các nhà sách lớn như Gallimard, Payot đều tăng giá sách lên 10 % hết, chẳng hạn một cuốn về Linguistique trước đề giá 19 quan, lúc đó tăng lên 20 quan rưỡi.

Ở nước ta, một cuốn khảo cứu in năm 1961, dày 200 trang bán 55đ., mỗi năm chỉ bán được non 200 cuốn, bây giờ sau hai lần đồng bạc phá giá, mức sống đắt lên gấp năm, mà vẫn phải bán giá đó thì nhà xuất bản, trừ huê hồng đi rồi, thu về được có 30đ. một cuốn, không đủ để in lại một cuốn 120 trang. Như vậy thì nhà xuất bản nào cũng chỉ lo in những cuốn bán cho mau, một năm phải hết, làm sao có thể có tác phẩm giá trị được ? Văn nghệ phải xuống dốc, nhất định rồi.

Nhà xuất bản nào có một số vốn còm là một triệu đồng (chỉ đủ để in một cuốn như *Sử Kí* của Tư Mã Thiên, hoặc hai ba cuốn tiểu thuyết như *Đoạn Tuyệt* của Nhất Linh) tất phải dẹp « cơ sở » — gọi là « cơ sở » cho oai vậy — cứ đem gửi ngân hàng, mỗi năm còn chắc chắn thu được hai trăm ngàn đồng, đủ nuôi một vợ và hai con bằng gạo Mĩ và rau muống Việt Nam ; chứ đem ra « kinh doanh » thì chỉ một năm là hết nhãn vốn, vì tôi tin chắc chỉ trong một năm nữa, đồng bạc sẽ lại phá giá nữa.

Chết, chết hết ráo !

Đó là tôi chưa kể những nỗi bóp nghẹt văn hóa cực kì vô lí, tàn nhẫn hơn cả thời Tây, thời Diệm, của cơ quan Phối hợp nghệ thuật, khiến cho tất cả các nhà văn đều phần uất, phần uất nhất là nhà văn Thế-Uyên mà một cuốn bị cấm, hai cuốn bị « bôi xóa da beo ». Ngày 6-11-1970 ông đã gửi một kháng thư lên ông Tổng trưởng Bộ Thông tin, Bộ vẫn cứ dùng chính sách « mần thình»; và đợi một tháng không thấy Bộ trả lời, ông đã đệ đơn lên Tối Cao Pháp Viện đề kiện vì Bộ Thông tin đã duy trì một cơ cấu phi pháp, vi hiến; luật sư Vũ văn Mẫu đã đại diện cho ông trong vụ kiện này.

Xét nông nổi như vậy mới thấy sự kiên nhẫn và can đảm của các nhà xuất bản nho nhỏ như Lá Bối, An Tiêm. Họ rên là « hi sinh tột bực », là « kiệt lực », mà năm 1970 vẫn ra được mười cuốn, mỗi nhà được một cuốn « lớn » — tương đối. Như cuốn *Thiền luận* của nhà An Tiêm, 660 trang, Suzuki viết đã hay, Trúc Thiên dịch cũng khéo, chú giải kĩ, mà in lại nhã và đẹp, thật là một tác phẩm quý. Cơ hồ như được Phật phù hộ và đọc giả thương tình, nên *Sử kí* của Tư Mã Thiên và *Thiền luận* đều không đến nỗi ế.

Nhà Khai Trí ra được cuốn *Việt sử xứ Đàng Trong* của Phan Khoang và bộ *Việt Nam tự điển* của Lê văn Đức (gồm hai cuốn, trên 2.500 trang) đều là công trình đáng kể cả, nhưng bắt đầu in từ mấy năm trước, chứ nếu năm 1970 mới khởi công thì chắc ông Khai Trí cũng phải trùn lại.

Cũng nên kể thêm cuốn *Nho văn giáo khoa toàn thư* của ông Nguyễn văn Ba (Việt Nam Văn Hiến) viết và in công phu (710 trang), cho người tự học chữ Nho. Đặc điểm của bộ này là :

1. — Soạn giả dùng một số thơ văn chữ Nho của Việt Nam (Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Phan Đình Phùng, Phan Sào Nam...) làm bài học;

2. — Phần lý trí và duệ trí, soạn giả chủ trương rõ rệt đề cao duệ trí mà phương Đông hồi xưa coi là quan trọng hơn lý trí. Cách lựa văn của Liệt tử, Mạnh tử rồi tới Trang tử, Lão tử, Khổng tử, và những lời nhận xét ở cuối mỗi bài đều nhắm vào mục tiêu đó cả.

Tôi ít đọc tiểu thuyết nên không rõ có tác phẩm nào đặc sắc không.

\* \* \*

Về sinh hoạt văn học của chính quyền, tôi thấy khiêm tốn lắm.

Trung tâm học liệu hình như ra được vài cuốn, không rõ in từ hồi nào, một cuốn truyện về Tây Thái hậu (để làm học liệu?) và một hai cuốn dịch cổ văn Trung quốc mà tuyệt nhiên không chú thích, chắc là để cho các cụ Cử, cụ Tú cõ-học dùng.

Hôm đó, vào tiệm Việt Bằng, tôi thấy một khách hàng vào khoảng ngũ tuần, lật cuốn Tây Thái hậu rồi lắc đầu nói một mình: « Bộ Giáo-dục in thứ này làm gì? » Tôi không quen ông ta, nhưng cũng mỉm cười đáp lại: « Vậy chứ có dư tiền không in thì để làm gì? »

Cơ quan dịch thuật của ông Mai

Thọ Truyền năm 1970 dịch được bao nhiêu tác phẩm và in được bao nhiêu, tôi thú thật là không biết vì không thấy bày bán, cũng không thấy công bố trên báo chí. Chỉ nghe một ông bạn bảo có người dịch xong cuốn nhan đề là *L'éducation nouvelle*, mông như loại *Que sais-je?* mà tôi chắc là rất ít người đọc vì nó cồng quá rồi; nhưng bao giờ in, thì chính người dịch cũng không biết và còn nói thêm: "Chẳng cần biết"! Đúng là chính quyền làm văn hóa cho chính quyền, chứ không phải cho quốc dân!

Viện Khảo cổ hình như cũng không cho ra được một cuốn nào. Còn Ủy ban điền chế văn tự gồm bốn chục vị, làm việc bốn năm rồi, đã định nghĩa xong được bao nhiêu tiếng (mot), chúng ta cũng không biết. Và các cơ quan đã chi tiêu hết mấy trăm triệu cho những công tác văn hóa đó?

Một nhà xuất bản lớn ở Sài Gòn có lần bảo tôi:

— Giá chính quyền dẹp hết các cơ quan đó đi, chỉ bỏ ra mười triệu thôi cho các nhà xuất bản tư nhân vay để in những tác phẩm lớn, khó

bán, như cho nông dân vay tiền làm ruộng vậy, thì chắc chắn là có lợi cho văn hóa hơn nhiều.

Tôi đáp:

— Đúng lắm. Nhưng chưa chắc các nhà xuất bản đứng đắn đã chịu vay đâu, nếu các ông làm văn hóa cho chính quyền không đủ tư cách cho họ trọng. Thà họ chịu thiếu hụt, cực nhọc xoay xở để tự lực ra được những tác phẩm quý giá, còn hơn là mang tiếng nhờ vả những kẻ chẳng hiểu gì về văn hóa. Một số nhà xuất bản trong năm 1970 đã có lần họp ở nhà An Tiêm, và nhất định cần rằng chịu cái giá 800đ một ram giấy chứ không thêm xin chính quyền hạ xuống cho, thì đủ biết thái độ của các nhà chân chính làm văn hóa ở miền Nam này ra sao. Và rốt cuộc chính sách đó lại chỉ để giúp bọn con buôn văn hóa có thêm vốn tung sách chường và sách khiêu dâm ra thôi.

Một hạng người không biết gì về văn hóa mà giao cho việc văn hóa thì hậu quả nhất định phải như vậy.

(15-12-70)

## Nhà xuất bản AN TIÊM

Trong năm vừa qua nhà An-Tiêm cho ra được tất cả khoảng 15 cuốn. Tất nhiên trong số này gần nửa là những sách xuất bản được từ nửa năm đầu, nghĩa là lúc giấy còn rẻ hay còn mua sẵn được một số giấy giá cũ hoặc nhà in đã nhận in từ trước với giá cũ. à giấy có

sẵn. Nói chung sách của An Tiêm. Lá Bối trình bày đã đẹp, in cẩn thận. lại bán giá tương đối bao giờ cũng rẻ hơn sách của các nhà xuất bản khác. Thí dụ cuốn *Thiền Luận*, có nhiều hình ảnh, dày trên 660 trang, ra cuối năm 70, theo thời giá phải là 660đ trở lên mỗi cuốn, thì An Tiêm



chỉ đề giá 650đ lại thêm cả bao nylon nữa. Đó cũng là một trong những lý do khiến sách An Tiêm bán chạy khá đều. Mỗi cuốn Thầy Thanh Tuệ — người chủ trương nhà An Tiêm — in ra mỗi kỳ từ 3000 đến 4000 mà cuối năm mỗi cuốn chỉ còn dư chừng 1.000 hay nhiều lắm là 1.500.

Trong một cuộc đàm thoại, Thầy Thanh Tuệ đã tâm sự rằng: «Tôi muốn giá một cuốn sách hạ hơn thế nhiều, nhưng tốn phí về giấy, về ấn loát từ đầu năm đến cuối năm đã tăng lên quá cao, nên giá thành của cuốn sách đã ở một mức mà giá bán đề ít hơn là lỗ. Mà hiện nay chúng tôi đã công nợ khá nhiều rồi nên không thể chịu đựng lỗ nữa được hơn nữa.

«Tôi thấy trong một năm nay báo hàng ngày, hàng tuần ra rất nhiều, trong mỗi tờ báo đều có những truyện, những mục, những tin tức, phóng sự hấp dẫn thị hiếu của quần chúng. Người dân thường bỏ tiền hàng ngày để mua báo hàng ngày, báo hàng tuần đã khá tốn kém, lại mất nhiều thì giờ vào các mục «hấp dẫn» nói trên, thì còn tiền bạc và thì giờ đâu mà mua sách và đọc sách nữa. Do đó mà mức tiêu thụ sách đã giảm sút thật nhanh chóng, nhất là giá sách lại quá cao trong khi mãi lực người dân xuống quá thấp.

«Trong năm vừa qua sách An Tiêm phần lớn được phát hành lấy, nhưng có 3 cuốn nhà Đồng Nai mua đứt với số hoa hồng 60% (nhà xuất bản ăn 40%) là: «Một thời đề yêu và một thời đề chết», «Câu chuyện của dòng

sông» và «Thiền luận». Nhờ vậy mà tôi cũng trang trải được một phần công nợ. Tôi phải thừa thực đề bác rõ là tôi đòi hỏi trong việc ấn loát, vô bì... cũng khắt khe hơn các nhà xuất bản khác, sao cho cuốn sách thực coi được. Thí dụ người ta vô 1 bì thì tôi vô 1 bì, lại thêm 1 bì bọc ngoài, lại một băng bao ngoài, lại 1 bao nylon nữa thành ra công gấp 4 lần. Bởi thế tốn phí cuốn sách của An Tiêm thường quá cao. Mặt khác tôi xuất bản đề được có một số anh em viết lách thường xuyên đàm đạo hàng ngày nên quả thực là mấy năm nay có được chút lời nào thì cũng bỏ cả vào sự tiếp đãi anh em cho không khí vui vẻ, có hứng khởi mà làm việc. Nhưng nay tình trạng xuất bản khó khăn đến tối như thế này thì tôi phải tiết kiệm và bắt đầu bằng việc ăn gạo lứt cho đỡ tốn kém để cố gắng duy trì cho sự xuất bản được tiếp tục, các cuốn sách quý hay ích lợi cho văn hóa có thể thành hình và đến tay bạn đọc được.»

Được hỏi về các sách đã in của An Tiêm, Thầy Thanh Tuệ cho biết sách của An Tiêm phát hành đợt đầu bao giờ cũng tiêu thụ được chừng 1000 cuốn. Sách bán chạy thì có thể lên tới 1.500 cuốn. Nhưng sách nào cũng chỉ trong khoảng 2 năm là bán hết. Sách bán chạy thì 6 tháng là hết. Sách bán trung bình phải 1 năm.

Về cuốn «Thiền luận» — một trong những cuốn sách dịch, loại khảo luận bán chạy trong năm 70 — dịch giả, Ô. Trúc Thiên, đã tìm tài liệu Hán, Việt để đối chiếu với bài kệ, các

giai thoại kể lại trong sách, mất tất cả gần một năm trời nên tháng 3-70 bản thảo mới hoàn tất và trao cho nhà xuất bản. Và tới ngày 15-11-70 sách mới in xong. Tác quyền cuốn này khoảng 150.000đ.

Xét chung thì sách An Tiêm bán cũng khá chạy. Cuốn thơ của Vũ Hoàng Chương *Ta đợi em từ 30 năm* in 2.000 cuốn mà bán hết ngay. *Hiển chương giáo-dục* của Kim Định in

4.000 nay còn có 1.000. *Tôn giáo là gì* của Vivekananda in 3.000 cũng còn có 1.000 v.v... Như vậy thì sao mà lại nợ nần được? Thầy Thanh Tuệ cho biết là An-Tiêm nợ từ sau Tết Mậu Thân và số nợ khoảng 1 triệu đồng trong đó có 400.000 không phải trả lời. Bởi vậy bây giờ thầy phải lo bán xe, trả nợ, và ăn cơm gạo lứt để tiết kiệm như đã nói ở trên.

## Nhà xuất bản TRÌNH BẦY

Trước câu hỏi về tình hình xuất bản, Anh Thế Nguyên, người chủ trương nhà Trình Bầy, trầm ngâm một chút rồi mới trả lời: « Năm nay Trình Bầy xuất bản tương đối ít và chúng tôi có một đường lối đã vạch sẵn, nên có nhiều cuốn biết rằng bán chậm mà vẫn cứ in ngược lại có cuốn, biết rằng cho ra sẽ bán chạy, mà vẫn phải để cho người khác xuất bản. Như cuốn *Kim Các Tự* của Yukio Mishima chẳng hạn chúng tôi nằm bản thảo trong tay

mãi rồi lại quyết định dành cho nhà xuất bản khác. Cuốn « *Một ngày của Ivan Denissovitch* » của A. Soljenit syne, chúng tôi cũng sẵn có bản thảo từ lâu mà kẹt vì đường lối đã đề ra, chúng tôi lại phải để cho nơi khác in. Bởi thế sách bán chạy, hay không chạy, đối với chúng tôi, không giống với các nhà xuất bản khác. Riêng năm nay tôi thấy có một hiện tượng đáng ghi. Đó là cuốn « *Thiền luận* » bán rất chạy. Có lẽ người ta đã chán cả mọi sự nên muốn tìm về Thiền chăng? »

## Nhà xuất bản CA-DAO

Bằng một giọng mệt mỏi, Hoài Khanh, người chủ trương nhà xuất bản Ca-Dao kể lè: « Năm nay tôi cũng xuất bản dăm cuốn thì trong đó 1 cuốn truyện, 1 cuốn thơ của tôi, 1 cuốn thơ in cho người bạn, còn có cuốn của Ô. Nguyễn Hiến Lê (Nhân sinh quan và thơ văn Trung Hoa) và cuốn của Bửu Ý (Một thoáng nắng) mà thôi. Tác quyền của ông Lê vẫn chưa trả hết được.

Đạo tháng 9 tôi có ra Huế thăm một người bạn và cũng để tìm hiểu

về tình hình tiêu thụ sách báo ở đó nữa... Nói chung số người mua sụt lằm. Các hiệu sách họ chỉ đặt mua có 1 lần và không bao giờ lấy thêm lần thứ 2.

Sách của tôi ối đọng dứ lằm; tôi định bán hết các sách cũ cho một nhà phát hành nào đó, dành cho họ một số hoa hồng lớn, như vậy tôi sẽ có một số tiền khả quan mà lại in thêm sách nữa. Lúc này túng quá mà vẫn thềm in sách vẫn thềm xuất bản.

(Xem tiếp trang 77)

## Hôn nhân và nghề cầm viết

Về thái độ đối với tiền bạc, giới cầm bút cũng như các giới khác, có hai hạng người: hạng căn cơ, hạng phá của.

Căn cơ thì như Goethe và Hugo. Goethe hồi độc thân cũng như hồi có vợ, giữ sổ chi tiêu rất cẩn thận. Về già khi danh ông đã vang khắp châu Âu, bán tác phẩm nào cũng được cả triệu bạc mà làm đơn xin triều đình Weimar giảm thuế cho, lấy lẽ rằng ông nhận được quá nhiều thư từ, hồi âm rất tốn kém. Nhà vua Charles Auguste, bạn thân của ông, đành mỉm cười mà chấp nhận.

Goethe còn thua Hugo xa. Hugo bao một đào hát tên là Juliette Drouet, cảm ngặt cô không được tiếp một người đàn ông nào khác mà chỉ thí cho cô một số tiền vừa đủ để khỏi chết đói, đến nỗi cô phải bán hết tư trang rồi bán áo vá, không dám xin tiền ông may áo mới. Ông đưa cho đồng nào thì cô phải ghi ngay vào sổ, và tiêu món nào dù là một vài xu, cũng phải biên sổ cho ông soát. Tội nghiệp, có lần cô phàn nàn kiếp của cô không bằng kiếp con chó bị nhốt cũi, mỗi ngày được một đĩa sữa và được chủ cầm dây xích dắt đi dạo phố một vòng. Maurois bảo tại hồi trẻ Hugo nghèo, chỉ có hai cái áo sơ-mi và hai xu mỗi ngày, nên khi kiếm được nhiều tiền vẫn quen tính cần kiệm.

Nhưng Dumas cha hồi trẻ cũng rất

nghèo, khi lên Paris kiếm việc chỉ có vài chục quan trong túi, mà sao coi tiền như rác. Ông ta bỏ ra năm trăm ngàn quan (1) cắt một lâu đài lở lãng đặt tên là Monte Cristo, khách khứa dù quen hay không quen cứ việc lại mà ăn dầm nằm dề, thiếu tiền tiêu thì ông cung cấp cho nữa. Dĩ nhiên chỉ được một năm, phải bán lâu đài và chỉ thu được hai trăm ngàn quan.

Tolstoi, Dostoievski đều có hồi đam mê cờ bạc, một đêm nướng cả ngàn rúp, Balzac không cờ bạc thì ham mua ngựa, mua xe, may những bộ áo rất sang để ra vẻ quý phái, đeo những kim cương, ngọc thạch đắt tiền và sắm đủ các thứ đồ đồng đồ bạc bày chật cả nhà, cho nên tuy kiếm được rất nhiều tiền mà suốt đời phải trốn nợ, có lần xuýt bị ngồi tù vì nợ.

Xét chung thì hạng nghệ sĩ thường có tật phung phí. Thực may cho họ nếu vợ họ biết tốp họ lại. Nhưng cũng nên vừa phải thôi, kẻo mà bị một ông chồng như Tolstoi sỉ vả là chỉ ham kiếm bạc các. Hai đại văn hào bậc nhất của Nga, Tolstoi và Dostoievski, giống nhau ở điểm cả hai đều có bà vợ cực kì đảm đang: bà Dostoievski tự xuất bản lấy sách của chồng và chỉ để cho nhà sách có 5% huê hồng, bà Tolstoi học được

(1) Mỗi quan thời đó bằng 200đ. V.N. bây giờ.

kinh nghiệm đó cũng mở một nhà xuất bản riêng.

Ngày nay ở Âu Mỹ, các nhà văn có tên tuổi và viết nhiều, thường giao công việc thương lượng với các nhà xuất bản thu tác quyền, cho một người đại diện (agent). Chúng ta có muốn xin dịch một tác phẩm của họ, thì phải giao thiệp với đại diện của họ. Nếu những nhà văn đó có được người vợ biết tính toán mọi chi tiêu trong nhà, giữ tiền và sổ sách, thì họ không còn phải bận tâm về việc tiền nong nữa, trí óc được thảnh thơi để trứ tác. Ở nước ta, có nhà văn nào được hạnh phúc đó không? Dale Carnegie đã phàn nàn trong cuốn *Quãng gánh lo* rằng phụ nữ rất ít người biết giữ tiền. Phụ nữ của mình về phương diện đó có giỏi hơn phụ nữ phương Tây không? Tôi ngờ lắm. Đa số hoặc keo kiệt, hoặc huy hoác quá, mà lại dễ tin người nên dễ bị lường gạt. Ôi! giá khỏi phải lo việc tiền nong thì thú quá, nhất là trong thời buổi này, kẻ nghèo đã khổ, người có dư một chút cũng không an tâm, mà kẻ có bạc tỉ lại càng lo ngay ngáy.

Nghệ sĩ và triết nhân như Tô Đông Pha mà cũng phải bận tâm về việc tiền nong: mỗi tháng lãnh lương, ông chia làm ba chục xâu cột lại rồi treo lên xà nhà, mỗi ngày lấy xuống một xâu mà tiêu và rán để dư một chút phòng khi có khách khứa. Vậy mà có lần túng thiếu, thấy con nheo nhóc, ông rầu rĩ suốt ngày, bà Tô phải an ủi, lấy ra một vò rượu cất từ hồi nào, rót mời ông một chén để ông tiêu sầu. Bà Tô thật là người vợ hiếm có.

\*\*\*

Bà còn đáng quý ở chỗ phục tài của chồng, hãnh diện rằng chồng được tất cả dân Hàng Châu từ quan lại, tăng sĩ, ca nhi ngưỡng mộ, và thỉnh thoảng kien ông, kín đáo thôi chứ không « trát từng bay » như Juliette Drouet. Trong mấy chục năm, Juliette ngày nào cũng viết thư cho Hugo mặc dầu ngày nào cũng gặp ông, và trong hai chục ngàn bức thư, bức nào cũng có những câu như: « Anh vĩ đại nhất, anh đẹp nhất... Anh cưng, em xin lỗi anh nhé, sao mà em yêu anh thế... Được thấy anh tức là được sống, được hôn anh tức là được lên Thiên đường... » vân vân. Tâm hồn chúng ta có lẽ khác tâm hồn Hugo, không mấy ưa cái giọng đó, mà có lẽ chính Hugo nhiều hôm cũng bực mình, thấy nét chữ của Juliette là gạt ra một bên, không đọc; nhưng được người thân nhận định được đúng tài năng, cả sở trường lẫn sở đoản của mình, thì nhà văn dễ phấn khởi hơn, đủ nghị lực để chịu đựng mọi khó khăn của nghề, mọi sự ghen ghét, phản bội nữa.

Thành công thì thế nào cũng có kẻ thù. Được nhiều người mến như Maurois mà cũng viết: « Có một hạng người, hạng người phải chiến đấu, tức hạng nghệ sĩ, chính trị gia, ngày nào cũng cần được một liều sinh tố trung tín, ngưỡng mộ ». Tôi đồng ý với ông nhưng không ưa danh từ « sinh tố ngưỡng mộ » của ông.

Hồi đầu thế chiến vừa rồi, thi sĩ Trần Huyền Trân có lần vô Saigon và cho tôi coi một tấm khăn lụa Hà Đông trên đó một nữ độc giả thêu một đoạn trong một tiểu thuyết của ông để tặng

ông. Công thù chắc mất mấy ngày, nhưng đoạn văn tầm thường. Ngưỡng mộ đấy, mà không phải là tri kỉ. Cho nên tôi ưa hai chữ « tương tri » hơn. Đoán được dụng ý của nhau, cái « tại ngôn ngoại » của nhau, nhất là đoán được thái độ của nhau, hành động của nhau trong một hoàn cảnh đặc biệt nào đó mới là tương tri. Cái đó mới là lạc sự ở đời, mà nó rất hiếm trong gia đình. Lại thật, cơ hồ như càng ở gần nhau, người ta càng ít hiểu nhau. Ở nước nhà tôi mới thấy người ta đồn rằng gia đình nhà văn Nhật Tiến được hưởng cái vui đó.

Vì thiếu sự tương tri trong nhà, nên nhiều nhà văn phải tìm nó ở bốn phương và gặp được thì không gì vui bằng.

Juliette Drouet hồi trẻ gần như một ả điếm, mà khi gặp Hugo thì tính tình thay đổi hẳn, bỏ hết thói xa hoa, chia xẻ mọi nỗi cực khổ với ông trong cuộc cách mạng 1848 và trong thời lưu vong của ông. Nàng Triều Vân khi làm thiếp của Tô Đông Pha, mới mười lăm tuổi, bắt đầu học hành, sau theo gót lưu đày của ông trên mấy ngàn dặm, từ miền bắc tới miền nam Trung Hoa mà mất ở Huệ Châu (Quảng Đông); chẳng những Tô mà các bạn của Tô đều nhận rằng nàng là một phật bà giáng trần để an ủi ông trong những bước gian truân nhất đời của ông. Hai người đàn bà đó chẳng cần trừ tác cũng lưu danh trong văn học sử. Tôi tự hỏi phải có thiên tài như Hugo, Đông Pha mới gặp được Juliette, Triều Vân; hay phải có tấm lòng như Juliette, Triều Vân mới nhận được giá trị của Hugo, Đông Pha. Và trong mỗi cặp, ai sướng hơn ai?

Tâm hồn con người rất phức tạp, có thể tương tri ở khía cạnh này mà không tương tri ở khía cạnh khác. Bà Tolstoi nhận định rất đúng tài năng của chồng, bà khen *Chiến tranh và Hòa bình*, *Anna Karénine*, *Cái chết của Ivan Ilitch*, nhưng lại không hiểu được tâm trạng mâu thuẫn, day dứt bất tuyệt của ông, nên bi kịch mới xảy ra và bà phải ân hận tới suốt đời.

Khi đã về già mà vẫn không kiếm được bạn tương tri, Goethe đành phải tìm sự hi sinh và ngưỡng mộ: ông cưới một thiếu nữ quê mùa, dốt nát, đọc không thông, lại xấu xí, thô tục, chỉ được mỗi một đức là phục tòng ông một mực và đưa thân hình vạm vỡ ra che chở ông khi quân Pháp muốn bắt ông. Các bạn bè, nhất là các tình nhân cũ, quý phái của ông tự lấy làm xấu hổ thay cho ông, tuy không tuyệt giao với ông nhưng coi vợ ông y như một con ỏ. Duy có bà mẹ triết gia Schopenhauer là chịu tiếp vợ ông: « Ông ta đã đem cái tên mình tặng cô ả được thì sao tôi lại không tặng cô ta một chén trà? » Goethe đại hay khôn?

\* \* \*

Chồng viết văn có nên cưới vợ cũng viết văn không? Cái đó còn tùy. Chồng có tài hơn vợ thì được, nếu vợ có tài hơn chồng thì hạnh phúc khó bền.

Aurore Dudevant (tức George Sand) khinh chồng Casimir là cục mịch, không hiểu văn chương, hễ cầm cuốn sách là ngủ gục, xin li thân, rồi cùng với một thanh niên tên là Jules Sandeau nhỏ hơn nàng cả chục tuổi, dặt nhau lên Paris tính cách mưu sinh bằng cây bút.

Chàng và nàng viết chung một tiểu thuyết nhan đề là *Hồng và Bạch*, kí tên là J. Sandeau. Rồi nàng viết tiếp một truyện khác, truyện *Indiana*, lần này viết một mình, vì chàng đau, nghi là ho lao.

Đọc bản thảo *Indiana*, Sandeau thấy tài của nàng hơn mình nhiều quá, sinh ngưỡng, không chịu ký tên chung nữa, và nàng kí tên một mình, lấy một bút hiệu đàn ông, tức George Sand. Truyện *Indiana* làm cho nàng nổi danh liền; Sandeau càng không dám viết. Nàng khuyến khích, rồi thúc giục. Chàng phát cáu: « Em muốn anh viết ư? Anh cũng muốn lắm chứ, nhưng viết không được. Anh bấm sinh không được như em, có một cái lò-xo bằng thép ở trong óc, chỉ cần nhấn cái nút là ý chí hoạt động liền...» Tới cái nước đó thì chỉ còn cách là xa nhau. George Sand tỏ ra rất cương quyết; xử sự như đàn ông, đoạn tuyệt một cái một. Nàng cho người khác mượn căn nhà Jules Sandeau đang ở, xin cho chàng một tờ thông hành qua Ý, đưa cho chàng một số tiền lộ phí. Thật là chu đáo!

Đàn bà có tài hơn đàn ông là chuyện thường, nhưng trong xã hội chúng ta hiện nay, chồng làm một nghề với vợ mà thua vợ thì tự cho là nhục. Vợ có thể rất tế nhị, tỏ vẻ khiêm tốn, nhường nhịn chồng, nhưng xã hội chỉ xét giá trị tác phẩm của họ thôi, mà kẻ độc miệng không phải là ít, nên người chồng không thể nào không ngưỡng mộ được. Vô lí thật đấy, nhưng từ bao nhiêu thế kỉ nay đàn ông vẫn tự cho mình là hơn đàn bà, nay tự thấy thua ngay trên khu

vực của mình thì làm sao lòng tự ái khỏi bị thương tổn. Chẳng riêng về văn chương, về ngành kịch, ngành họa cũng vậy, chồng mà kém vợ nhiều quá thì gia đình khó có hạnh phúc. Tâm lí đàn ông như thế đấy.

Ngược lại, nếu chồng có tài hơn vợ, thì cả hai đều có thể làm nhà văn chuyên nghiệp nhưng phải khéo tổ chức việc nhà lắm, đời sống mới bình thường được vì viết văn là một nghề rất dễ ham mê và đa số các người viết văn ít quan tâm tới việc nhà. Cho nên giải pháp hay hơn cả là nếu cây bút của chồng đủ nuôi gia đình thì vợ chỉ nên tiếp tay với chồng thôi. Bà Tolstoi quản lí một điền trang đồ sộ, chỉ huy hàng chục gia nhân và cả ngàn nông nô mà tối còn chép bản thảo *Chiến tranh và Hòa bình* cho chồng, có chương chép lại tới bảy lần! Juliette Drouet, theo Hugo trong thời lưu vong ở đảo Guernesey, chép bản thảo truyện *Những kẻ khốn nạn*, say mê tới nỗi thúc Hugo viết cho mau để được biết em bé Cosette sau có thoát khỏi nanh vuốt của cụ Thénardier không, hành tung của Jean Valjean có bị tên mật thám Javert dò ra được không...

Giúp chồng đắc lực hơn cả có lẽ là bà kể thất của Maurois. Bà có cửa riêng, lại vốn dòng thư hương, là con nuôi của Anatole France và chơi thân với gia đình Marcel Proust. Đánh máy giỏi, lại học thêm tốc kí Anh và Pháp, để làm thư kí cho chồng. Bà có một thư phòng riêng ở sát thư phòng của chồng, đánh máy bản thảo cho chồng, tiếp khách khứa, trả lời thư từ của

đọc giả và kiểm tài liệu cho chồng viết về Marcel Proust và về Balzac. Tôi chắc Maurois đã mang ơn vợ rất nhiều. Trong cuốn *Thư gửi người đàn bà không quen biết* ông nhận rằng ông quý vợ hơn những người đàn bà khác và đã tìm thấy hạnh phúc trong hôn nhân. « Người đàn bà không quen biết » của ông mỉa ông : « Thôi đi, nên thẳng thắn một chút nào ! Những chùm nho kia xanh quá mà. Cụ thú thực đi, đôi khi cụ cũng tiếc những cuộc phiêu lưu mà cụ không dám (...) Có những đàn bà trẻ đẹp hơn cụ bà mà ». Ông đáp : « Mặc chứ ! Tôi không ham các bà trẻ hơn. Thế thì cô làm gì được nào ? »

Thực hợp tác với nhau, nghĩa là cùng viết, cùng kí tên chung một tác phẩm, thì ở Việt Nam tôi thấy có ông bà Đông Hồ ở Mĩ có ông bà Durant.

Thi sĩ Đông Hồ và nữ sĩ Mộng Tuyết chỉ kí tên cùng một tập mỏng, tập *Hà Tiên thập cảnh*, nhưng tôi tin chắc rằng công của Đông Hồ trong cuốn ngoại sử kí sự tiểu thuyết *Nàng Ai Cơ trong chầu úp*, của Mộng Tuyết không phải là ít. Hai ông bà chắc đã cùng tìm tài liệu với nhau, chưa biết chừng, cùng dựng truyện với nhau nữa. Và ai đọc văn hai nhà đó cùng nhận thấy bút pháp giống nhau đến bảy tám phần mười.

Bà Ariel Durant, tuy không viết, nhưng đã góp công lớn với chồng, ông Will Durant, trong gần nửa bộ *Lịch sử văn minh*, (ba mươi cuốn, mỗi cuốn 450 trang, bản tiếp Pháp của nhà Rencontre). Ông đọc xong một tài liệu nào rồi — tài liệu gèm ít nhất cả ngàn bộ sách — đưa cho bà đọc, rồi cả hai

đều thảo luận với nhau, lập bố cục và sau cùng ông viết, bà đọc lại, thêm bớt. Cô con gái lãnh việc đánh máy, ghi xuất xứ. Cả một gia đình hợp tác với nhau trong mấy chục năm để phụng sự văn hóa, thực là hiếm có.

\* \* \*

Nhưng đã được đọc khá nhiều đời sống văn nhân, tôi chưa thấy cặp vợ chồng nào có hạnh phúc như cặp Bertrand và Edith Russell.

Bertrand Russell suốt đời đi « tìm tình yêu » vì ông cho nó là « niềm vui cực độ », nó « giải thoát cho ông khỏi cảnh cô liêu » trên đời, nó là « cảnh thiên đường mà các vị thánh và các thi sĩ mơ tưởng ». Sau ba lần thất bại với ba bà vợ, tám mươi tuổi ông mới thành công, gặp bà Edith Finch, nhỏ hơn ông khoảng hai chục tuổi. Bà không hiểu triết, không hiểu toán, tuy cũng giúp ông đọc thư, trả lời thư của độc giả khắp nơi mỗi ngày gửi tới cả đồng, và tiếp khách hoặc đuổi khéo khách đi nữa, nhưng sự hợp tác về phương diện văn chương thực sự chẳng có gì cả, vậy mà ông cảm ơn bà không biết bao nhiêu, bảo nhờ bà, ông quên hết được những cảnh ghê tởm trên thế giới, hạnh phúc của ông mỗi ngày một tăng, « không đoán được tới đâu là cùng » ; và khi in bộ *Tư truyện*, vài ba năm trước khi ông mất, ông đề tặng bà như sau :

**Tặng Edith :**

*Trong bao nhiêu năm đằng đẵng*

*Anh đã tìm sự yên ổn,*

*Anh đã thấy niềm vui cực độ và nỗi lo lắng,*

*Và sự điên cuồng*

Và cảnh cô độc.  
 Anh đã thấy nỗi đau khổ nó gặm nhấm  
 Con tim cô liêu của anh  
 Nhưng anh không tìm thấy được sự  
 yên ổn.

Tuy nhiên, già rồi, gần tới cuối đời rồi,  
 Anh đã tìm thấy em  
 Và đã tìm thấy được ở em

Cả niềm vui cực độ lẫn sự yên ổn.  
 Em đã đem lại sự nghỉ ngơi cho anh.  
 Sau bao nhiêu năm cô độc

Bây giờ anh mới được biết cuộc sống  
 và ái tình.

Bây giờ đây, nên phải ngủ giấc ngàn thu  
 Thì anh sẽ nằm xuống, hoàn toàn mãn  
 nguyện.

Tôi không có bản tiếng Anh, không  
 biết bài đó có văn hay không, nhưng  
 có văn hay không thì theo tôi, nó cũng

là một bài thơ tuyệt tác, cảm động hơn  
 những bài *Tristesse d'Olympio* của  
 Hugo và *Le Lac* của Lamartine. Nó có  
 cái rạo rức, say đắm, chua chát của  
 phương Tây mà lại thoáng  
 thoáng có cái hương tinh mịch của  
 phương Đông trong các bài *Tặng vợ*  
 của Lí Bạch, Đỗ Phủ, Tô Đông Pha.

Russell kín đáo chỉ nói đại khái rằng  
 hai ông bà tính tình, thị hiếu hoàn toàn  
 hợp nhau. Nhưng tôi, thì tôi để ý đến  
 câu « Em đã đem lại sự nghỉ ngơi cho  
 anh ». Viết văn cũng như làm chính trị,  
 hoặc kinh doanh, là một nghề rất mệt,  
 cho nên cần sự yên ổn, nghỉ ngơi hơn  
 những nghề khác. Bí quyết của bà Edith  
 là hiểu được điều đó.

Saigon, 1-12-1970

NGUYỄN HIẾN LÊ

ASPRO





trị:

CÁM CÚM  
ĐAU NHỨC

PUBL. TÂN-TRÍ  
  
 KN 226.8YT

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



## Chiến-đấu-tính

trong một số các cô-tục Việt-nam  
vào dịp đầu Xuân

### Cướp cầu

Làng Yên-Xá gọi tắt là làng Yên, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, ở kề ngay bên tỉnh lỵ, mẹ cống hậu thành, hàng năm mở hội mừng Xuân trong ba ngày từ mồng 10 đến hết ngày 12 tháng giêng.

Tnành-Hoàng làng này gồm ba mẹ con một người hành-khất.

Theo thần tích thì có ba mẹ con người hành khất tới làng Yên, bà mẹ trạc gần ba mươi tuổi còn hai đứa con vào khoảng lên tám, lên chín.

Ba mẹ con xin được năm cốm. Bà mẹ tuy đói nhưng nhường cho hai con ăn. Hai đứa trẻ tranh nhau ăn, rồi thằng anh đá chết thằng em. Em chết gặp giờ linh, báo mộng cho dân làng, được dân làng lập đền thờ. Đền thờ thiêng lắm, ai cầu gì được nấy. Dân làng được giúp đỡ phù hộ rất nhiều. Thờ người em, về sau dân làng thờ cả người mẹ lẫn người anh.

Trong mấy ngày hội xuân ở làng Yên có nhiều thú vui và cô tục, nhưng đặc biệt hơn cả là tục *Cướp cầu*, tục này tuy là đề nhắc lại sự tích hai anh em con người hành khất tranh nhau năm cốm, nhưng mang

rất nhiều chiến-đấu tính. Diễn lại tích cũ, nhưng trong sự diễn lại này, tục lệ đã đồng thời nuôi dưỡng tinh thần thượng võ cố-hữu của dân Việt-Nam.

Quả cầu tượng trưng cho năm cốm, làm bằng vải, to bằng quả bưởi có kết giải nhiều điều.

Hội mở trong ba ngày, nhưng chính hội là ngày 12 tháng giêng. Hôm ấy có đám rước từ đền thờ ra đình. Trên kiệu rước có đề quả cầu kết giải nhiều điều nói trên. Cầu này đã được dân làng chỉ định người may sẵn từ trước.

Đám rước tới đình, dân làng làm lễ tế cầu, sau đó cuộc *Cướp Cầu* được tổ-chức.

Làng Yên-Xá có hai giáp, hàng năm hai giáp vẫn gắng nhau cướp lấy quả cầu. Trong ngày *Cướp Cầu* hai giáp đều kén những trai tráng khỏe mạnh nhất giáp, đề tranh làm sao cho được quả cầu. Những chàng trai này cởi trần tròng trọc và mỗi người chỉ mang một chiếc khố nhiều điều trông lực lưỡng và rất đẹp.

Trai tráng hai giáp đứng về hai mé sân đình ở mỗi mé sân, đều có sẵn một chiếc hố, lớn hơn quả cầu một chút.

Lễ tế cầu chấm dứt, ông chủ tế bưng quả cầu xuống, rồi tung ra sân đình cho trai tráng hai phe tranh nhau cướp.

Khi quả cầu tung ra, những chàng trai hăng hái xô nhau để cướp cho bằng được. Dân làng thuộc hai giáp đứng ở bên ngoài reo hò cổ vũ.

Cuộc cướp cầu rất là gay-go. Người này vừa nhặt được quả cầu người khác đã cướp mất. Họ giằng đi, cướp lại quả cầu. Cuộc cướp cầu có năm kéo dài tới bốn năm giờ chiều mới kết liễu.

Phe nào cướp được quả cầu phải mang bỏ vào chiếc hố. Một chàng trai ôm quả cầu chạy còn những chàng trai khác trong hàng giáp ngăn cản không cho những chàng trai giáp kia xông tới để giật lại quả cầu. Trai một giáp phải có lối chơi toàn đội và phải hỗ trợ lẫn nhau. Quả cầu phải bỏ vào cho được chiếc hố ở phía sân đình bên mình mới kể là cướp được. Quả cầu chưa bỏ vào hố, đối phương vẫn có quyền giành đi cướp lại.

Quả cầu bỏ vào được hố rồi, cuộc cướp cầu chấm dứt. Bên cướp được quả cầu lại mang quả cầu vào đình tế cho đến nửa đêm mới xong.

Người làng Yên tin rằng giáp nào cướp được quả cầu, trong năm đó giáp ấy sẽ là n. ăn phát đạt quanh năm.

Hội làng Yên-Xá rất vui. Ai đã một lần chứng kiến cướp cầu tất

không bao giờ quên, dù người đó sau này có được chứng kiến những cuộc chơi bóng rổ, những cuộc đấu bóng bầu dục cũng ồn ào tranh cướp và đầy tinh thần thượng võ như tục cướp cầu ở làng Yên.

### Cờ lau tập trận

Học Việt-sử, chúng ta đã biết lúc nhỏ tuổi, vua Đinh-Tiên-Hoàng đi chăn trâu và thường cùng chúng bạn dùng cờ lau tập trận và kéo nhau đánh nhau với trẻ chăn trâu các xã lân cận.

Ngày nay tại làng Trường-Yên, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh-Bình, nơi có đền thờ vua Đinh-Tiên-Hoàng hàng năm trong ngày hội vẫn diễn lại tích "Cờ lau tập trận".

Hội làng này mở từ ngày 15 đến 20 tháng hai âm lịch và vùng này có câu ca dao :

*Ai là con cháu Rồng Tiên,*

*Tháng hai mở hội Trường Yên thì về !*

*Về thăm đất cũ Đinh Lê,*

*Non xanh nước biếc bốn bề như xưa*

Trong ngày hội, ngoài các trò vui khác có trò vui chính là "Cờ Lau tập trận" và trò vui này đồng thời nhắc lại một đoạn lịch sử nước nhà, đã biểu lộ chiến-đấu-tính trong khi các trẻ tham dự cùng đánh nhau như vua Đinh và các bạn chăn trâu thuở xưa.

Cuộc diễn trận do các trẻ em trong làng và hàng tổng đảm-trách dưới sự chỉ dẫn của ban tổ chức ngày hội. Các trẻ em chia làm hai phe, một bên đóng vua Đinh tiên Hoàng cùng chúng bạn, còn một bên đóng các trẻ chăn trâu các làng lân cận.

Trong cuộc diễn trận này, khán giả luôn luôn thấy cậu bé đóng vai Đinh bộ Lĩnh hăng hái xông pha chiến đấu cùng chúng bạn để đánh đuổi lũ mục đồng đối phương. Chiến cuộc thắng lợi, cậu Đinh bộ Lĩnh được chúng bạn làm kiệu công kênh giữa những cờ quạt sắc sỡ bằng lá cây hoặc tết bằng rơm rạ. Các bạn che tàn, che lọng cho cậu, rước cậu đi giữa rừng cờ la 1.

Cuộc diễn tích cờ lau tập trận năm nào cũng kết thúc ngày hội giữa sự nô nức của mỗi người, giữa tinh thần phấn khởi của dân làng, nói lên lòng tôn sùng đối với vị anh hùng của quốc gia dân tộc.

### Tranh nhau cây Mộc Tắt

Đây là tục của làng Long-Khám huyện Tiên-Du. Thành-hoàng làng này là ông Lý-Phú-Quan, một tướng tài nhà tiền Lý, đánh dẹp được giặc Man, phá đồn giặc, lập được công lớn sau được phong thần và dân lập miếu thờ.

Hàng năm làng này mở hội vào đám từ mồng 7 đến rằm hoặc 28 tháng 8 âm lịch tùy theo mùa màng phong túc hay thất thu của năm.

Trong đêm hôm rã đám, làng này có tục tranh nhau một khúc gỗ lớn gọi là cây mộc tắt. Đêm hôm đó có buổi lễ tế sau cùng, sau buổi tế là một tiệc lớn, dân làng ăn uống say sưa. Tiệc tùng xong, ông chủ tế cùng các cụ trong làng từ 50 tuổi trở lên cử hành tục tranh nhau cây mộc tắt. Tất cả cởi trần tròng trọc và chỉ đóng một chiếc khố màu trông rất hùng dũng.

Một hồi trống lớn nổi lên, dứt tiếng trống vị chủ tế vào đình lấy ra cây mộc tắt, ném xuống giữa sân đình. Mọi người vỗ tay cùng reo to: «cướp! cướp!» rồi cùng nhảy xông vào cướp lấy khúc gỗ, chuyền nhau từ trong đình ra ngoài đồng, vừa chạy vừa la hét và trong khi đó tiếng trống làng vang lên như tiếng trống trận. Cuộc tranh cướp truyền nhau cây mộc tắt tiếp tục từ nửa đêm đến tang tảng sáng, mọi người mới về nhà nghỉ ngơi.

Đến cuối giờ tý, một kỳ-mục ra mang cây mộc-tắt về đem rửa trong ao làng rồi đem cất vào đình.

Theo dân xã Long-Khám, tục tranh cướp cây mộc-tắt nhắc lại sự tích thần phá đồn giặc Man ở Đại-Lịch.

### Cướp bị gậy

Thành Hoàng làng Xuân-Ái tục gọi là làng Xôi, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc-Ninh cũng làm nghề hành khất như Thành-hoàng làng Yên-Xá cùng huyện đã nói ở trên. Làng này hàng năm mở hội hai lần, mùa xuân vào ngày 12 tháng Giêng và mùa thu từ mồng 10 đến 15 tám.

Về mùa Xuân, hội làng có hát Quan họ, thi dệt vải, về mùa Thu, hội làng ngoài các cuộc rước xách tế lễ có tục «cướp bị gậy» vào đêm rã đám. Bị làm bằng cối chiếu, còn gậy làm bằng gỗ và sơn đỏ. Bị gậy tượng trưng cho nghề hành khất của vị Thành hoàng.

Đêm hôm rã đám, dân làng tề-tụ cả ở sân đình để dự cuộc tế thần.

Tế xong, một hồi trống nổi lên. Dứt tiếng trống ông chủ tế hạ bị gậy từ bàn thờ xuống và vút ra sân đình. Lập tức dân làng xô nhau xông vào cướp, mạnh nấy ai chen và cố giành cho được chiếc bị hoặc chiếc gậy. Một người cướp được, năm bảy người khác kéo lại, cuộc tranh cướp xô xát rất lâu. Dân làng ai cũng háng hái, khiến cho chiếc bị vì giằng co, rách làm nhiều mảnh. Mỗi người cố giật làm sao cho được một mảnh của chiếc bị, giật được là chạy thẳng về nhà cất kỹ xem là một vật báu. Họ tin rằng, chỉ được một mảnh chiếc bị thôi cũng đã khước lăm rồi, mảnh bị này có phép nhiệm màu trị được bệnh tật và giúp đỡ cho gia đình người lưu-giữ làm ăn được phát-đạt. Và cả chiếc gậy cũng vậy, cũng có phép nhiệm màu như những mảnh của chiếc bị.

Dân làng Xuân Ái tin rằng hàng hằng năm không tổ chức cuộc cướp bị cướp gậy, trong làng sẽ có sự bất yên.

### Tục đánh nhau

Tục này thuộc thôn Thượng xã Duvên-tục, phủ Tiên-Hung, tỉnh Thái-Bình. Thôn này thờ vị Thành-hoàng tục gọi là Thần Đấm, Thần Đấm xưa kia là một tên ăn trộm bị người ta bắt được và đánh chết, gặp giờ linh nên được dân thôn Thượng lập đền thờ.

Hàng năm khi thôn vào đám, đêm rã đám dân thôn, có tục Đấm Nhau. Đêm đó dân thôn, già trẻ, trai gái tụ họp đông đủ tại đình trước là để xem tế rã đám, sau là để cử hành hèm

của vị Thành-hoàng.

Cuộc tế thần xong, đèn nến trong đình đều tắt hết, mọi người đâm lẫn nhau.

Đây là một cuộc chiến đấu thật sự giữa dân làng với nhau. Mạnh hai nấy đâm, mạnh ai nấy đỡ, già đâm trẻ, trẻ đâm già, nam nữ đâm lộn nhau. Đấm nhau một hồi đèn nến lại thắp lên, mọi người kéo nhau ra về, thản nhiên như không hề xảy ra chuyện gì tuy có người xưng mặt biểu đầu (1).

### Hai Xã đánh nhau

Đây là hai xã Sài Sơn, tỉnh Sơn Tây và xã Thụy-Khuê ở ngoại ô Hà-nội. Thành hoàng hai xã này lúc sinh thời vốn thù hằn nhau, nên hàng năm dân hai làng này phải có đánh nhau trong dịp hội xuân cả hai làng mới bình yên và làm ăn thịnh vượng được.

Hàng năm vào ngày mồng 6 tháng giêng, hèm chung của hai làng được cử hành như sau :

Trai tráng hai xã tụ tập ở ranh giới chung với gậy tày gạch đá; đôi bên khiêu khích nhạo báng nhau, có khi gọi nhau mà chửi, rồi cuối cùng hai bên dùng gậy gộc đá gạch đánh nhau thật sự đến có người bị thương. Họ đánh nhau một trận kịch liệt, đôi bên mới kéo

(1) Tục này cũng như các tục đánh nhau giữa các làng và trai gái đánh nhau sẽ được trình bày ở dưới đều do tài liệu của Ông Lê Văn Hào trong bài "Một số tục cổ của người Việt qua các hội mùa" in trong tập san Đại Học Huế.

nhau ra về. Và ngày hôm sau dân hai làng gặp nhau lại tử-tế với nhau như không có sự gì xảy ra. Hai làng lại kết thân với nhau như cũ!

Chiến-đấu tính thật đã hoàn-toàn biểu lộ trong cờ tục này như trong cờ tục giữa bốn làng Thượng Ốc, Yên Lũng, Vân Lũng và Yên Thọ trình bày ở dưới.

### Ba xã đánh một

Về tục này Ông Lê văn Hảo viết:

«Thần tích các xã này không rõ ra sao chỉ biết tục cờ đánh nhau như sau:

«Ngày mồng 4 tháng giêng trai gái, già trẻ ba xã Yên Lũng, Vân Lũng, Yên Thọ kéo nhau đến đầu xã Thượng Ốc khiêu khích và chửi rủa những bô lão của ba thôn trong xã, ấy là thôn Yên Hạ, thôn Ngự Cầu, và thôn Đào Nguyên; Hôm sau, ngày 5 vào khoảng 11 giờ trưa dân ba xã lại đến, thấy cây cỏ rau đậu bứt nhổ, phá phách, người ba thôn vẫn im nhin. Hôm sau, ngày 6 ba xã lại đến chặt cây phá lũy tre của xã Thượng Ốc, người của ba thôn trong xã cũng vẫn nhin. Hôm sau ngày 7 dân ba xã lại đến kêu tên hiệu những người kỳ mục của ba thôn ra sỉ vả, ba thôn cũng vẫn nhin, nhưng đến ngày 8 tháng Giêng, dân ba xã kia gọi đến tên hiệu Thành hoàng của xã Thượng Ốc để chửi. Người của ba thôn không nhin nữa xông ra đánh nhau kịch-liệt với dân ba xã kia. Sau đó ai trở về xã nấy, không mang thù oán, không kiện tụng. Khẩu truyền cho rằng không cử hành nghi thức

chiến đấu này thì dân cả 4 xã không được yên ổn phát đạt.

«Mấy xã Yên Lũng, Vân Lũng, Phú Vinh và Ngãi Cầu (Hà Đông) cũng có tục cờ ba xã xã đánh nhau với một xã tương tự như trên».

### Trai gái hát đối đáp... rồi đánh nhau

Trai gái thanh niên xã Bồng Trung phủ Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa có tục hát trống quân với nhau đêm trung thu. Đêm đó, tất cả già trẻ trai gái trong làng đều tụ họp ở đầu thôn xóm cùng ngắm trăng. Trai gái chia làm hai phường nam nữ ngồi hai bên, ở giữa có chiếc trống đất, cũng được dân làng gọi là trống quân; hai bên hát đối đáp với nhau.

Cuộc hát bắt đầu bằng những câu lịch sự, rồi chuyển sang những câu vui đùa. Hai bên vui cười qua lời ca tiếng hát, nhưng dần về sau, từ vui đùa, những câu hát chuyển sang khích bác, và lời ca của đôi bên biến thành một cuộc đấu khẩu kịch-liệt. Nam nữ như bất-bình thù hận nhau. Sau cùng những câu hát là những câu xô xiên, chửi nhau thực sự, gọi nhau bằng những danh từ thực là xấu xa, gọi nhau là chó má.

Đến đây cuộc hát bỗng ngưng, đôi bên xông vào đánh nhau, đánh nhau thực sự, đánh nhau như kẻ thù. Cha anh của đôi bên cũng nhảy vào đánh hôi với các con em. Thế là bọn ngắm trăng lúc trước chia làm hai tốp, dùng cả gậy gộc, sỏi đá đánh nhau. Mỗi tốp có một người cầm đầu cờ võ và đốc chiến bằng cách đánh

những hồi trống đất. Tiếng trống như thúc dục, cuộc chiến đấu của hai tốp thật dữ dội.

Trong lúc hai bên sắp chiến đánh giáp lá cà như vậy, các cụ già chỉ đứng xem, hoặc nếu có người bị thương thì các cụ dìu về nhà an ủi.

Hai tốp đánh nhau cho đến thật khuya vào khoảng nửa đêm về sáng mới giải tán. Sáng hôm sau, hai bên đi thăm nhau, hỏi han và xin lỗi, và không bao giờ ai thù oán ai, ai kiện tụng ai. Cuộc sống giữa những người đã ấu ẩu với nhau như không hề xảy ra chuyện gì.

Tục truyền lại, nếu dân làng không có những cuộc đánh nhau như vậy trong xã sẽ bất an.

### Cướp đầu pháo

Đây là một cờ tục rất hào-hứng ở vùng thượng-du Bắc-Việt, sự hào-hứng này chứa đựng trong chiến đấu tính của thú vui.

Ai đã có dịp qua các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên...trong những ngày đầu xuân tất đã hiểu thế nào là hội Đầu Pháo và tục cướp Đầu Pháo.

*Đầu Pháo* tức là đầu một quả pháo, nhưng chiếc đầu pháo này khác những đầu pháo khác là có một chiếc vòng sắt quấn chung quanh và chiếc vòng sắt này đã được trang điểm cho xúng với ngày xuân bằng dây ngũ sắc, tạo nên bởi chỉ và vải hoặc những giấy dát trang kim rất nổi.

Quả pháo có quấn chiếc vòng sắt này là một quả pháo rất lớn đường kính ít nhất cũng phải 10 phân tây.

Tại Lạng Sơn, hội Đầu pháo thường tổ chức ở Kỳ Lừa vào ngày 9 tháng giêng âm lịch và ở Đồng Mỏ thuộc Châu ôn vào một ngày thượng tuần tháng giêng, chúng tôi rất tiếc không nhớ rõ đúng ngày nào.

Tại Cao-Bằng hội Đầu pháo vẫn tổ chức tại Đình Chợ, sở tại châu Quảng Uyên, cách tỉnh lỵ 35 cây số về phía Bắc vào ngày mồng 2 tháng hai âm lịch. Hội ở đây tổ chức rất linh đình long-trọng. Và hội cũng có tổ chức ở Nước-Hai phủ Hòa-An vào ngày mồng 8 tháng giêng mỗi năm. Tại xã Phục Hòa, phủ Trùng-Khánh cũng có hội Đầu Pháo vào ngày 15 tháng giêng. Phục-Hòa cách phủ Trùng-Khánh vào khoảng 6 cây số. Ở Cánh Linh, cách Phục-Hòa 8 cây số hàng năm dân làng cũng mở hội Đầu Pháo vào ngày 16 tháng giêng. Và còn nhiều nơi nữa, như ở Chợ Chu, tỉnh Thái Nguyên, hội tổ chức vào tháng 5 âm lịch, hoặc những nơi khác ở mấy tỉnh trên vào các ngày khác nhau.

Trong các hội Đầu Pháo chúng tôi được biết, chỉ có hội ở Kỳ-Lừa, tỉnh Lạng Sơn và hội ở Đình-Chợ, Châu Quảng-Yên tỉnh Cao Bằng là tổ chức rầm rộ hơn cả.

Kỳ-Lừa ở bên kia sông Kỳ-Cùng đối-diện với Lạng-Sơn, nơi đây có chợ Kỳ-Lừa, nằm tựa ven một hòn núi, to lắm Đình chợ ở ngay châu lỵ Quảng-Uyên. Tại nơi đây núi đá chi chít, chỉ có một khoảng đất ở sau Đình-chợ là rộng rãi.

Ngày hội ở Đình-chợ vui vẻ rầm rộ lắm. Trai gái ở các nơi kéo tới rất đông. Họ từ Nước-Hai lại, họ

từ Trưng-Khánh tới. Họ ở Cao-Bằng lên. Trong tháng Giêng họ đã dự nhiều hội Đâu pháo ở các nơi rồi, trong tháng hai chỉ có hội ở Quảng-Uyên là to nhất họ không thể bỏ qua được.

Quảng-Uyên đất tuy hẹp nhưng khách tới dự hội đã được dân sở tại chia nhau đón tiếp. Tinh thần hiếu-khách ở đây thật là hiếm có; ai cũng muốn đón khách về nhà, và người ta cho rằng đầu năm đón khách xa lạ về nhà và thết đãi khách lịch-sự, là một điều may mắn cho một năm. Nhà có đàn bà con gái, người ta mong được tiếp đãi khách đàn ông con trai, còn nhà có đàn ông con trai, người ta lấy làm hân hạnh được tiếp khách đàn bà con gái.

Ngày hội. Pháo được đốt trên một đài cao, cao từ 5 đến 10 thước. Ngoài chiếc pháo lớn có vòng ở đầu, người ta còn đốt rất nhiều pháo nhỏ. Những tràng pháo treo từ đỉnh đài thông xuống tới đất, dây pháo nọ nối dây pháo kia, tràng pháo này bên tràng pháo khác. Toàn là pháo thật kêu và pháo toàn hồng. Pháo được kén mua từ Thị trấn Long Châu bên Tàu sang.

Trước lễ khai mạc đốt pháo, khách xem hội cũng như những lực-sĩ cướp đầu pháo đều có mặt ở chung quanh đài.

Các đoàn lực-sĩ tới dự cuộc tranh đầu pháo từ các nơi xa tới; đối với họ, hội đầu pháo chỉ có nghĩa tranh nhau cướp chiếc vòng sắt ở đầu quả pháo. Người ta tin rằng cướp được chiếc đầu pháo này sẽ gặp nhiều sự may mắn trong năm không riêng gì cho người cướp được mà cho cả toán đã tham gia vào công việc tranh cướp này. Mỗi toán lực-sĩ ở một địa-phương tới, thắng trong cuộc cướp đầu pháo này còn làm vinh dự cho cả địa phương. Đến dự cuộc đầu pháo không cần phải ghi danh sách, ai có sức cứ việc dự. Khi sắp đốt pháo các lực sĩ đều cởi trần và chỉ mặc một chiếc quần đùi, chờ lúc đầu pháo rơi xuống là tranh nhau xông vào cướp. Lúc tranh cướp tha hồ dùng

võ. Thường thường trưởng các đoàn lực sĩ là những tay võ nghệ cao cường, chỉ huy cho các đàn em cướp đầu pháo. Tha hồ chen lấn xô đẩy, các lực sĩ cùng một đoàn thường che chở hỗ trợ nhau để đoàn mình cố cướp cho được chiếc đầu pháo. Nhật được chiếc đầu pháo lên chưa hẳn là được. Người nhật được phải chạy sao cho mau, các bạn đồng toán phải ngăn cản người khác để cho người kia mang được chiếc đầu pháo vào trong đình đặt lên bàn thờ lễ xong ba lễ mới kê là được cuộc.

Toán lực-sĩ cướp được đầu pháo được dân sở tại thưởng cho lợn và gạo. Được thưởng, có khi toán này dùng ngay gạo và mỡ lợn làm cỗ để anh em cùng dự và tất cả lực-sĩ các toán khác cùng dự.

Đối với họ phần thưởng cũng là quý nhưng không đáng kể bằng cái danh dự đã cướp được đầu pháo. Toán lực-sĩ nào cướp được đầu pháo phải mang về lập đền thờ, và năm sau tới ngày hội lại rước đầu pháo tới trả. Chiếc vòng lại được lồng vào chiếc pháo mới để dùng cho ngày hội.

Lễ đốt pháo do ban tổ chức khai-mạc. Các tràng pháo treo ở đài được đốt lên một loạt. Chiếc pháo lớn có vòng đầu là một chiếc pháo thẳng thiên, — do vị hương chức. trưởng ban tổ chức châm ngòi đốt.

Hội thật là âm-ỹ tương-bưng, đượm một tinh thần chuộng võ cổ truyền! Lễ tất nhiên ngoài tục đốt pháo, ngày hội còn nhiều trò vui khác.

\* \* \*

Chúng tôi xin ngừng ở đây, tuy có lẽ còn nhiều cỗ tục khác nặng mang chiến-đấu-tính chúng tôi không biết đến. Rất mong nhận được sự chỉ dẫn của bạn đọc.

Và chúng tôi cũng không nhắc tới những muôn du hí cưỡi ngựa, đánh gươm, bắn cung có tính cách hoàn-toàn võ-nghệ.

TOAN ANH

## SỬA LẠI CHO ĐÚNG

● Trong bài « Chiến đấu tính trong một số các cổ tục Việt-nam » của Ông Toan Ánh đăng trong số xuân, trang 63, có những sơ suất về ấn loát như sau, mong bạn đọc sửa lại giùm cho :

Trang 65, cột 2, hàng 17 : « ở sở Ô Mễ. » xin sửa là : « ở xã Ô Mễ ».

Trang 66, cột 1, hàng 18 : « một thể thao » xin thêm là : « một môn thể thao ».

Trang 67, cột 1, hàng 2 : « người xem khỏi lẩn » xin thêm là : « ngăn người xem khỏi lẩn ».

Trang 67, cột 2, hàng 2 : « đánh phết cũng là ». Xin thêm : « đánh phết. Đánh phết cũng là ».

Trang 68, cột 2, hàng 16 « làm lễ tái đình ». Xin sửa là : « làm lễ tại đình »

Trang 68, cột 2, hàng 25 thiếu hẳn một đoạn dài như sau :

ngai thần [Thành-Hoàng ngài sẽ nổi giận nếu dân chúng không có phản ứng, và như vậy trong suốt năm dân làng có thể gặp những sự không may. Phải chăng thần linh ngài có mặt cảm, sợ người thập phương nhìn ngay vào trước mặt sẽ tưởng tượng được tới tiền thân của ngài.

Bởi vậy trong suốt buổi lễ, không may có ai xa xôi mới tới, không biết tục làng, vô ý đứng nhằm phía trước cửa đình sẽ bị thanh-niên trong làng tới quật ngã cho đến nằm bò xuống đất. Khách chống lại, thanh-niên trong làng sẽ xô nhau vào quật bằng được khách ngã. Ngã rồi, nếu khách không biết lại đứng ngay lên ở trước cửa đình, khách liền lại bị quật bò xuống. Bị quật ngã như vậy, khách có bị thương, dân làng cũng không cần biết đến. Khách đã bị quật bò chỉ có cách lẩn ra mé bên cạnh, không trông thẳng vào đình mới đứng lên, sẽ không bị quật bò, tiếp. Nhưng nhà nhiếp ảnh tới chụp ảnh những cuộc vui của dân làng trong ngày hội cũng bị thanh-niên trong làng quật bò nếu đứng vô ý.

### Đánh bệt

Tục đánh bệt này cũng là một tục tàn bạo nhưng chiến đấu tính ở đây đã...

\*\*\*

● Trong bài « Nhận định tình hình sách thiếu-nhi » của ông Châu-Hải-Kỳ trên Bách-Khoa số trước (số 336, ngày 1-1-1971) cũng in không rõ hàng cuối cùng cột 2, trang 40, xin bạn đọc viết lại cho rõ như sau : « xét tình hình chung, trong năm nay ».

\*\*\*

Xin trân trọng cáo lỗi cùng Ô.Ô. Toan Ánh, Châu Hải Kỳ và quý bạn đọc.

Tòa soạn BÁCH-KHOA



# Nghĩ về vấn - đề hiện đại hóa Đông - Y

« Der Geist der Medizin ist leicht zu fassen »...

GOETHE

**Áp-dụng vào thực-tiến :**

**Tứ chẩn, bát cương, bát pháp**

Trên lâm sàng, tức là tại giường người bệnh, khi chẩn-đoán, Đông-Y luôn luôn tìm hiểu về toàn diện : biến đổi của khí-hậu bốn mùa, hoàn-cảnh sinh-hoạt của bệnh-nhân, trạng-thái người bệnh như thần khí, sắc thái, tiếng nói, hơi thở, mạch tượng v.v... Trong chẩn-đoán, người xưa rất chú-trọng đến tính thống-nhất chỉnh-thề giữa các cơ-quan nội-tạng và giữa cơ-thể với hoàn-cảnh bên ngoài, như đã trình-bày ở tiết-mục trên.

Đề đoán bệnh, Đông-Y dựa vào bát cương và tứ chẩn.

Bát cương gồm có âm dương, biểu lý, hàn nhiệt, hư thực, là một hệ-thống lý-luận rất độc-đáo của y-thuật Đông-phương, là phương-pháp và công-cụ để nghiên-cứu bệnh-tật, giải-quyết bệnh-tật. Không thể có bệnh-tật nào ra ngoài phạm-vi của bát-cương, bởi tính-chất của bệnh-tật không thuộc âm thời thuộc dương, bộ vị của bệnh-tật không thuộc biểu thời thuộc lý, biểu-hiệu của chứng-trạng không thuộc nhiệt thời thuộc hàn, thịnh suy của tà chính không thuộc thực thời thuộc hư.

Trong bát cương, âm dương là nhị cương chủ-yếu, chỉ-đạo toàn bộ sáu cương kia, khái-quát cả biểu lý, hàn nhiệt, hư thực : lý là âm, biểu là dương, hư là âm, thực là dương, hàn là âm, nhiệt là dương. Cho nên, dầu phân ra bát cương, nhưng bát cương vẫn giữ một quan-hệ thống-nhất. Quan-niệm về âm dương đã được trình-bày trong phần triết-thuyết Đông-Y; nên phần này chỉ đề-cập đến sáu cương còn lại.

Biểu lý dùng để chỉ phần ngoài hay phần trong của cơ thể. Biểu chỉ da lông kinh lạc..., lý chỉ ngũ tạng lục phủ. Về chẩn-đoán, biểu lý chủ yếu dùng để chỉ bộ vị của bệnh diễn-biến cạn hay sâu. Bệnh thuộc biểu là bệnh còn ở phần ngoài, bệnh đến lý là bệnh đã vào phần trong. Chứng thương-hàn nhập lý chẳng hạn, là chỉ chứng thương-hàn đã nhập sâu vào trong tạng phủ, không còn ở bên ngoài cơ-thể nữa. Nhưng cũng có thể bệnh không ở biểu cũng không ở lý, thì Đông-Y gọi là bán biểu bán lý.

Hàn nhiệt là biểu-hiệu của hai loại chứng-hậu khác nhau. Dương thắng thì sinh ra bệnh nhiệt, âm thắng thì sinh ra bệnh hàn. Tuy nhiên cũng

có những thể bệnh có vẻ lạnh nhưng chính thực là nóng (Đông-Y gọi là chân nhiệt giả hàn) và ngược lại, cũng có những thể bệnh tuy dường như nóng mà lại đích-thực lạnh (Đông-Y gọi là chân hàn giả nhiệt).

*Hư thực* liên-hệ đến sự thịnh suy của bệnh tà và chính khí. Nếu tà khí thịnh — tức là vi-trùng có độc-lực mạnh chẳng hạn, của Tây-Y — thì chứng-hậu thực; nếu tinh khí đoạt thì chân-nguyên hư. Người khỏe mạnh bệnh mới phát, chứng thường thuộc thực; người suy-yếu bệnh kéo dài, chứng thường thuộc hư.

Đông-Y quan-niệm quá-trình phát-sinh và phát-triển của tật bệnh cũng là quá-trình tà chính chống nhau (1), thịnh suy tiêu trưởng (2), truyền biến qua lại. Các chứng-trạng phát-sinh ra nơi người bệnh đều là phản-ứng cụ-thể của bệnh-tật biến-hóa. *Tứ chẩn* của Đông-Y gồm vọng, vấn, vấn, thiết, dùng để quan-sát và tìm hiểu tình-trạng biến-hóa của bệnh-tật.

Người xưa đánh giá *vọng chẩn* rất cao, xếp vào hàng đầu của tứ chẩn, nên cổ nhân thường nói: «nhìn mà biết được bệnh gọi là thần». *Vọng chẩn* tức là quan-sát, xem xét thần sắc, hình-thái của người bệnh, diện mục lưỡi, râu lưỡi, miệng, mũi răng, chân, tay, da...

*Vấn chẩn* thường có nghe và ngửi: nghe hơi thở, ngửi hơi thở, miệng, đại, tiểu tiện. Nhiều người lầm lẫn vấn chẩn của Đông-Y với thính-chẩn của Tây-Y (3), và có người, vì lý-do

này hay lý-do khác, còn đề-nghị cho Đông-y-sĩ dùng ống nghe của Tây-Y để khám bệnh !!! Nhưng phép vấn của Đông-Y chỉ là nghe bằng tai không, tương-đối giản-dị, chứ không bao giờ lại tinh-vi, chi-tiết như phép nghe bằng ống nghe của Tây-Y.

Người thầy thuốc còn phải hỏi về hoàn-cảnh gia-đình, hoàn-cảnh sinh-hoạt của bệnh-nhân, tình-hình phát bệnh và chuyển-biến v.v.. để giúp cho sự xác-định bệnh-tật; đây tức là nội-dung của phương-pháp *vấn-chẩn*.

*Thiết chẩn* là người thầy thuốc dùng tay ấn hoặc nắn ở một bộ vị nhất-định trên thân-thể người bệnh để tìm hiểu những biến-chuyển trong nội tạng hoặc những hiện-tượng bệnh phản-ảnh ra phía ngoài. *Thiết chẩn* bao gồm *mạch chẩn* và *xúc chẩn*. *Mạch chẩn* tức là bắt mạch, là một bộ-phận vô cùng phức-tạp trong việc chẩn-đoán. *Xúc chẩn* dùng để nắn chân, tay, bụng, ngực, lưng v.v...

Nhưng trong bốn phép vừa kể, vọng chẩn và vấn chẩn thường được xem là quan-trọng hơn. Vì «vấn chẩn chẳng qua xét được tiếng nói to hay nhỏ để định hư thực, tiếng ho khó hay dễ để định thăng giáng, ngoài ra không thể nghe được gì khác. Còn phép xem mạch chẳng qua phân-biệt mạch tri hay mạch sắc để rõ hàn hay nhiệt, phân-biệt mạch mạnh mạch yếu để định thực hay hư, ngoài ra nếu

(1) *Bách Khoa số 331, trang 26.*

(2) *tiêu-trưởng nghĩa là tiêu-tan đi, trưởng-thành lên.*

(3) *Thính-chẩn : auscultation.*

chỉ bằng cứ dưới mấy ngón tay để biết thiên biến vạn hóa của bệnh tật, có lẽ cũng là việc không phải dễ. Và lại mạch đập khi to khi nhỏ, lúc nổi lúc chìm, thực khó xác-định, cho nên thầy thuốc nếu bảo rằng chỉ căn-cứ theo mạch để biết bệnh-tật là lời nói dối người (1).

Cuối cùng, Đông-Y có tám phép dùng thuốc, gọi là *bát pháp*. Phép *hãn* nhằm đuổi độc bệnh ra cùng với mồ-hôi; phép *thở* giúp bệnh-nhân ới mưa để tống-xuất tà độc; phép *hạ* đưa bệnh hiểm ra theo đường đại-tiền (tức là xõ); phép *hòa* có mục-đích điều-chỉnh khí huyết, tân dịch; phép *thanh* dùng cho những chứng nóng, để trở lại mát mẻ; phép *tiêu* khiến tận diệt các chứng-trạng đình-trệ; phép *ôn* gắng sưởi ấm lại cơ-thể bị hư hàn; phép *bổ* dùng trong những trường-hợp cần bồi-dưỡng cơ-thể suy-yếu.

### Các đặc-điểm của y-lý cổ-truyền

Xuyên qua lý-thuyết và thực-tiến, Đông-Y, nhìn dưới nhãn-quan Tây-học, có một số đặc-điểm.

Trước hết, Đông-Y vì *xử-dụng phương-pháp và kỹ-thuật quá xưa*, nên đã gặp rất nhiều trở-ngại trong vấn-đề canh-cải. Dĩ nhiên, không ai nghĩ rằng Đông-Y ngày này vẫn là Đông-Y thời Thần-Nông hay Tuệ-Tĩnh. Thực ra, đã có sự cải-tiến các phương thuốc xuyên qua kinh-nghiệm lâm-sàng phòng bệnh và trị bệnh, do sự suy-nghi tìm tòi của các danh-ở Đông-phương. Quá-trình này, đầu chưa dùng phương-pháp thực-nghiệm

của phương Tây, song đã được tu-chỉnh bổ-sung liên-tục về hội-chứng và phương-trị, chứ không phải đứng im một chỗ mà không tiến lên, và lại càng không hề bị thoái-hóa thụt lùi. Lý-luận âm dương ngũ hành, phương-thức suy-diễn về sinh-lý bệnh-lý của Đông-y thực ra rất sâu-sắc và cao-siêu, và, theo người viết nghĩ, có thể bồi-đắp cho lý-luận Tây-Y.

Nhưng các phương-pháp và kỹ-thuật đoán bệnh, trị bệnh, đầu đã được cải-tiến, vẫn còn đôi khi vương-vấn một ít tính-chất mơ-hồ, thiếu chính-xác. Chẳng hạn ấn mạch thì mô-tả ngón tay đặt lên bộ vị chẩn mạch nhẹ nặng bằng cách so-sánh thô-thiền với sức nặng của 3, 6, 9, 12 hay 15 hạt tiêu để minh-định mạch phế, mạch tâm, mạch tỳ, mạch can hay mạch thận (2). Lại còn có sách không dùng hạt tiêu để ước-lượng nặng nhẹ lúc bắt mạch, mà lại dùng hạt đậu! (3) Hoặc như kỹ-thuật, phương-thức bào-chế dược-liệu, thời-gian ngâm, thời-gian sao, điều-kiện thiết-bị thường chỉ được dược-thư cổ-diễn quy-định những nguyên-tắc cơ-bản, những yêu-cầu đại-lược. (4)

Đặc-điểm thứ hai của Đông-Y là

(1) *Bút hoa y kinh*.

(2) *Võ-như-Khương*. *Bệnh áp-huyết cao dưới quan-điểm dị-đồng của Y-học Tây-phương và Đông-phương*. Luận-án Huế. 1970.

(3) *Nguyễn-văn-Minh*—*Phương-pháp xem mạch theo Đông-phương*. Khai-Trí. Saigon. 1966.

(4) Xin xem *Bách Khoa số 331 (15-10-70)* trang 24.

thiếu sử dụng phương-pháp thực-nghiệm khoa-học và các phát minh khoa-học hiện-đại. Tây-Y, từ ngày Francis Bacon viết cuốn *Novum organum* bắt đầu nắm phương-pháp thực-nghiệm thì đã tiến những bước vĩ-đại, đi sâu vào cụ-thể sự vật để tìm những quy-luật riêng của từng sự vật. Trong khi ấy, Đông-Y vẫn chỉ tiếp tục dùng lý-luận tổng-quát, quy-luật phổ-biến do người trước đã tìm ra. Chẳng hạn khái-niệm về khí-huyết thì vẫn giữ khái-niệm đại-đề của những ngày xa xưa, không đi sâu như Tây-Y vào các thành-phần cụ-thể. Về thuốc thì cũng chỉ thỏa-mãn với các thứ thuốc hành-huyết, bổ-huyết, chỉ-huyết cổ-truyền và dân-gian, không biết sử-dụng các chất mới tìm ra (hoặc không có quyền sử-dụng vì là thuốc của Tây-Y). Đây là một khuyết-điểm lớn, làm cho giới Tây-Y không thỏa-mãn và càng xa Đông-Y, có người còn bực-dọc cho Đông-Y là lạc-hậu.

Đặc-điểm thứ ba của Đông-Y là *kinh-nghiệm của Đông-Y* tuy vô-cùng phong-phú về y và dược, về lý-luận và thực-hành nhưng còn *rải-rác, phân-tán, tản-mạn*. Ngoài lý-luận và kinh-nghiệm chữa bệnh đã được tổng-kết trong các kinh sách từ thế-hệ này qua thế-hệ kia, còn không biết bao nhiêu phương thuốc dân-gian vô cùng phong-phú của miền nhiệt-đới còn hời-tàng trong quần-chúng. Những phương thuốc này đã được sáng-tạo ra trong quá-trình đấu-tranh gian-khò và trong điều-kiện thiếu-thốn để chống lại bệnh-tật của đồng-bào chúng ta, nhưng chưa được ghi chép

trong sách vở, mà chỉ truyền-khẩu trong nhân-dân thôn-quê lao-động. Nhưng những kinh-nghiệm dân gian này không phải là không đáng được nghiên-cứu tìm hiểu.

Ngay cả Đông-Y cổ-điển, đâu có sách vở, song do cách huấn-luyện không có máy móc đo lường, nên cách xem bệnh, chẩn mạch, chỉ biết dựa vào *cảm-giác chủ-quan* dựa vào kinh-nghiệm từng người, mà chính những kinh-nghiệm này cũng rải-rác, phân-tán, tản-mạn, chưa hoặc không hề được đúc-kết hay tổng-kết. Đây chính là đặc-điểm thứ tư của y-lý cổ-truyền, một đặc-điểm liên-hệ đến cá-nhân các đông-y-sĩ. Và lại, hiện nay, các đông-y-sĩ chưa được tổ-chức chặt-chẽ, quy-mô. Điều này cũng dễ hiểu. Đông-Y trước kia đã từng là cơ-sở của y-tế nhà nước. Trong quá-khứ, chúng ta có Thái-y-viện, có các ty, các tổ-chức huân-khoa y-lý cổ-truyền đến tận cấp huyện. Triều Nguyễn, đời Tự-Đức, ở Huế có trường Đông-Y. Nhưng cùng với đà tiến-hóa chung của nhân-loại, đồng thời với sự xâm nhập của văn-minh Tây-phương, Đông-Y đã bị loại khỏi cương-vị y-tế nhà nước, nhường chỗ cho Tây-Y. Tuy nhiên, dầu bị chèn ép dầu bị khinh miệt, Đông-Y vẫn còn tồn tại cho đến hôm nay, do lòng tín-nhiệm của quần-chúng nhân dân, mà không bị tiêu-diệt.

### Đông-y nhìn dưới khía-cạnh khoa-học

Nhiều người, quen nhìn Đông-Y dưới một khía-cạnh phiếm-diện, chủ-quan, thường nghĩ rằng Đông-Y chỉ

là một môn học gia-truyền, không có y-lý y-thuật cao-siêu gì hết. Nhiều người khác, dẫu tin-tưởng vào Đông-Y, nhưng lại định-ninh rằng đây là một nền y-khoa siêu-hình, huyền-bí, không có chút căn-bản khoa-học nào cả. Quá đáng hơn nữa, một thiếu-số nữ lòng đồng-hóa Đông-Y với dị-đoan và mê-tín! Cuối cùng, có người tuy thương-mến Đông-Y, nhưng lại thật tâm lo-lắng băn-khoăn rằng lý-luận y-lý cổ-truyền, xuất-phát từ mấy nghìn năm, chưa được cải-tiến mấy xuyên qua các phát-minh vĩ-đại của khoa học và kỹ-thuật, mà vẫn cứ đem áp-dụng vào chữa trị bệnh-tật thì e có phần khiếm-hảo.

Nhưng thực ra, Đông-Y và khoa-học có những điểm rất gần-gũi, rất tương-đắc.

*Hệ-thống lý-luận của y-lý cổ-truyền, dựa trên triết-học duy-vật và biện-chứng của thời cổ và trên cơ-sở thực-tiến khám bệnh trị bệnh lâm-sàng với các vị thuốc Đông-phương, dẫu có khi có vẻ chất phác và thô-sơ, vẫn bám vào những quy-luật rất khoa-học.*

Chẳng hạn *thuyết âm dương* của Đông Y. Mới nghe, có thể tưởng là huyền bí, nhưng thật sự thuyết này dựa vào một quy-luật căn-bản nhất của phép duy-vật biện-chứng là luật mâu-thuẫn thống-nhất. Xét dưới khía-cạnh y-học thuần-túy, thuyết này đã được các bộ môn khác nhau của y-khoa hiện-đại chứng-minh. Ví dụ theo khoa sinh-lý-học của Tây-y, cơ-thể mỗi người sản-xuất song-hành hai loại kích-tố vừa nam vừa nữ — tức là vừa âm vừa dương —

nhưng nếu là nam-nhân thì lượng kích-tố nam-tính nhiều hơn, và nếu là nữ-giới, thì lượng kích-tố nữ-tính ưu-thắng. Do đó, khi cắt bỏ tinh-hoàn, người đàn ông thấy xuất-hiện những đặc-tính của phái nữ, và khi cắt bỏ noãn sào, người phái yếu thấy mình có phần nam-hóa ít nhiều. Ta cũng có thể dùng một ví-dụ về sinh-lý-học để chứng-minh chi-tiết hơn lý-thuyết âm-dương do tiền-nhân để lại. Ví-dụ này xin mượn của Pavlov, nhà khoa-học Liên-xô nổi tiếng về chủ-thuyết phản-xạ có điều-kiện mà ai cũng biết. Trong quá-trình nghiên cứu về hệ thần-kinh, Pavlov đã phân-loại thần-kinh theo các thể bình-hành (thăng bằng) và không bình-hành. Thể bình-hành lại chia làm hai thể: thể linh-hoạt và thể chậm-chạp; và thể không bình-hành cũng được chia làm hai thể, thể ức-chế và thể hưng-phấn. Từ pho lý-luận phong-phú của Đông-Y, chúng ta có thể đan-cử *học-thuyết khí-chất* để liên-hệ với học-thuyết các loại hình thần-kinh của Pavlov. Học-thuyết khí-chất của y-lý cổ-truyền đã được phát-biểu từ mấy nghìn năm trước đây, có nội-dung dựa vào tính-chất và trạng-thái tinh-thần của từng người, lấy sự bình-hành của âm-dương trong học-thuyết âm-dương làm cơ-sở để cũng chia con người làm hai loại: loại bình-hành và loại không bình-hành. Trong hai loại này, lại phân-chia một cách chi-tiết làm năm loại. Loại bình-hành gồm ba loại khác: loại thiếu âm, loại thiếu dương và loại âm dương điều-hòa. Loại không bình-hành chia làm hai loại:

loại thái âm, loại thái dương. Theo *Châm cứu giáp ất kinh* thì loại người thái âm tức là loại người quá nặng về âm mà nhẹ về dương, loại người thái dương là loại quá nặng về dương mà nhẹ về âm, loại người thiếu âm thì nhiều âm ít dương, loại người thiếu dương thì nhiều dương ít âm, loại người âm dương điều-hòa thì âm dương thăng bằng. Nghiên-cứu kỹ cách phân-loại hình thần-kinh của Pavlov, ta thấy rất phù-hợp với cách phân-loại người của Đông-Y theo học-thuyết khí-chất : người thuộc loại thái dương tương-đương với thể thần kinh hưng-phấn, người thuộc loại thái âm tương-đương với thể thần-kinh ức-chế, hai loại người thiếu dương và thiếu âm tương-đương với hai thể thần-kinh linh-hoạt và thần-kinh chậm-chạp. Ngoài ra trong học-thuyết khí chất của Đông-Y, tiền-nhân còn phân-chia tỉ-mỉ hơn nữa, vì giữa hai thể thần-kinh linh-hoạt và chậm-chạp mà Pavlov mô-tả, Đông-Y còn có thể thần-kinh điều-hòa (tức là âm dương điều-hòa).

Thuyết ngũ hành tương sinh tương khắc khi mới nghe qua, cũng như thuyết âm dương, có thể gọi cho người nghe một cảm-tưởng huyền-bí, có khi buồn cười, song nếu nghiên-cứu và suy-nghĩ kỹ, hiểu nội-dung của lý thuyết như người xưa hiểu, và áp-dụng không máy-móc như nhiều người đang làm — và do đó, khiến giới Tây-Y hoài-nghi — thì thuyết ngũ hành là một thuyết tự-động điều-tiết giữa các bộ-phận cơ-quan của cơ-thể, giữa các chức-năng phần-vụ của cơ-thể như khoa sinh-lý-học hiện-đại đã

chứng-minh : *tương sinh là thúc đẩy nhau, tương khắc là ức-chế nhau*, đây chính là đặc-tính cơ bản của các hoạt-động sinh lý trong cơ-thể con người, luôn luôn nâng-đỡ nhưng cũng luôn luôn kèm-hãm nhau, nhằm mục-đích tối-hậu giữ cho hoạt-động bình quân của nội-giới luôn luôn vững bền. Tưởng ở đây không cần phải kể nhiều, chỉ cần đan-cử ảnh-hưởng hỗ-tương của các tuyến nội-tiết, tác-dụng qua lại của hệ thần-kinh thực-vật trên hoạt-động bình-quân nội-thể, và toàn-bộ hơn nữa, mối tương-quan vừa ức-chế vừa hưng-phấn giữa tâm-trí và thể-chất — vốn là căn-bản của một lĩnh-vực tân-tiến của y-khoa hiện đại, bộ môn y-khoa tâm-thể — chúng ta đủ thấy rằng bộ máy điều-tiết hết sức tinh-vi và hoàn-bị của cơ-thể mà khoa sinh-lý-học tân-tiến đã khám phá ra chính là phản-ảnh của quan-niệm ngũ-hành, của lý-luận chính-thể trong Đông-Y, một quan-niệm rất tiến bộ mà tiền-nhân từ hàng nghìn năm trước đây đã nêu cao. Và chẳng, nói tâm thuộc hỏa chẳng hạn, là người xưa đã hàm ý xem tim như cơ quan trung-trong cung-cấp máu — hay hỏa, hay năng-lượng, hiểu theo Tây-Y — cho toàn cơ-thể. Còn đối với công năng liên-hệ của phế với khí, của thận với thủy, thì đã quá hiển nhiên! Chính bởi tâm thuộc hỏa, nên nếu hỏa thái quá sẽ làm cho tâm khó chịu : Tây-Y cũng có những dữ-kiện tương-đương : ví dụ trong bệnh Basedow : bởi hỏa lên — bằng-chứng là biến-đuờng căn bản tăng — cho nên tim bị kích-thích — bằng-chứng là nhịp tim đập nhanh lên. Chúng ta có thể trình-bầy một ví-dụ cụ-thể hơn liên-quan đến ngũ

hành, chẳng hạn quan-niệm thủy-hỏa tương sinh tương khắc. Thủy hay phần âm, là phần nước, môi-trường cần-thiết cho sự sống: điều này Tây-Y cũng hoàn-toàn đồng-ý. Hỏa hay phần dương là phần sinh ra sức nóng hay nói theo Tây-Y, là phần sinh ra năng-lượng cần-thiết cho sự sống. Thủy và hỏa xung khắc nhau, mâu-thuẫn nhau, song vẫn tương liên tương phối, để bảo-đảm đời sống. Nếu lấy nước tưới vào lửa, thì lửa tắt, nhưng nếu bắc nồi nước lên đun đúng mức thì hơi nước sẽ bốc lên sưởi ấm toàn-bộ cơ-thể. Nếu nước thiếu — Đông-Y gọi là chân âm suy — (chẳng hạn do bệnh nhiễm-trùng của Tây-Y), lửa sẽ bốc lên càng mạnh. Vậy nguyên-tắc chữa-trị là phải thêm nước để hạ lửa — Đông-Y gọi là tư âm giáng hỏa — làm cho bớt sốt và trị bệnh. Do đó, trong trường-hợp này, khác với bệnh ngoại-cảm, Đông-Y tránh không dập lửa một cách đột-ngột bằng thuốc phát-hãn hoặc thoái-nhiệt. Cho nên có trường-hợp bệnh nhân được điều-trị theo Tây-Y, đã uống nhiều trụ-sinh, đã được tiêm huyết thanh, đã được phục thuốc thoái-nhiệt, nhưng không đỡ, đi đến hôn mê nguy-kịch. Một vị lương-y cho bài tư âm giáng hỏa lại giải-quyết vấn-đề và cứu bệnh-nhân!

\* Lý thuyết *vinh vệ khí huyết* của Đông-Y khiến những ai nghiên-cứu y-sứ Đông Tây cũng đều liên-tưởng ngay đến học-thuyết «tứ thể-dịch» mà y-tò thế-giới Hippocrate và các môn đệ đã nêu lên từ năm thế-kỷ trước TCGS ở Hy-lạp. Học-thuyết của

Hippocrate chủ-trương cơ-thể con người do bốn loại thể-dịch tạo thành tức là huyết, niêm-dịch, hoàng-đảm trấp và hắc-đảm trấp (1). Học-thuyết này rất gần với lý-thuyết *vinh vệ khí huyết* của Đông-Y, vì cùng nhận định nếu các loại thể-dịch phối-hợp một cách chính-xác (thể-dịch điều hòa) thì cơ-thể con người khỏe-mạnh, ngược lại, nếu có những nhân-tố bất-thường khiến các thể-dịch không phối-hợp được như chính-thường thì cơ-thể sẽ sinh bệnh biến (thể dịch bất điều). Trên một bình-diện khác, khi chú-trọng đến hệ-thống thông-tin theo hệ kinh lạc, Đông-Y đã xử-dụng một phương-pháp mà nguyên-tắc rất gần phương-pháp Cybernetic: khí-huyết lưu-thông trong hệ kinh lạc theo hướng lên xuống (Đông-Y gọi là thăng-giáng) và theo hướng từ trong ra ngoài và từ ngoài vào trong (Đông-Y gọi là khai hợp). Cho nên, về nguyên-tắc, châm-cứu chú-trọng các đường thông tin kinh lạc, xem nơi nào bị nghẹt, huyết nào bị tắc thì châm vào đấy để giúp khí huyết lưu-thông, hầu lập lại quân-bình, giải-quyết bệnh-tật.

Chính trong quá-trình đấu tranh chống lại bệnh-tật, Đông-Y cũng đã từng nghiên-cứu về *cơ-chế sinh-lý và bệnh-lý* ở cơ-thể con người. Chẳng hạn, Âm dương ứng tượng đại luận nói «Âm tại nội, dương chi thủ dã, dương tại ngoại, âm chi sứ dã». Âm theo quan-niệm của y-lý cổ-truyền,

(1) *le sanguinis, le phlegma, le fiel jaune; le melancholia ou fiel noir.*

là chỉ vật-chất, dương là chỉ cơ-năng. Nhờ có quá-trình trao-đổi vật-chất mà cơ-thể con người phát-sinh nhiệt-năng. Tác-dụng của nhiệt-năng có thể biểu-lộ ra bên ngoài, nên nói dương tại ngoại. Nhưng dương tại ngoại luôn luôn và hoàn-toàn phải dựa vào âm ở nội-bộ, nên người xưa nói âm chi sứ dã. Dương tại ngoại muốn phát-huy được tác-dụng phải có sự bảo-hộ của âm, cho nên âm là dương chi thủ dã. Quan-niệm này hoàn-toàn phù-hợp với lý-luận về sự trao-đổi vật-chất ngày nay :

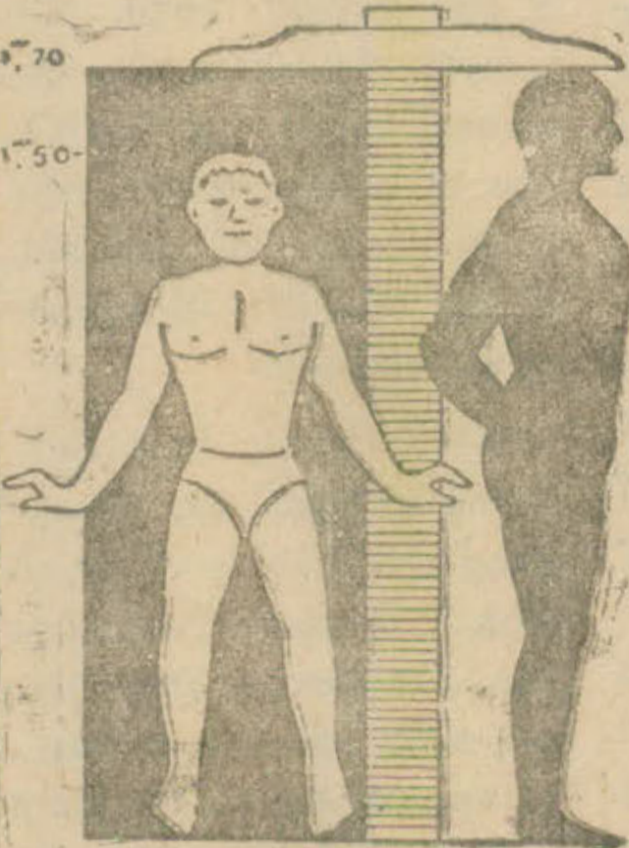
cơ-thể con người vừa thu-nạp chấ mới, vừa loại bỏ chất cũ, hai khía cạnh xây-dựng và tiêu-hủy, sáng-tạo và thải-trừ luôn luôn đối-lập nhưng thống-nhất, và chất sống của các tế-bào nói riêng, của cơ-thể nói chung vẫn từng giây từng phút bị thay đổi, đổi thay, nhưng lại vẫn giữ yên tính-chất cố-định, quân-bình. Nếu một khắc này đây, hóa-trình trao-đổi vật-chất đình-chỉ thì đời sống tức-khắc chấm dứt ngay.

(Còn tiếp)

B.s. TRẦN VĂN TÍCH

# Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ  
C \_ D \_ PP \_ B2 \_ B6 \_ B12



LABOHADZER

- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MANH KHOẺ
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHỔI.
- MỆT MỎI

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ

Số KN : 78 MBYT/QCPD



## Một người Gia-nã-đại và nghệ thuật của Phạm-Duy

# Diễn tiến của một sự nghiệp

*Truyền thống chân chính trong những đại sự không phải là làm lại những gì người khác đã làm, mà là tìm lại được tinh thần đã khiến thực hiện nên những đại-sự ấy và sẽ khiến thực hiện nên những đại sự khác hẳn vào những thời khác.*

PAUL VALÉRY

## DIỄN BIẾN

Sự nghiệp ấy tự mở ra dưới mạng sao tuổi trẻ. Nhưng ở Phạm Duy, tuổi trẻ rất đặc biệt, đã là sự pha lẫn hay sự xen lẫn nhau giữa mãnh lực và tình tế, giữa niềm vui sống và nỗi băn khoăn, giữa suy tư và hành động. Từ buổi bình minh trong cuộc đời, những tia sáng của *Cô Hái Mơ* vừa báo trước một ngày sẽ đẹp, thì chính hai phần đối lập nhau của bản nhạc ấy đã nói ngay tức khắc về chàng Phạm-Duy của những năm trai trẻ.

Chàng Phạm-Duy ấy, trước hết là con người đang dần dần ý thức được mãnh lực sáng tạo của mình, đang cảm thấy mỗi năm nhu cầu diễn đạt mỗi thêm cấp bách. Hãy xem qua một chút cái niên biểu ấy 1942 : một bài ; 1943 : một bài ; 1945 : bốn bài ; 1946 : bảy bài ; 1947 : chín bài ; 1948 : hai mươi hai bài ! ! Quả là đầy ý nghĩa. Nhưng tôi mới chỉ nói về « mãnh lực » sáng tác... Ôi thứ mãnh lực mà anh

chàng Phạm-Duy đã cố kìm cương lại ! *Xuất Quân, Khởi Hành, Đường Về Quê, Đường Ra Biên Ái* : con suối lạng lờ của *Cô Hái Mơ* đã nhanh chóng trở thành giòng thác lũ. Thính giả thời kháng chiến hẳn không bao giờ quên được những bài hát vang động và nồng nàn, trong đó chàng thanh niên Phạm Duy đã cô-động một cách mãnh liệt ước vọng của mọi người và của mỗi người, bằng phép màu của ngôn ngữ và âm thanh...

Nhưng cùng với mãnh lực, nhạc sĩ của chúng ta lại còn có sự tế nhị và cả sự sắc sảo nữa là khác. Vâng sắc sảo trong bài *Tiếng thu* — thơ của thi sĩ Lưu-trọng-Lư mà Phạm-Duy vẫn thường thích phổ nhạc — tình vi trong bài *Khởi tình Trương Chi* — câu chuyện của *Trương Chi My Nương* đã gợi hứng cho cả Văn-Cao lẫn Phạm-Duy, nhưng trong khi Văn-Cao chỉ diễn thành một bản hợp phổ sôi nổi và u

sâu, thì trái lại Phạm-Duy đã hiện chúng ta một hợp phổ thanh tinh hơn nhiều, khinh khoái hơn nhiều, và rất cá biệt nữa — tinh vi, tế nhị, trong thì tứ, trong âm điệu hay trong tiết điệu ở các bài *Tình kỳ nữ*, *Thu chiến trường*, *Bên cầu biên giới*, *Thương binh*, *Mùa đông chiến sĩ*, *Dặn dò*; *Nhớ người ra đi*, *Bà mẹ Gio Linh*, *Quê nghèo*, *Cành hoa trắng*.

Ở đôi chỗ — chẳng hạn trong các bài *Chiếu sĩ vô danh*, *Tiếng bước trên đường khuya*, *Nương chiều*, *Đường ra biên ải*, *Gánh lúa* — người nhạc sĩ trẻ tuổi lại đã tỏ ra muốn vượt quá loại ca khúc, muốn thăng hoa cả hình thức lẫn nội dung của loại này. Không còn nghi ngờ gì nữa: Chàng Phạm-Duy của những năm 40 đã lên đường tiến về các thiên *Trường ca*!

Lại còn niềm vui sống phổ diễn ở rất nhiều ca khúc. Ngạc nhiên trong việc khám phá ra cuộc sống nồng nàn, trong sự thưởng ngoạn non nước Việt Nam dù sao cũng vẫn tuyệt vời. Ngạc nhiên của chàng thanh niên lắng nghe một ường linh khí, một đà sống sôi động từ chỗ sâu thẳm nhất của tâm hồn mình, lắng nghe muôn vàn tiếng xôn xao mơ hồ của quê hương, những xôn xao huyền hoặc từ những thế kỷ đã qua, những xôn xao náo loạn của một hiện tại đa đoan, những xôn xao hy vọng của một tương lai vô định, những xôn xao muôn đời dường như đã được nhận thực một cách kỳ diệu nhờ ở nghệ thuật vô song của chàng thanh niên Phạm-Duy. *Cây Đàn Bờ Quên*, *Đàn Nhịp Trầm Hùng*, *Về Đàng Quê*, *Thiếu Sinh Ca*, *Việt Bắc*, *Thanh Niên Ca*, *Thanh Niên Quyết Tiến*, *Nhạc*

*Tuổi Xanh*, *Đường Lạng Sơn*, *Tiếng Hát Sông Lô*, *Nương Chiều*, *Tiếng Đàn Tôi*, *Cỏ Gánh Gạo*, *Đêm Xuân Quê Nghèo*, *Về Miền Trung*: đó là niềm vui sống mà cũng là *niềm vui nghệ thuật*, niềm vui viết được những giòng thơ đẹp những khúc điệu hay, niềm vui sâu xa và có lẽ tự nhiên nhất ở Phạm-Duy, niềm vui sẽ theo ông và nâng đỡ ông suốt cả cuộc đời sáng tạo. Niềm vui mà gần như trong mỗi ca khúc, tuy nhiên đều bị một mối u hoài dằn lại, mối u hoài kín đáo, vâng, nhưng dù sao vẫn có. Mối u hoài đôi khi lại còn trở nên trĩu trọng, dường như chàng thanh niên lúc bấy giờ đã linh cảm thấy khía cạnh khó khăn và cô độc của đời mình, cho nên không thể nào thân nhiên cười cợt với đời...

Bâng khuâng! Nét đặc biệt của tâm hồn Việt nam... Tâm hồn của chàng nghệ sĩ trẻ tuổi của chúng ta đã thấm nhuần đặc điểm ấy! Để hiểu rõ như thế, hãy nghe bài *Chinh Phụ Ca*, một tuyệt phẩm của Phạm-Duy hồi 1946. Bài ấy, nhất là về phương diện âm nhạc, có chỗ hơi gần với bài *Buồn Tàn Thu*, bài hát hay nhất còn có lẽ là buồn thắm thía nhất trong các ca khúc của Văn-Cao. Nhưng do lời ca, bài hát của Văn-Cao bắt đầu và kết thúc bằng một âm giai Ré thứ buồn bã, còn bài của Phạm-Duy thì sau hai đoạn Ré thứ, sang đoạn thứ ba lại mở ra một Ré trưởng khoan hòa và man mác, nhạc thuật ấy, Phạm-Duy sẽ còn dùng lại nhiều lần trong các bản nhạc sau này, cách dùng nổi bật không kém gì Schubert.

Lại bâng khuâng trong phần nhiều các bài Dân ca đầu tiên — *Thương*

*Bình, Mùa Đông Chiến Sĩ, Ru Cơn Nhỏ Người Ra Đi, Bà Mẹ Glo Linh, Quê Nghèa* — nhưng ở đây, nổi bật khuông trang trọng và tế nhị: bởi vì nước Việt nam của những năm 40 chưa bị tàn hại quá đáng; nhưng nhất là bởi tại chàng thanh niên Phạm-Duy vốn ngại ngùng thổ lộ tình cảm và, trong khi diễn đạt những khổ đau cơ cực của đất nước, chàng ta vẫn muốn cùng sáng tạo tác phẩm nghệ thuật.

Tuy nhiên ở một số ca khúc khác — tôi nghĩ đến *Cây Đàn Bỏ Quên, Bên Cầu Biên Giới, Vương Chiều, Cô Gánh Gạo, Về Miền Trung* chẳng hạn — niềm vui sống ấy và nổi bật khuông ấy có khuynh hướng chan hòa cùng nhau để thành ra một hòa hợp vừa tế nhị vừa hấp dẫn. Từ rất sớm, Phạm-Duy đã làm chủ được những trạng thái trung gian đó một cách rất riêng biệt và đặc sắc khiến nhiều khi ta không biết rõ chàng đang nở một nụ cười buồn bã hay đang buồn bã trong nụ cười...

Vâng, ở chàng Phạm-Duy của những năm 40 ấy đã có quá nhiều hoàn mỹ. Ôi, tôi cũng muốn nêu lên một vài khuyết điểm, một ít vụng về lấm, hay cũng muốn nói đến những ca khúc hồng, kém thành công, nhưng sự thực là tôi không hề thấy có chút gì tương tự. Dĩ nhiên, không phải mọi tác phẩm đều là tuyệt phẩm cả, nhưng nói chung thì mức giá trị của tác phẩm rất là cao và cho thấy rõ ràng là chúng ta đang đứng trước một nghệ sĩ chân chính và có thiên tài, hứa hẹn một sự nghiệp khác thường.

Cần phải nhấn mạnh rằng sự hoàn

mỹ của chàng thanh niên Phạm-Duy không phải không liên quan với sự vững vàng về kỹ thuật mà chàng đã có ngay từ bảy giờ và chàng không ngừng trau dồi thêm suốt những năm 50 và 60. Nhập ngay vào sự khó khăn, lầy kỹ thuật để chế ngự kỹ thuật: điều ấy, Phạm-Duy đã biết ngay từ đầu. Chàng chỉ tự giam mình vào khó khăn để cảm thấy được tự do hơn ở trong đó. Chàng vừa đi vừa tạo ra bước đi; và nếu dáng đi của chàng nhạc sĩ chanh niên đã vững vàng như thế, ấy là vì chàng đã tự sớm buộc mình phải khéo đi trên lối hẹp của nghệ thuật, một lối hẹp gian nan nếu có thể gọi là một lối đi. Nhưng đối với Phạm-Duy vốn sinh ra đã có khiếu chế ngự sự khó khăn, thì tài diệu xảo về kỹ thuật chính là một yếu tố, hay nói cho đúng hơn là một *kích thước* tự nhiên của nghệ thuật chàng. Tài diệu xảo là sự giải thoát, giải thoát ra khỏi tất cả những yêu quái ở nơi chàng — hoặc thứ yêu quái đôi khi mang bộ mặt thiên thần, hoặc thứ yêu quái phóng túng hơn, hoang dại hơn, từ chỗ sâu thẳm của bản thể chui ra — vậy là cuộc trừ tà cao cường về nghệ thuật mà kẻ đạo sĩ phi thường và thần tình là Phạm-Duy đã với chúng ta đến để mỗi lúc thêm ngạc nhiên.

Tài diệu xảo ấy, chàng nhạc sĩ trẻ tuổi của chúng ta sử dụng gần như đùa, đôi khi với một chút dí dỏm nhẹ nhàng nữa. Đó là những bài tập dượt bút pháp, theo một lối riêng nào đó, mà trong bước đầu, nghệ sĩ đã tỏ ra rất là xuất sắc. Thỉnh thoảng — ở đây tôi nghĩ đến các bài *Cô Hái Mơ, Xuất Quân, Khởi Hành, Đường Ra Biên Ai*.

*Gánh Lúa* — lại còn là cái điệu xáo khá hùng vĩ, lớn lao và mãnh liệt, như thể chàng trai Phạm-Duy trong huyền thoại, đứng vắt vẻo trên ngọn đèn hiệu Châu Đốc, đã hít vào phổi những ngọn cuồng phong của Gò Công xa xôi... Lại thỉnh thoảng — như trong *Tiếng Bức Trên Đường Khuya*, *Thu Chiếu Trùng*, *Bèo Cầu Biên Giới*, *Nương Chiều*, *Tiếng Đàn Tôi*, *Cổ Gánh Gạo* chẳng hạn — là thứ điệu xáo thanh thoát, chứa đựng nhiều khám phá và tinh tế về âm điệu mà Phạm-Duy sẽ tận tâm đưa vào các tác phẩm sau này. Cuối cùng, trong các bản dân ca, nhạc sĩ cho ta biết một thứ điệu xáo tài tình hơn và công phu hơn — tôi có cần nhấn mạnh rằng khía cạnh « công phu » ấy không nhất thiết được thấy rõ chăng? — một thứ điệu xáo kín đáo, mà phần nhiều chúng ta khó nhận thấy, ở đây, nhờ lối sử dụng mới mẻ các hệ thống và nhạc thể riêng biệt của âm nhạc và ca xướng cổ truyền Việt nam, Phạm-Duy đã trở thành một nhà cải cách đích thực và có ý thức về sự biến cải hình thức cũ kỹ ấy của Dân ca.

Lướt qua các tác phẩm của Phạm-Duy trong những năm 40, điều làm cho tôi chú ý hơn cả, ấy là cái nét *quyển rũ* vô song của bấy nhiêu bản nhạc, nét *quyển rũ* quái ảo và sâu xa. Và mãi cho đến bây giờ, tôi xin thú thực là sức *quyển rũ* lạ lùng như thế, tôi chỉ tìm thấy ở những bài hát trẻ em ngọt ngào của Lê-Thương và gần đây hơn, trong các ca khúc cảm động của Lê-Uyên và Phương mà thôi — Nếu đối với phụ nữ

thời đó con người Phạm-Duy là một kẻ *quyển rũ* bí hiểm, thì đối với quần chúng nghe chàng hát, Phạm-Duy đã là một kẻ *quyển rũ* sáng suốt biết bao nhiêu! Sức *quyển rũ* rất trẻ trung, nhưng không có chút gì giả tạo và trống rỗng. Về *quyển rũ* chắc chắn là do tất cả những điều tôi đã nói ở các đoạn trước, nhưng nhất định cũng là về *quyển rũ* bắt nguồn từ chỗ sâu xa và phức tạp hơn nữa. nét *quyển rũ* của chàng thanh niên Phạm-Duy — cũng như ở Mozart và Schubert — chính là *lối tận hưởng cuộc sống* và mu ốn san xẻ cảm tình đó với kẻ khác. Giữa một thế giới đầy dẫy những xấu xa và bất toàn, nét *quyển rũ* ấy là một sự đối lực bằng cái thiện mỹ, sự đẹp đẽ và toàn thiện ấy thực ra đã xuất hiện như những *châu lý* trường tồn duy nhất.

Vâng, quả là sức *quyển rũ* quái ảo! Tôi hiểu nổi ngạc nhiên và say mê của các lớp quần chúng thính giả khi đó, quần chúng hồi kháng chiến, quần chúng của đài Pháp-Á, đã từng chứng kiến bước đầu của chàng nhạc sĩ trẻ tuổi, và của nhóm Thăng Long lúc ấy đã yểm trợ chàng một cách đặc lực. Các lớp quần chúng của chàng thanh niên Phạm Duy đó chắc chắn đã ngỡ ngợ rằng một vì sao băng vừa mới xuất hiện trên nền trời nghệ thuật Việt nam, một vì sao băng có lẽ đã vụt đi từ 4 nghìn năm về trước...

*Sáng tạo, đưa một cái gì đang ngủ yên trong thế giới vô cùng của các khả thể vào trong thế giới mong manh của các thực thể, đó phải chăng là cứu cánh tối thượng và là cái đẹp tối thượng của mọi tác phẩm nghệ thuật.*

G. GABORY

## BẢN CHẤT

1950, Văn-Cao và Phạm-Duy, hồi ấy ở Việt Bắc, được Tố-Hữu, phụ trách về Văn Nghệ trong đảng Cộng sản Việt nam, nhận xét rằng: « nếu Văn-Cao và Phạm-Duy đều cùng có nhiều *xúc cảm*, thì Phạm-Duy lại còn hơn được cái tài *uyển chuyển*! » Tố-Hữu hẳn không bao giờ ngờ rằng mình đã nói đúng đến thế: không đầy một năm sau, Phạm-Duy lĩnh đi, một cách *uyển chuyển*, già từ thiên đường cộng sản! Chắc chắn Phạm-Duy đã không phải nhờ đến sự khuyến khích vô tình của ông bộ trưởng thi sĩ kia — nhân tiện cũng xin nói nét chấm biếm đó là của Phạm-Duy — chàng không phải nhờ đến sự khuyến khích đó mới biết phóng thân lên đường tự do, vốn là nghệ sĩ trong mọi ý nghĩa của danh từ, vốn yêu không gian rộng lớn, chàng biết rằng nghệ thuật của mình chỉ có thể phát huy ở nơi nào mà sự tự do diễn đạt được tôn trọng, sự tự do mà thiếu nó thì không có một nghệ thuật chân chính nào có thể sống được.

Năm 1952, chàng nhạc sĩ của chúng ta — bấy giờ cũng vừa là một người chồng trẻ — đã vào miền nam nước Việt. Sự nghiệp tiếp tục được xây dựng, vì thế vào các năm 1952-53 đã xuất hiện liên tiếp những bản *Nụ Tầm Xuân*, *Tiếng Sáo Thiên Thai*, *Tình Hoài Hương*, *Lữ Hành*, *Thuyền Viễn*

*Xíc*, *Bà Mẹ Quê*, *Vợ Chồng Quê*, *Em Bé Quê*, *Dạ Lai Hương*, *Tình Ca*, *Viễn Du* và *Hoa Xuân*: một loạt tuyệt phẩm kỳ diệu mà một nghệ sĩ ba mươi tuổi cống hiến cho đồng bào: Những tuyệt phẩm mạnh mẽ và đẹp đẽ hơn mọi tác phẩm trước đây của Phạm-Duy, những sản phẩm rất thuần túy và rất độc đáo của một thiên tài đã chầm chậm nhưng vững chắc tiến đến độ chín mùi. Lại cũng là những sản phẩm rất thuần túy của một con người phi ngụyện, hân hoan về dục tình, của một con người sống an hòa với chính mình.

Trong những tác phẩm có thể nói là càng ngày càng đẹp đẽ ấy, sức mạnh đã được chế ngự kỹ hơn, điệu xảo về kỹ thuật tuy không kém xuất sắc nhưng đã khéo hòa hợp với cốt nhạc, cái trữ tình đã trở nên thấm thiết hơn và thấm thía hơn, dài các hơn và cũng chính cống Phạm-Duy hơn, nét quyến rũ của những năm 40 đã nhường chỗ cho một hạnh phúc hiền hòa và man mác, đôi khi thoáng chút siêu phàm dường như Phạm-Duy bấy giờ đã biết rõ hơn trước về những miền lửng lơ giữa cõi đất trời, nơi thích hợp với tâm hồn nghệ sĩ của chàng... Đám quần chúng Saigon tụ hội tại rạp Thanh Bình đêm ba mươi Tết năm 1954, say sưa lắng nghe Anh Ngọc lần đầu tiên cất tiếng hát bản *Tình Ca*, quần chúng ấy trong cơn xúc cảm.

chắc hẳn đã hiểu rằng chiếc sao băng của chúng năm 1940 đã nhanh chóng biến thành một vì sao sáng, thực ra là sáng như chưa bao giờ được trông thấy ở Việt nam...

Thần hoặc có một số người để ý đến sự phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu của nghệ thuật Phạm-Duy vào những năm 50, đã cho rằng sự phát triển đó chính ra là do ở việc nghệ sĩ đã vào sống ở miền Nam... Tôi không tán thành ý kiến ấy chút nào. Thực ra, cũng như Thượng Sĩ, tôi không muốn phân biệt một Phạm-Duy ngoài Bắc và một Phạm-Duy trong Nam. Trước tiên là vì có nhiều ca khúc ra đời ngoài Bắc vào những năm 40 hoàn toàn xứng đáng với các bài ra đời trong Nam vào những năm 50. Hơn nữa, nếu Phạm-Duy vẫn ở lại ngoài Bắc và nếu ông có thể được hưởng một sự tự do diễn đạt hoàn toàn thì có lẽ sự nghiệp của ông cũng phát triển không khác gì như ở trong Nam. Sau cùng, điều quan trọng hơn cả, là *diễn trình của sự nghiệp nhạc sĩ ở trong Nam chỉ là sự tiếp tục hợp lý của diễn trình khởi đầu từ ngoài Bắc*. Tôi hoàn toàn công nhận rằng không khí tự do của miền Nam Việt nam là một kích thích đối với tác giả Dân Ca, nhưng điều chắc chắn hơn nữa là Phạm-Duy, khi mới vào Nam, đã có sẵn nơi mình cái khả năng, cái cốt yếu của phát triển tương lai. Như vậy, phẩm chất, các thành tố và cuộc diễn tiến của sự phát triển ấy là ở vấn đề *thời gian*, chứ không phải ở vấn đề *nơi chốn*.

1954: năm này cũng không kém phong phú về tuyệt phẩm... *Phố Buồn* — ai có thể quên được bản nhạc xinh

xắn, với kỹ thuật âm điệu vừa tài tình vừa kín đáo ấy? — *Hẹn Hò, Bình Dân Đi Học, Thi Nhau Chấm Học* và nhất là *Lửa Hồng*: ca khúc sau cùng này — hình như ngày rày có phần bị quên lãng — lại là một trong những bài biểu lộ cái *đà sống* thuần túy nhất thường bắt gặp nơi Phạm-Duy. Cái *đà sống* rất thường được diễn ra bằng một nhịp điệu táo tợn và một trò *đá thần giáo* về âm thanh và khúc điệu như cương bức lôi cuốn ta theo. Không còn ngờ vực gì nữa, một phần lớn sức quyến rũ rất đặc biệt của Phạm-Duy chính là do đó mà ra. *Lửa Hồng*! Ngọn lửa cháy sáng ngay trong lòng Phạm-Duy, và ngọn lửa ấy vừa làm ra sức sống vừa thiêu đốt cuộc đời của chàng. Dầu sao, thật là kỳ diệu, cái việc chàng nghệ sĩ nọ đã truyền được *đà sống* và ngọn lửa ấy vào những tâm hồn đáng thương của chúng ta, nhờ ở mãnh lực tài năng của chàng, nhờ ở tài sử dụng tuyệt trần những tiếng nói và âm thanh!...

Mặt khác, cùng năm ấy xuất hiện bốn bản dân ca mới, tuyệt hảo, cực kỳ đẹp đẽ: *Tình Nghèo, Đố Ai, Người Về* và *Ngày Trở Về*. Nét nhạc rộng lớn cũng như lời thơ đầy xúc cảm ở đây đã cho thấy rằng chúng ta đang tiến nhanh tới những thiên Trường Ca. Sự thực thì vào năm 1954 ấy, năm mà nhạc sĩ du khảo bên Pháp — vào lúc chưa hết năm 1954 ấy, Phạm-Duy đã soạn xong phần đầu của *Con Đường Cái Quan*, tức là phần Từ Miền Bắc. Tác phẩm lớn đã bắt đầu.

Trong những năm 1954-55, ngoài khóa giảng về nhạc học mà Phạm-Duy

cùng dự với Trần văn-Khê — Trần-văn-Khê hồi ấy là một trong những kẻ đầu tiên được nghe bản Trường Ca trong lúc đang còn thai nghén — nhạc sĩ còn học dương cầm và hòa âm với ông Robert Lopez, ông này vừa cầm động vừa khâm phục trước một học trò lạ lùng đã tiếp nhận trong vòng một năm tất cả những gì mà thiên hạ phải nghiên cứu trong tám năm... Chàng nghệ sĩ của chúng ta liền đem sở học ứng dụng ngay vào thực hành, nhanh chóng nhất li trong việc phổ nhạc các bài thơ của *Cung Trầm Tường* sau đây: *Mùa Thu Paris, Kiếp Sau, Tiễn Em, Đường Xưa Lối Cũ, Bên Nớ Bên Này, Chiều Đông*. Ở đây, Phạm-Duy vốn là một tay hóa hợp tài tình, táo bạo, và nhất là có linh khiếu, thí nghiệm dồn dập về nhịp điệu, khúc điệu và hòa điệu, tuy vẫn không ngừng sáng tạo tác phẩm nghệ thuật.

Những ca khúc khác vào khoảng cuối những năm 50 ấy — như *Xuân Thì, Chim Lồng, Tiếng Hồ Mi n Nam, Tor Tình, Chiều Về Trên Sông, Thương Tình Ca, Một Đàn Chim Nhỏ, Hồ Lơ, Cho Nhan. Đường Chiều Lá Rụng. Tình Quê, Hoa Rụng Ven Sông, Văn Thơ Sầu Rụng, Một Bàn Tay, Mộng Du, Thương Ai Nhớ Ai* — cũng đều là những bằng chứng khả cứ về những tân phẩm và những thí nghiệm mà khối óc nghệ sĩ luôn luôn dào dạt của Phạm-Duy tưởng chừng như vừa nghĩ ra trong lúc vừa chơi đùa.

Mặt khác, suốt trong những năm 50 ấy, nếu nghệ thuật của nhạc sĩ thêm sâu sắc thì nghệ thuật của thi sĩ cũng thêm phần sâu sắc. Vì vậy, trong các

bài như *Lữ Hành, Chiều Về Trên Sông, Thương Tình Ca, Tìm Nhan. Đường Chiều Lá Rụng, Tạ Ông Trời, Một Bàn Tay, Xuân Hành*, theo giòng năm tháng mỗi lúc một sâu sắc hơn, thi sĩ và con người lần lượt luân phiên tự hỏi mình về cuộc đời, về định mệnh, về tình yêu, về niềm đau khổ và sự chết, đôi khi tự hỏi trong khắc khoải hay băng khuâng, có khi lại tự hỏi trong dịu dàng và nhẩn nhục, bao giờ cũng tự hỏi một cách chân thành và nhiệt thành. Nhưng — điều này mới nhiều ý nghĩa — nếu thường khi người thi sĩ ở Phạm-Duy có là *con người của âu lo* thì người nhạc sĩ ở nơi chàng vẫn luôn luôn là *con người của xác tín*.

Nhưng biến cố của khoảng cuối những năm 50 lại có tính cách tình cảm: một mối tình mới vừa len vào trái tim bao la của Phạm-Duy. Tuy nhiên lần này, người tình là một nàng tiên như nàng tiên mà nghệ sĩ chưa từng bao giờ gặp trong đời mình, một nàng tiên đã lưu giữ chàng thắm thiết hơn và lâu dài hơn những kẻ khác rất nhiều — Người ta có thể tìm hiểu mối tình ấy cũng như về những mối tình khác của nhạc sĩ trong một cuốn sách của Tạ-Tỵ sẽ xuất bản một ngày gần đây, cuốn sách có một nhan đề mang nhiều ý nghĩa: *Phạm Duy, Còn Đó. Nỗi Buồn* — Và dưới vầng thái dương của mối tình này, nhiều tác phẩm đã ra đời, và mãn khai như những bông hoa quý chan chứa hương nồng, khi thì tỏa hương hạnh phúc nhẹ nhàng rồi biến đi, khi thì thơm mùi băng khuâng rầu rĩ. Ôi, cái chất trữ tình của những ca khúc ấy thật là lớn lao, lạ lùng!! Đó là những bài

thơ của mơ mộng, của sương mù mờ đục, những nét tổ mờ, những lời hàm ý nhiều lần lặp lại mà vẫn khác nhau. *Thương Tình Ca, Ngày Đò Chúng Mình, Đừng Xa Nhau*: những giai điệu rộng mở và vươn cao như dáng thiên nga, bắt từ giọng trầm sâu thẳm và như thể một cơn trớn bất tận vươn lên những đỉnh mê mẩn tuyệt vời. *Đường Em Đi, Thú Đau Thương, Mưa Rơi*: những giai điệu yên tĩnh, nhuốm một băng khuâng dịu dàng. Nếu *Một Mai Em Sẽ Qua Đời, Còn Gì Nữa Đau, Tìm Nhau*; những giai điệu âu lo thấp thỏm hơn, hay bi thảm hơn. Và nhất là *Kiếp Nào Có Yêu Nhau* — một trong những đỉnh cao nhất của sự nghiệp Phạm-Duy. Ở đây bài thơ của Hoài-Trình đã gợi hứng cho nghệ sĩ một bản nhạc khó khăn và vĩ đại, gần như là hùng vĩ. Tính cách bi thảm vô song của bản nhạc ấy, cái luận lý, cái xúc cảm, cái đẹp vẹn toàn của khúc điệu ấy đều là những bằng chứng, nếu chúng ta cần có bằng chứng, tỏ rằng vào cuối những năm 50 nghệ thuật của Phạm-Duy đã đạt đến mức tự chủ cao siêu.

Nhưng dù soạn những ca khúc ái tình, dù làm điện ảnh hay làm gì đi nữa,

nghệ sĩ cũng không xao lãng công việc đã bắt đầu từ 1954. Và vào mùa xuân 1960, thiên Trường ca Con Đường Cái Quan được hoàn tất. Đó là bản liên hợp phổ bao la nhất chí, kết quả kỳ diệu của bao năm trời làm việc và suy nghĩ sâu xa. Đó là bản liên hợp phổ của thiên tài và nỗ lực, bản liên hợp phổ của con tim, của tình yêu. Lời hứa của thời hoa niên đã được thực hiện, và thực hiện đẹp đẽ làm sao! Cánh lưu tinh năm nào bây giờ đã thành ra một vì tuệ tinh, một vì tuệ tinh sáng chói đặc biệt đến nỗi trong phút chốc nhiều tinh tú khác ở gần đây bị hoàn toàn phai nhạt. Ôi, con đường lạ lùng của người con ông Phạm-duy-Tồn, « người con của đất nước » theo lời tác giả muốn nhận, đã đi qua từ phố Hàng Cót xa xôi ngoài Hà Nội, cho đến những cuộc viễn du rục rỏ trên con đường cái quan nọ! *Đường Đi Đã Tới...* đoạn chót của bản Trường ca nói thế. Nhưng đối với Phạm-Duy, người lữ hành không mệt mỏi, có đôi gót chân đồng, thì đường đi chưa hết. Bây giờ, còn phải đi xa hơn nữa.

(Còn tiếp)

G.E. GAUTHIER

Montréal 12-1970

TÌM ĐỌC :

## 15 GƯƠNG PHỤ NỮ

của MARIANNE MONESTIER  
NGUYỄN HIỂN - LÊ lược dịch

«Tôi mong rằng đọc xong cuốn này, lòng tự tin của bạn gái sẽ tăng lên; họ sẽ thấy nếu họ muốn thì cũng lập được những sự nghiệp lẫy lừng như đàn ông, mà nền văn minh tương lai sẽ không phải của riêng đàn ông xây dựng, vì họ không kém đàn ông về một phương diện nào hết.» (Trích lời tựa)

TRÍ-ĐĂNG xuất bản và phát hành



## **Bốn chặng huyền sử nước Nam nền tảng và triết lý**

### 1) Định nghĩa

Huyền sử chính là nền Minh-triết của một dân được diễn tả bằng những mảnh vụn lịch sử của dân ấy. Thí-dụ câu truyện Đế-Minh tuần thú phương Nam lấy tiên trên Ngũ-Linh là một trang huyền sử nhằm diễn tả nền Minh-triết nước ta nằm trong cơ cấu ngũ hành: số 5 gồm hai số là 3 trời, 2 đất cũng như tam tài và lưỡng nghi. Đây là những yếu tố căn-bản nhưng quá trừu-tượng. Bảy giờ huyền sử diễn tả bằng những nhân vật như Đế-Minh lấy Vụ-Tiên v.v... Đó chỉ là những sơ-nguyên-tượng vì thế nói Đế-Minh cháu ba đời vua Thần-Nông (ba trời) tuần thú phương Nam (phương Nam theo ngũ hành là số 2) đến Ngũ-Linh là ngũ hoàng cực của Hồng-Phạm cứu trừ, tức ngũ-hành đã khai triển đến hết ba số 9. Vụ-Tiên cũng như Nữ - Oa đại-biểu Minh-triết (Sagesse). Nữ-Oa thường đi với số 5 như cầm cái qui (có 5 điểm) chế ra được cái sên có 5 lỗ, nấu đá ngũ hành... Nữ-Oa cũng như Vụ-Tiên và Đế-Minh không có y nguyên trong cá-thể nhưng có trong công-thể dân Việt nên gọi là mảnh vụn lịch-sử. Đó là những sự kiện có thực nhưng vụn nát đó đây thí dụ có những

người làm ruộng từ Dương-tử-giang di cư xuống vùng Lĩnh-Nam, rồi trong cuộc Nam tiến trường kỳ có rất nhiều trai Bắc lấy gái Nam. Tuy nhiên những sự việc đó không nằm dưới điều kiện không-gian và thời-gian thí dụ không cần là cháu ba đời mà bảy tám hay mấy chục đời, cũng như không cần lấy vợ Nam trên núi Ngũ-Linh mà việc trai Bắc lấy gái Nam xảy ra cùng khắp trên đường Nam tiến. Vì thế câu truyện Đế-Minh không là sử mà là huyền-sử, huyền-sử nói lên một cái gì u-linh phổ-biến như nền Minh-triết của Lạc-Thư.

Như vậy huyền-sử không còn một giá-trị như sử vì đã nhô đầu lên bình-diện tâm-linh, nên giá-trị của nó là nói lên cơ cấu sơ-nguyên của một dân tộc vì thế sơ-nguyên không những theo nghĩa đã xảy ra ở buổi xa xưa nhưng nhất là theo nghĩa *vĩnh cửu*: luôn luôn hiện-diện. Bởi thế chính huyền-sử mới làm nên chiều dọc của lịch sử, loại lịch sử mang theo ý nghĩa sâu xa nên thống nhất vì chớ theo những yếu tố còn luôn luôn tác hành mà những sử-gia Mỹ kêu là chức-năng-sử (functionalisme) ngược với những sự kiện nằm phơi trải ra ngoài (diffusionisme) tương-tự với cái tôi quen gọi là duy-sử.

Với duy-sử người ta chỉ thấy được những biến-cổ hiện-hình ra trong không-thời-gian, phải với huyền-sử người ta mới thấy được cái gì phổ-biến bàng-bạc bên ngoài những biến-cổ. Chính vì vậy mà huyền sử có tính chất hàm-hồ, u-linh, uyển-chuyển. Vì huyền-sử thuộc đợt tiềm-thức mà tiềm-thức chính là kho tàng của những chân lý phổ-biến trường-tồn, luôn luôn lặp lại dưới những dạng-thức khác. Chứ như lịch-sử thuộc vùng ý-thức, ghi lại những sự kiện, những biến cố đã xảy ra trong một thời, một nơi, nên có tính cách bất khả phục hồi và nằm trọn trong cá-thể-tính của nó : có một không hai, không thể có hai.

## 2) Tác giả huyền-sử

Những sự kiện cá biệt đó chầm dần xuống ký-ức cộng-thông của một dân một nước, lâu ngày trút bỏ những hoàn cảnh đặc thù, nên có khả năng biểu-thị được những yếu-tố tổng-quát. Lúc ấy nó mà xuất hiện thì ta có được huyền-sử. Vì thế tác giả của huyền sử chính là dân theo nghĩa rất rộng bao gồm tất cả mọi người trong một nhóm không chút phân biệt nào về dòng tộc hay học vấn. Có thể nói huyền sử cũng như việc nằm mơ không cần phải có học mới biết mơ. Ai cũng có thể nằm mơ thì cũng vậy, ai cũng có thể làm tác giả huyền-sử. Vì mơ với huyền-sử cùng nằm trong tiềm thức, bởi vậy khi mơ ta thấy có những quyền năng phi thường như bay nhảy trên không hoặc biến hình đổi dạng, đây là dấu ta bước vào tiềm-thức, một

binh-diện không còn tàng-phục những điều-kiện của không-thời-gian nữa.

Trong Kinh-Thi bài "Tư can" nói : "mơ gấu sinh trai, mơ rắn sinh gái..." (Thi II 937) thì đó là một thứ mơ rất gần huyền-sử. Vì theo huyền sử thì trong số vật biểu nước ta có rắn, và văn-hóa ta tôn-trọng đàn bà (xem Việt-Lý bài Văn minh lệnh) còn miền Bắc nhận vật-tổ thú loại gấu, hùm, beo, hồ, báo cho nên câu ca dao trên phản chiếu huyền sử của hai miền Bắc-Nam. Điều đó chứng tỏ có mối liên hệ rất chặt chẽ giữa huyền-sử và chiêm bao cũng như ca dao. Tuy nhiên hiện nay khoa giải nghĩa chiêm bao cũng như tâm - phân - học còn quá mới chưa đủ xác-định chiêm bao thứ nào thuộc huyền-sử thứ nào không. Nhưng nói chung thì có những chiêm bao thuộc huyền sử nên kết luận được rằng tác-giả đợt đầu của huyền-sử là dân gian.

Và do đấy ta nhận ra huyền-sử có một nền tảng rất vững cũng như một tính chất thời sự liên tục.

## 3) Sự dị biệt giữa thần-thoại và nhân-thoại

Tôi gọi huyền-sử là nhân-thoại, nhân-thoại khác với thần thoại ở vị trí con người. Ở thần thoại vai chính toàn là thần, con người hoặc vắng bóng, hoặc có thì cũng rất tùy phụ hoặc như Prométhée ăn trộm lửa hoặc như bà Pandore tò mò mở xem hộp đựng các tai ương để chúng tràn lan trên mặt đất..

Ngược lại ở nhân-loại thì con người làm chủ : Bàn Cổ làm ra sấm,

chóp, sông núi, Nữ-Oa đội đá vá trời. Chính vì thế mà tác động của con người mang những chiều kích vũ-trụ (dimension cosmique) với bóng dáng người bao la của tam tài, của «Tề Thiên Đại Thánh» nghĩa là thánh to ngang với trời! So với Prométhée thì đã tiến bộ xa vời. Cần nói ngay rằng không nên coi đó như những truyện vu vơ bên ngoài văn-hóa, nhưng chính là nền móng văn-hóa của một dân, nó nói tiên tri về tính chất của nền văn-hóa có nó đến nỗi chỉ cần đọc mấy trang đầu lịch sử đã nắm mạch được tâm can tì phế của nền văn-hóa đó: thí dụ biết ngay mẫu người tự cường hay thụ động, nhân sinh quan hùng tráng dũng lược hay ủy mỵ bi quan. Biết như thế rồi bây giờ chúng ta thử tìm hiểu về thời kỳ xuất hiện của Thần-thoại cũng như Nhân-thoại.

#### 4) Thời-kỳ xuất hiện của huyền-sử

Trong thời kỳ duy lý người ta cho rằng thần-thoại xuất hiện vào lúc con người còn cồ sơ thô lỗ, nhưng đến nay các nhà nghiên cứu đều cho rằng thần-thoại xuất hiện vào thời đầu của những nền văn-hóa lớn, lúc tâm trạng con người mới thức giấc khỏi trạng thái bất phân và thần thoại là tác động sáng tạo đầu tiên của nó (Déclin 381). Vì thế đó là một tác động làm bằng cảm xúc và sống thực hơn là suy-tư hay là được công-thức-hóa (le mythe est senti et vécu avant d'être intelligible et formulé. Mythe 11) vì thế có thể phân tích nội dung của câu truyện

mà ước đoán ra được thời xuất hiện của nó. Nếu căn cứ theo lối phân chia đường vận hành của tâm-thức con người làm ba đợt là *bái-vật*, *ý-hệ*, và *tâm-linh*, thì ta có thể đặt thần-thoại giữa *bái-vật* và *ý-hệ* vì đó là thời con người rất yếu hèn, hoặc thời ma thuật đã biết ăn trộm chút quyền hành. Còn ở huyền sử thì con người đã ung dung tự tại nên chỉ còn bên dưới có đợt *tâm-linh* tức lúc không cần biết đến biểu-tượng nào nữa, thí dụ khỏi cần dùng cơ cấu ngũ-hành với ngũ-hoàng-cực mà chỉ với hai chữ chí-thành là tóm thâu được cả tinh-hoa của thần-thoại cũng như nhân-thoại. Đây là chỗ cùng cực. Chính Việt-Nho đã đi qua thời Thần-thoại, nhưng đi qua bằng vượt qua, còn ở Tây-phương đi qua bằng gạt bỏ. Vượt qua thần-thoại bao hàm sự thâu thái tinh hoa của thần-thoại, còn gạt bỏ là nhị-nguyên: chọn một bỏ một, chọn lý-trí bỏ thần-thoại. Chính vì thế mà hiện nay đang có một cuộc quật ngược đề trở lại với thần-thoại.

#### 5) Hiện trạng vấn đề

Hiện nay ai đi vào làng văn-học Tây Âu cũng nhận ngay thấy sự đề cao thần thoại, và sự học hỏi sưu tầm thật là vĩ đại đến nỗi hầu không mấy khoa nhân văn là không bàn tới: từ triết-học qua phân-tâm đến cơ-cấu-luận, dân-chủng-học v.v... (1). Vì hiện nay người Âu-Châu khởi đầu nhận ra thần-thoại chính là bảo

(1) Xem thí dụ «Le langage «ublié» của Eric Fromm. Ở đây tôi hay dùng quyển «Mythe et métaphysique» de Gusdorf (Payot) viết tắt mythe.

tàng viện những giá-trị nền tảng (Mythe 278) «Le Mythe est le conservatoire des valeurs fondamentales» nên là liều thuốc chữa chứng bệnh quá trừu tượng vì thần thoại là lối tư-tưởng nhập-thể chưa bị tách rời khỏi sự vật — lời nói còn bám sát sự vật. Le mythe est la pensée incarnée : non déprise de la chose, encore à demi-incarnée. Le mot adhère à la chose. Vì thế mà trong dĩ-vãng những dân hùng cường đều phải có thần-thoại. Âu Tây hiện lấy làm khổ tâm vì thiếu vụ này (Gusdorf. Mythe 286). Nói đúng hơn là Âu Tây đã vứt bỏ thần-thoại từ sau đời Socrate, và hiện nay vẫn còn do dự chưa biết chọn bên nào. Entre deux maux dont on ne sait trop lequel est le moindre (Gusdorf. Mythe 237). Có bỏ thần-thoại thì khoa học mới tiến

bộ, mà bỏ thần-thoại thì nước mất hồn, lịch sử cũng như văn-hóa mất ý-nhị (Mythe 247) đó là gọng kìm đang kẹp tâm thức người Âu-Tây và họ đang cố gắng thoát ra.

Riêng chúng ta nếu biết trở về nguồn gốc thì sẽ tìm ra lối thoát thứ ba không bỏ mà cũng không nhận nhưng vượt lên trên bằng nhân-thoại. Và chính trong ý-hướng đó mà chúng ta quay về khám phá kho tàng huyền-sử của nước nhà. Bài này không có ý mức cạn nhưng chỉ nhằm cảm mấy tiêu điểm để có thể y cứ trong việc nghiên cứu về sau. Đó là 4 chặng huyền-sử nước Nam là Việt-Hồng, Việt-Long, Việt-Ngư, Việt-Tượng.

(Còn tiếp 1 kỳ)

KIM ĐỊNH

Tăng cường sinh lực bằng

**CETONIC**

**VITAMINE C 250mg**

433-YTDP.Đ.

# Á M Ả N H

**Lời người dịch**— «*Ám ảnh*» (\*) là một trong một số ít truyện ngắn Hoa Kỳ viết về Việt Nam đã được tuyển chọn in trong tập Truyện ngắn Hoa Kỳ hay nhất trong năm 1969. Tại Hoa Kỳ thường thường ít khi có các tác phẩm văn nghệ viết về bất cứ một cuộc chiến nào trước khi cuộc chiến đó thực sự chấm dứt. Cuộc chiến Việt Nam phần nào thoát khỏi ngoại lệ đó. Vô tuyến truyền hình ngày ngày làm sống lại cuộc chiến đó ngay trong phòng khách của mọi gia đình Mỹ. Đây là cuộc chiến đầu tiên được truyền hình một cách chi tiết và nhất là bằng màu! Những cảnh tượng khủng khiếp trên trận tuyến cũng như những cảnh tượng thương tâm của người dân Việt giữa vùng lửa đạn, đã trở thành một ám ảnh thường trực đối với người dân Hoa Kỳ và nhất là đối với văn giới Hoa Kỳ.

«*Ám ảnh*» phần nào đã phản ánh được tâm trạng của những người Hoa Kỳ bình thường nhìn cuộc chiến từ xa, qua môi giới của các phương tiện truyền thông và qua những thân hình tàn phế của các thương bệnh binh — chứng tích đôn đau của một cuộc chiến ở mãi bên kia địa cầu.

John Bart Gerald là một cây bút trẻ, sinh năm 1940 tại Manhattan. Ông đỗ bằng B.A. tại Harvard và đã phục vụ trong ngành quân y thuộc Không lực trừ bị Hoa Kỳ.

Căn cứ chúng tôi có một ông tuyên úy rất chi. Hôm đó là buổi sáng chủ nhật, trong ngôi giáo đường Không Quân nhỏ bé của chúng tôi, với những vách tường mỏng manh và tháp chuông lùn tủn để khởi quệt vào bụng những chiếc máy hay sà xuống thấp, vị tuyên úy, cấp bậc Thiếu tá, đứng ở trên bục giảng giúp vui chúng tôi. Các vị tuyên úy thì thường là vui hơn các vị giáo sĩ dân chính. Ít ra thì họ cũng còn có được óc tự trào. Bây giờ thì vị tuyên úy của chúng tôi đang nói diều về điều hâu và bờ câu, tôi không nhớ rõ ràng ra sao vì tôi

không thông về chính trị cho lắm. Nhưng ông ta làm cho tất cả mọi người trong giáo đường bị bối rối, từ anh binh bết đến vị chỉ huy trưởng ngồi trên hàng ghế đầu với vợ. Bà xã tôi thì đang cười rúc rích vì cô ả ghét chiến tranh như tội lỗi và chỉ chịu thông cảm với những câu chuyện diều thuộc phe của mình. Nhưng khi mà tất cả mọi người cảm thấy khó chịu, thì vị Thiếu tá cúi xuống cuốn Kinh Thánh mở trong hai bàn tay to lớn của ông ta mà rao giảng rằng: «*Phải chăng năm con chim sẽ chỉ*

(\*) Nguyên tác là «Walking Wounded».

đáng giá hai xu, vậy mà Chúa có quên con nào đâu ? Ngay cả đến tóc ở trên đầu ta cũng được đếm chẳng sót sợi nào. Bởi vậy chớ có hãi sợ, các con còn giá trị hơn lũ chim sẻ nhiều. »

Ráng mà tin cho rồi. Tôi lùa mấy ngón tay qua hàng khuy áo sơ mi và áp cái hơi lạnh loài kim của chiếc thẻ bài chó má của tôi lên trái tim.

Tên tục của tôi là Dunbar và ba cái vết trên cánh tay áo tôi đã nuôi sống vợ tôi và con tôi. Tôi không thích chiến tranh. Nhưng tôi cũng chẳng ghét nó. Cứ như quan điểm của tôi thì vạn sự chẳng qua cũng chỉ là một cuộc đấu tranh. Những sinh vật bé bỏng gây chiến với nhau ; khi tôi còn nhỏ tôi thường bắn chim chào mào và đem nhét xác nó vào khe đá lát nền cũ kỹ của một hầm phóng hỏa tiến đặt ngầm dưới đất — cho đến khi bố tôi bắt được quả tang vì mùi hôi thối xông lên quá tộ. Thành thử tôi biết rõ tôi. Tôi biết tôi định gì. Thế không có nghĩa là tôi sung sướng, đó là lý do tại sao tôi lại là chuyên viên quân y thay vì một xạ thủ nạp đạn.

Dĩ nhiên là chiến tranh ảnh hưởng tai hại tới tôi. Giết chim chào mào và giết người là hai chuyện khác nhau nhiều lắm. Như đêm nọ trong lúc tôi đang làm ở phòng tản thương thì có một tên kể cho tôi câu chuyện này.

« Paletti và tao đang đứng ở giữa lộ, sau khi tiểu đội bọn này đi qua làng, thì một mục đàn bà mắt xéch tiến tới gần tao chọi tay vào nhau. Nó nói « Bum bum ». Nó chỉ về phía lều của nó và nói « Bum bum ». Tao cười, xóc lại đồ nghề và đi theo nó vào lều ; cho đến lúc nó vào lều tao thấy nó bước qua một sợi giây căng ngang cửa. Tao bèn quay lui và trở lại với thằng Paletti. Nhưng nó lại chạy theo, níu lấy tao mà nói « Bum bum, bum bum ».

« Áo nó để hở hờ hênh. Tao xô nó ra và bắn ngay vào trước ngực nó. Rồi tao rút ra một trái lựu đạn lăn thật ngọt qua cửa lều và trái lựu đạn nổ tan xác hai đứa nhỏ. Tao chẳng buồn quan tâm đến con mục đàn bà ấy mấy tí »

Thôi rồi thế là tôi chẳng thể nào quên được câu chuyện đó nữa, nhưng phải thú thực là, lúc này khi nghĩ lại chuyện đó, tôi cảm thấy nó có hơi nhàm chán. Nó chỉ là những thứ mà người ta xem thấy ở Tivi nếu người ta ăn xong bữa cơm chiều quá sớm, mà tôi thì đã nghe được quá nhiều chuyện. Nhưng lúc mới thoát nghe chuyện đó tôi bước ra khỏi phòng, uống ly cà phê dưới hầm mà tay run lẩy bẩy. Giả sử như tôi còn trẻ thì có lẽ tôi đã gào lên trách trời. Tôi ghét chiến tranh và không muốn dính líu chút gì với nó.

Nhưng vừa lúc hết phiên trực mười hai giờ của tôi, viên Trung úy hỏi rằng tôi có thể trình diện để đi diễn hành được không. Và dĩ nhiên là không có vấn đề thắc mắc. Thế là tôi lái xe về nhà thay đồ, và giờ đây tôi đứng chết trân ở giữa sân bay. Nhạc từ khán đài rì rào vắng lại phía chúng tôi, xen với tiếng phi cơ vận tải cất cánh trong khi chúng tôi kiểm điểm lại khuy áo quần, soát lại râu ria cạo nhẵn chưa, nấn lại mũ, cầu nhàu trước khi phải quẹo, có tên hãy còn khum tay giấu điều thuốc lá và cái thắt lưng cũ của tôi làm tôi gần đứt ruột. Khán đài đầy đặc những mảng xanh và hồng, đàn bà và trẻ con trong bộ đồ via chúa nhật, và chúng tôi diễn hành xuôi về phía họ, với tiếng nhạc nghe mỗi lúc một lớn, hàng ngũ quanh tôi thẳng tắp, vai so vai, gót dậm mạnh xuống đường, ước định vị trí chúng tôi với toàn đội để khỏi bị lệch lạc đội ngũ, chân tôi dậm phải theo nhịp trống trầm. Tiếng kèn thổi thúc bồi hồi, hiệu lệnh gắt gỏng lớn lối càng nhiều khi khán đài

hiện ra càng gần. Lệnh « Nhìn phải, chào » phát ra như một tiếng súng hiệu — đầu chúng tôi quay phắt cùng một nhịp. Có vài vị tướng tôi chưa thấy hình bao giờ, và đàn bà. Nhưng chúng tôi đi mãi ở ngoài sân đậu, gót chân nện thoăn thoắt, tay vung cùng nhịp và mắt nhìn thẳng về phía trước, cho đến khi tiếng nhạc bắt đầu chìm theo làn gió mạnh và sinh khí trong chúng tôi trào ra theo một cái thở dốc.

Các bạn thấy nhà binh đâu có khác các công việc khác là mấy, ngoại trừ việc «trình diễn» lấy điểm chả giúp bạn tiến xa được bao nhiêu. Thực ra, cứ như tôi thấy, cuộc sống của mọi người cũng giống như cuộc sống nhà binh và càng ngày lại càng giống hơn. Không tạo được dấu vết thì bạn sẽ bị xóa nhòa đi mất tiêu. Chúng ta đều là bộ phận của một guồng máy lớn. Vì vậy tôi cảm thấy hơi trên chân vô khối người chưa ý thức được như thế.

Chính đó là lý do mà mỗi buổi sáng Chúa nhật tôi quàng bộ quần áo ngủ trên sàn nhà tắm và ngồi trên nắp cầu tiêu đánh bóng đôi giày thấp cổ bằng nước bọt và những mảnh giấy vệ sinh. Tôi mặc một cái áo sơ mi xanh, cổ áo chật hẳn sâu vào thịt. Bộ đồ nỉ xanh của tôi chỉ mặc vừa hồi tôi nhập ngũ sáu năm trước đây, trước khi tôi quên thói rượu chè. Tôi gò lưng quần. Tôi cài bốn cái nút áo ngực có huy hiệu, mắt ngó vào gương ngắm màu huy chương tác phong gương mẫu màu vàng và đỏ mà mẹ vợ tôi trong lúc gổi chăn đã bảo là có thể cài vào da tôi được. Thế rồi tôi đánh bóng cái lược trai của mũ kepi và chúng tôi tới giáo đường.

Nhưng một ngày nào đây tôi sẽ hít một hơi thật dài làm bật tung mấy cái nút áo, mở phanh phệt mớ tuya quần và lột bỏ mấy cái vệt và cái bộ đồ xanh khốn nạn này ra khỏi thân tôi

và sẽ ra đứng ngay ngoài phi đạo kia trần truồng trước cả thế giới. Dù cho tôi có già và mập đi nữa.

Có lần một gã nọ nằm trong bệnh xá, chân hấn đầy những mảnh kim khí và mủ, sốt nóng lên tới 40 độ. Hấn cứ chia cho tôi xem một mảnh giấy bản thiu mang những hàng chữ mà hấn muốn tạc trên mộ bia của hấn :

*Tao nằm đây*

*Mày cũng vậy*

*Nhìn đằng trước*

*Bước theo tao.*

Nhưng bữa sau thì hấn không còn nằm đó nữa và tôi chịu chẳng bao giờ tìm ra được là hấn còn sống hay đã chết.

\* \* \*

Không có anh bự nào sống chuồng vào lúc khuya khoắt thế này, đỡ có những trò lằm cằm, chỉ có các xe buýt quân y và các xe tải thương đậu san sát ở rìa bóng tối. Tôi chả lấy gì làm ngại phải ra ngồi ngoài đó vào lúc đêm tàn. Tôi dọn một khoảng trống trên sàn xe buýt ở dưới chỗ để băng ca, hay nếu có thể được, chiếm chỗ ấm cúng ở trên chiếc máy sưởi mà ngủ gà ngủ gật trong lúc chờ đợi. Tôi nói dăm ba câu, ngủ chập chờn, nhìn ra bóng chiếc máy bay vận tải khổng lồ và đường bầy phẳng lì chạy hút sâu vào bóng đêm. Xa thẳm ngoài đó ở phía bên kia trái đất chiến tranh cháy như một ngọn lửa âm ỉ. Và tôi yên ổn ở đây với vợ với con.

Khi máy bay hạ cánh chúng tôi cho xe chạy ra đón thương bệnh binh. Phi cơ không có cửa sổ nên khi cửa phía đuôi của phi cơ được thả xuống, ánh sáng tuôn trào vào vùng không khí tươi mát như một vết thương mở miệng. Chúng tôi cho dứt đuôi xe vào sát phi cơ và bước vào bụng phi cơ. Càng chắt từ trên nóc xuống đến sàn. Những thương

binh còn đi được giương mắt nhìn qua đó ra phía chúng tôi, cố trông tìm hình ảnh quê hương.

Chúng tôi để các y tá phi hành khênh từng cái cang một xuống và đặt nó ở nơi cửa hậu của phi cơ. Đoạn, chúng tôi khênh những cang đó đi và chất chúng thành hai ba lớp dọc theo lườn xe buýt. Tôi có thể vừa làm vừa ngủ. Một hai ba nâng chiếc cang lên, giữ cho nó ngang bằng, luôn luôn thận trọng bước chân, vì chỉ sơ sẩy một chút là có thể đánh rớt con bệnh. Và rớt lon. Nhưng tôi vẫn có thể làm trong lúc ngủ được.

Dẫu vậy trước khi nhấc cang lên tôi thường nhìn vào mặt kẻ bị thương. Khi phi cơ đáp xuống và áp lực giải tỏa làm cho vết thương mở loét ra. Cứ như cái ngứa bọ này, thì có gặp ở quán rượu tôi cũng chẳng buồn gãi lộn. Sau chiến trận, họ hết còn giống trẻ nít, mồ hôi mồ kê nhễ nhại như giữa trận cầu. Bị thương mà râu ria chẳng có gì cả, tôi thấy kỳ kỳ làm sao ấy.

Tôi cũng còn thường nhìn vào mặt họ để xem họ có đau không vì đôi lúc miếng kim loại còn ghim trong mình làm họ đau đớn khi bị di chuyển. Tôi thận trọng với những kẻ còn biết đau. Đôi lúc có khuôn mặt bộc lộ một vẻ gì hết sức riêng tư khiến tôi không dám ngó.

Đêm hôm đó họ chở tới một Trung úy Thủy quân Lục chiến. Tôi có thể nghe thấy tiếng hắn kêu vọng ra từ trong bụng chiếc phi cơ. Hắn được đặt ở chiếc cửa ở đuôi chiếc phi cơ, thở khó nhọc, tay và vai để trần dưới một cái mền mỏng, trong lúc chúng tôi đứng nhìn xuống trong chiếc áo lạnh có trùm đầu. Hắn bảo chúng tôi: «Chờ cho một phút, hãy chờ cho một phút», vì hắn không muốn chúng tôi

khênh hắn đi. Nhưng còn nhiều người khác nữa cần phải chuyển ra

«Xin lỗi vì đã «yếu» như vậy», hắn nói khi tôi nhấc chiếc cang lên. Tôi có thể cảm thấy tiếng xương cốt tôi kêu răng rắc. Tôi chèn tay cang vào cái ngàm ở sườn xe và khóa lại. Viên Trung úy hét lên. Tôi không thích làm hắn ta bị xót nhưng lúc đó mồ hôi tôi đang đổ ra. Tôi hiểu hắn lắm. Hắn nói: «Điều này thì khó mà trở thành anh hùng nổi với các chú».

Vì hắn kêu rên nên chiếc xe buýt di chuyển chậm tới mức tối đa trên vỉa hè. Một vài sĩ quan ở phía trên đầu xe nhân danh không quân chào đón các binh sĩ hồi hương, vị chỉ huy trưởng căn cứ, vị chỉ huy trưởng phi đoàn, nói cho họ biết là họ đang ở đâu và lúc này là mấy giờ. Bọn họ nằm đó nghe những lời hết sức bực như thế ở phía trước và tiếng kêu rên của gã Thủy quân Lục chiến ở phía sau, cố tìm yên tĩnh trong cái thế giới nhỏ bé riêng tư của họ, mơn man đầu ngón tay trên lớp băng, cố nhìn qua cửa sổ vào bóng đêm, hay ngược nhìn những ống quần trắng ở lối đi và đu đưa những bình dextrose. Một vài người khác chỉ nằm lặng ở đó nhìn chòng chọc lên tấm vải bố xanh của chiếc cang ở ngay trên đầu như thể họ sợ máu của gã nằm trên sẽ thấm qua và rỏ xuống người họ.

Tôi luôn luôn nhìn vào mặt họ. Tôi không thể không nhìn vào mặt họ. Có lúc tôi đã tưởng là tôi đang tìm kiếm người quen. Họ giả tôi tò mò muốn biết mặt họ trông ra sao, 48 giờ sau khi bị nổ tung người. Có lúc say sưa tôi cố nhớ lại một trong những khuôn mặt đó, chỉ một thôi, và tất cả những gì tôi còn nhớ trong toàn thể dãy cang mà tôi đã khiêng xuống đó là khuôn mặt của chính tôi, hết khuôn mặt này đến khuôn mặt khác trên những chiếc cang màu xanh lá cây mà



đi đã khiêng ra từ trong lòng của những chiếc phi cơ kia.

Khi thằng nhỏ giật ống quần tôi, tôi cúi xuống cạnh nó. « Làm ơn cởi giầy đai cho em, Trung sĩ » hần, bảo tôi, « em muốn nhìn ra ngoài » Nhưng tôi đang châm điếu thuốc và không muốn mở giầy đai cho hần. Tôi lại phải huộc hần lại, lúc chuyển hần xuống xe. Và tôi không biết hần bị thương ra sao. Tôi đã học được một điều là chớ có nhìn. Tôi thấy chỉ có một khoảng nhỏ lên vừa đủ cho một cái chân dưới tấm mền của hần, nên tôi cho hần một điếu thuốc. Chúng tôi cùng hút.

Thoạt tiên những người bị thương cũng giống như bất cứ ai, trước khi họ biết sống với vết thương của họ, dùng cẳng máy bay tự thay lấy những túi đồ dơ của chính họ. Bởi vì thực sự họ không khác gì cả. Cho tới khi chúng ta nhìn họ quá kỹ, hay nhìn tránh đi nơi khác. Hoặc họ biết chúng ta sợ không dám nhìn dưới lớp mền che phủ. Nhưng thằng nhỏ chữa ý thức được điều đó. Tôi bảo hần là nhìn ra ngoài cũng chẳng có gì đáng xem vì trời thì tối và cảnh cũng giống hệt như các căn cứ không quân khác với lớp cỏ đã úa héo vì đang tới mùa đông. Hàng cây số bê tông trồng tron như khu trung tâm thương mại vào buổi chiều chủ nhật. Dù vậy, tôi biết là chẳng có gì mấy để mà kể cho một kẻ trở về quê nhà. Thành thử tôi cho hần biết là chúng tôi có một gian hàng PX tốt lắm và hiện giờ khách hàng có thể mua một máy stéreo và những máy thu băng giá rất hạ. Và hàng ngày chúng tôi có một giờ nhậu nhẹt uống la de thả dạn ở Câu lạc bộ Hạ sĩ quan, mà vợ tôi bảo đó là lý do làm tôi phê bụng. Và có một cái Tivi màu ở bệnh xá.

Khi họ mới được đưa ra khỏi phi cơ, có một vài người yêu cầu hạ cày

càng xuống để họ được sờ vào lớp đất Mỹ. Họ không nghĩ tới lớp bê-tông. Nhưng thằng nhỏ này mặt xám như chàm làm tôi khó mà giải thích được có cái gì ở ngoài đó. Tôi không hiểu sao tôi lại bảo nó như vậy nên tôi ngừng. Anh đã thực sự trở về với quê hương đồng bào của anh. Tôi chỉ biết là về nhà với Marsha, vừa ngủ dậy, hoặc giả như nàng đã dậy rồi thì tôi ngắm nàng cho con ăn. Thế là đẹp rồi, tôi mặc xác ai muốn nghĩ sao thì nghĩ

Có lẽ vì tôi im lặng, thằng bé nói: « Họ sắp phái Trung sĩ qua bên hả? »

Khi tôi nghĩ đến chuyện đó tôi cảm thấy dường như lửa cháy lan qua khoảng giữa đời tôi, và Marsha cùng tôi thì đang đợi chờ ở sát bên lề. « Làm sao tao biết được? »

« Nếu họ phái, Trung sĩ có đi không? » thằng bé hỏi.

Tôi im lặng. Đó không phải là cái thứ câu hỏi đặt ra trong quân đội. Tên nào mà chẳng có đôi lúc nghĩ đến chuyện không đi, nhưng đâu dám ra mặt nhận chuyện đó. Trừ phi hần là một thằng điên. Nên tôi chỉ nhìn thằng nhỏ mà nghĩ thầm rằng ta không có thể nói với bọn da màu được, và ân hận là đã cho nó điếu thuốc. Dẫu sao đi nữa, tôi luôn luôn yêu nước tôi. Cho dù rằng đúng hay sai, tôi đồ chừng rằng tôi vẫn còn yêu nước tôi, chính bởi vì những sai lầm đầy rẫy của nước tôi. Tôi đã thấy nhiều kẻ bị bắn hạ không lý do. Vì các sĩ quan bảo rằng đó là điều cần thiết, thì điều đó cần thiết. Và đôi khi cần phải cắt bỏ một cái cẳng. Tôi cố mỉm cười với thằng nhỏ. Nó không cười đáp lại. Nó vạt vĩa cái đầu trên chiếc gối trắng và bảo rằng: « Đừng đi, bồ ơi » Sao hần lại bảo tôi vậy? Hần nhắc lại lần nữa và tôi nghĩ rằng tên này có vẻ chính trị chính em, tính thuyết phục mình gì đây. « Đừng

đi » Hấn tiếp tục nói. Cho tới khi tôi ý thức được đó là cái điều hấn phải nói với tôi, như những tên khác có những chuyện chiến tranh của chúng nó, đó là cái điều duy nhất mà hấn biết.

Nhưng tôi không muốn thắng nhỏ nghĩ vậy khi nó chỉ còn một cái cẳng, mà tôi không muốn nó nói lớn vì nó có thể bị lòi thối. Và tôi đồ chừng rằng tôi không muốn nghe hấn, nên tôi đứng dậy.

Tên Thủy quân Lục chiến đang kêu khóc. Chiếc xe buýt đội lên đội xuống trên con lộ gập ghềnh và mọi người phải nghe. Hai y-tá cố gắng giữ cho chiếc cẳng của hấn không bị xô lắc nhưng không ăn thua gì. Hơn nữa, khó lòng mà biết được những tên như thế này, có khi họ chỉ gào lên vì muốn được chích thêm một mũi thuốc nữa. Có điều là tôi không thể làm ngơ được. Mồ hôi của tôi lại vã ra.

Thằng bé lại giật ống quần tôi nên tôi ngồi xếp xuống bảo nó « Quan tâm làm gì, chú lính » — « Có nghe thấy hấn ta kêu khóc không? » thằng bé nói làm như tôi không có tai vậy.

Tôi bảo tôi có nghe thấy và nảo lòng thật.

« Thế đã có gì nảo lòng »

« Đề rồi tao bảo hấn như vậy ». Tôi đáp, cảm thấy khó chịu với thằng lỏi này.

Đừng, nghe này « hấn nói, giữ nguyên bàn tay đen đũi trên không làm như thể hấn có thể bắt được âm thanh ấy. Tôi ngấm bàn tay hấn cử động. Điều khiến ban nhạc như thế thì chắc tôi phải tặng cho hấn võ đầu quá. Cho tới khi tôi lắng nghe viên Trung úy. Đó là những tiếng kêu đều đặn trầm trầm như của một kẻ ai-  
**loại** những tiếng gào thét từ thuở xa

xưa. Hay của kẻ thử kêu lên, rồi chờ đợi một cái gì ghê gớm hơn. Hấn không thực sự tin tiếng gào thét của chính mình. Vì sự đau đớn có đó nhưng chính sự đau đớn thực sự lại chưa làm nhức nhối. Nó chưa đủ nhức nhối. Và điều đó thật là ghê sợ. Tôi đã hiểu tại sao nó làm tôi khó chịu đến thế. Xe chúng tôi sụp ổ gà và gã Thủy quân Lục chiến rống lên. Tôi vẫn còn có thể nghe tiếng rống ấy. Nhưng nếu tôi để nó thấu đến tim tôi thì tôi sẽ nổ tung ra mất.

\* \* \*

Vào những lúc bối rối thì tôi lại hoạt động rất hữu hiệu. Có lẽ đó là nhờ sự huấn luyện của tôi. Tôi đẩy chiếc xe chở bệnh nhân xuống theo cái hành lang đánh véc-ni tới Khu số 4, ngang qua dãy phòng điều trị biệt lập tới khu chữa thương bệnh binh và đẩy cái cẳng nằm dọc theo giường bệnh. Có khi họ có thể tự di chuyển từ xe sang giường được, nhưng đối với hấn tôi phải gọi thêm hai y tá nữa tới phụ. Chúng tôi treo bình huyết thanh lên cạnh giường hấn. Tôi tháo túi nước tiểu. Một người kéo cái mền ra, phía trên của hấn không sao nhưng từ bụng trở xuống thì quần chẳng chịt đầy những hăng cũ.

Chúng tôi phải nhắc nguyên cả người hấn sang một lúc. Mặc cho mùi hôi thối, tôi luồn cả hai cánh tay xuống dưới hai cẳng chân hấn. Làn băng ấm thấm ướt qua da thịt tôi. Khi chúng khởi sự nhắc hấn lên, hai bàn tay tôi lún sâu vào làn gạc làm thoát ra một mùi hôi như thể có cái gì rỉ xuống khuỷu tay tôi. Nhưng tôi luôn miệng bảo tên đó là không sao đâu cho tới tận khi hấn được đặt lên giường.

Khi tôi đẩy cái xe ra chỗ để cẳng và một tấm drap vàng ra, mũ đã thấm

qua tới lớp vải bố. Mùi hôi vẫn còn quện lấy tôi. Tôi cố giải thích mùi hôi đó cho vợ tôi nhưng chưa bao giờ thành công. Nó nặng mùi đến độ khó mà thở nổi nên không thể nào quen với nó được. Nó có mùi giống như nước tiểu nóng hoặc sữa bị chua. Như những con chim chết hay một thứ gì hôi thối trên cái nền. Rất nhiều tên rất hôi thối vì đã chỉ được băng bó vào lúc vừa được chở từ mặt trận về và phải dùng thuốc mê mới thay đổi băng thành thử vết thương trong đó cứ thế phát triển trong một thời gian khá lâu. Tôi rửa ráy trong phòng tạp dịch và tẩy băng một năm bông thấm cồn, trước khi ra lo cho người kế tiếp.

Khi các xe buýt đã chuyển hết thương binh xuống và bệnh xá đầy chật người, tôi lấy một ly cà phê và đứng nhìn nữ nhân viên của Hội Hồng thập tự hỏi từ người một là họ ở vùng nào và họ có muốn gọi về nhà miễn phí không. Người nào cũng muốn, nên nữ nhân viên này mang cái giá điện thoại đi quanh và đứng lắng nghe, cười mủm mỉm trong khi gã kia nói dạ má con vẫn thường.

Bác sĩ và nữ điều dưỡng len lách tới và tôi được giao phó nhiệm vụ. Người đầu tiên là một Trung Sĩ Hải-quân mà theo ý bác sĩ có chừng 50% hy vọng. Nếu có một bệnh nhân nào trông có vẻ sắp chết đến nơi thì chúng tôi chuyển ngay sang khu khác. Tôi nhìn qua cửa phòng thấy hắn đang ngồi vịn tay quay nâng giường lên được nửa chừng, mình trần trụi chỉ có lớp băng và một tấm mền phủ trên đôi chân. Có những vết mờ hôi chảy giữa lớp băng. Nhiệt độ của hắn quá cao. Tôi vào phòng thuốc để rửa tay và đẩy xe bông băng lại phòng bệnh nhân. Hắn cất tiếng: «Chào bạn mắt sáng».

Tôi khởi sự cho hắn biết là tôi sắp làm gì với cái xe bông băng này nhưng hắn bảo cứ làm tươi đi cho rồi. Thành thử tôi mở gạc khử trùng đặt quanh vết miệng đạn ghim trên ngực hắn. Tôi là một y tá giỏi và khi mà bắt tay vào việc là tôi làm say mê. Lớp băng cũ dính chặt vào vết thương. Tôi khui bộ đồ rửa ra, đổ hydrogèn peroxide vào, lèn cái chậu nhỏ xuống dưới vết thương đầu tiên và bóp chất lỏng lên trên lớp băng. Tôi làm chậm rãi để cho lớp băng được mềm ướt và nó có thể lột ra dễ dàng. Và cố gọi cho hắn nói chuyện để hắn khỏi nghĩ đến sự đau đớn. Đối với hắn, nói chuyện không phải là dễ nhưng hắn cố, trực thăng bay thật thấp đến độ gọng chân đáp rē ngọn cỏ vì khi bay thấp như vậy Charlie (\*) không thể thấy được mà bắn cho tới lúc vụt một cái bắn lọt ra một khoảng trống có rất nhiều người và bò.

Tôi khui một hộp đồ để mở vết khâu và mang găng tay dày vừa bằng lớp thuốc ngừa cỡ trung. Tôi dùng cái kẹp lật lớp băng cũ từng chút một, khiến cho hắn vừa bỏ dở câu nói, lại tiếp tục được ngay. Có tên nào đó bắn một phát súng về phía hắn nên hắn phải bay rạt ra ngoài rồi nhào vào bay sà trên lớp sừng bò nổ súng tới bời. Tôi nghe lỗ mỗ nên không rõ hắn có cảm thấy phiền muộn về chuyện đó không. Tôi lo hết vết thương này đến vết thương khác cho đến khi lột hết lớp băng trên ngực hắn và hắn ngồi đó với một hàng lỗ thủng chạy dọc theo mạng sườn và ở phía dưới vú hắn có phủ một mảng vàng khè. Tôi tính thay băng chỗ đó nhưng nó dính hơi chặt và viên trung

\* Victor Charlie : hiệu-thoại của Hoa kỳ chỉ hai chữ tắt V.C. (Việt Cộng)

sĩ Hải quân bảo rằng nếu tôi mà đụng tới đó là hắn giết tôi liền. Thành thử tôi xoay ra hỏi hắn tại sao ngồi trên trục thẳng như hắn mà lại bị miếng đạn văng phải.

Rồi tôi rửa những chỗ có thể rửa được bằng nước muối (saline), bôi thuốc và băng bó vết thương sạch sẽ và khỏi sự lo đến hai cẳng của hắn, trong khi hắn ngồi đó mặt nhễ nhại mồ hôi, thân thể hắn nóng bỏng dưới hai bàn tay của tôi, hàm nghiến trèo treo như một tên nào đó (nhá kẹo cao-su) ở quầy rượu kế bên trong câu lạc-bộ hạ-sĩ-quan, bay lượn vòng quanh đám bò và lũ người nhỏ bé.

Ở trong bệnh xá thẳng nhóc da đen đã mò ở đâu ra được đôi nạng và đang cố vịn cho chiếc ti-vi lên hình, nhưng lúc đó chỉ có 5 giờ sáng và chẳng có gì mấy. Thành thử nó đứng loay hoay ở giữa bệnh xá nhầy lờ có quờ quạng đôi nạng như một con cò biểu diễn cho những ai còn buồn ngắm nhìn hắn. « BỐ KHỈ », hắn bảo tôi, « Bộ chưa thấy một tên mọi đen độc cước khiêu vũ bao giờ hả ? »

Một gã có cái cẳng bó bột lớn tới tận bẹn và có một cái nắp nhỏ trên chỗ bó bột trông như cái nắp hầm ở ngay giữa đùi hắn. Có một khoảng tròn trặn đầy thịt đỏ loét và một vết rạch ở đó. Chiếc que đầu quấn bông đầy lút vào chân tới 5 inches bề sâu, biến mất hút trong cái lỗ đó và vàng lờm lúc rút ra. Và trong lúc đó hắn cứ ngồi ì ra đấy mà nhìn một cách rất thần nhiên với đôi ria mép đen nhỏ đậu trên nụ cười ngô nghê.

Rồi đến một cái cẳng cụt của một gã khác cần được trị liệu, nhưng đó là một công việc sạch sẽ và tôi tự cho là mình may mắn vì có một tên nằm dưới kia đã kê họng súng ngay dưới hàm và cả phần dưới của mặt hắn bay mất tiêu. Tôi đã ăn sáng

xong từ sớm. Tôi không đi thẳng trở lại bệnh xá, vì họ tóm cổ bắt làm việc liền. Có đêm khi chuyển thương binh thừa chúng tôi thay phiên nhau ngủ ở phòng chứa drap trải giường, nên sáng ra cũng không đến đổi tề.

Tôi bước vào phòng trực xe Hồng-thập-tự, ở đó mọi người vừa ngủ dậy Vô tuyến truyền hình đã tắt: tôi gieo mình xuống chiếc ghế đối-diện với khung màn ảnh câm nín. Trời hiện lên xanh nhạt ngoài cửa sổ. Marsha và tôi nép mình trong khoảng trống xanh mượt ấm áp với ánh mặt trời lọc qua đám cỏ. Một cái gì rất tốt lành sắp sửa xảy ra cho chúng tôi.

Tôi nghe thấy những lời giảng giải chi tiết về cách bắn voi bằng bazooka. Tôi mở mắt. Tôi nhìn thẳng bé, lực lưỡng, đầu hớt béc, chân đi giày trận kiêu mới. Người hắn còn ành lặn nên tôi mới hỏi hắn « Chú máy bị gì vậy ».

Hắn quay lại nhìn tôi và để xuôi tay xuống. Tay hắn run lật bật từ khoảng khuỷu tay trở xuống. « Thần kinh ». Hắn trả lời.

Hắn là một bệnh nhân thần kinh. Tôi nhìn sâu vào cặp mắt xanh tự nhiên của hắn không khác gì lắm với màu trời lang nhìn lại tôi.

« Lẽ ra em sẽ giết cái thằng nào đó dựng em dậy. Em không rõ rồi em sẽ thức giấc ra sao », hắn nói. Tôi độ chừng nếu hắn mà dữ vậy thì họ đã phải kiềm chế hắn rồi.

« Chú có sao đâu » Tôi nói.

« Không » hắn nói. « Em cảm thù lắm ».

Úi dào, tôi ngả lưng xuống ghế và nhắm mắt lại. « Cảm thù » tôi nói. « Đâu có phải là chuyện giản dị »

« Bị anh không ở bên », thằng nhóc nói vậy.

Tôi hồi hận đã lên tiếng.

«Tụi này thường xách tai người về»

« Phải, tôi có nghe thấy rồi ». Thực tình tôi có nghe có thể nói là đủ mọi chuyện.

« Anh đâu có bước vào khoảng rừng trống », tên nhóc nói « và thấy những thằng của phe tụi mình bị treo ngược lên. Bọn họ đã chết cả, trừ có một tên, vì họ bị treo ở đó suốt đêm, Máu chảy xuống bụng bọn họ, Em phải nhìn một tên mất một phút mới biết chúng đã làm gì hấn ta. Charlie cắt cái ấy và đút vào mồm hấn và nhồi nhét vào mồm hấn để giữ cho khỏi rớt. Trung sĩ bảo em cắt giầy hạ hấn xuống. Tên in trên áo của hấn là Henderson, em chưa hề gặp hấn trước đó. Máy tên khác giữ lấy hấn và em cắt giầy hạ hấn xuống. Hấn nằm trên mặt đất mấp máy đôi mắt, em không dám đụng tới hấn. Viên corpsman lôi cái ấy ra khỏi mồm hấn, và hấn nói : « Giết tôi đi, bắn tôi đi cho rồi » với lớp máu đông khô trên răng hấn. Em chịu không thấu. Trung sĩ bảo sang phía bên kia rừng. Em quay lưng, và Trung sĩ bắn hạ tên đó ».

Thế là tôi không thể còn mong hòng có chút thư thái nào nữa.

« Thôi tôi phải trở lại làm việc đây » tôi nói và đứng dậy. Dẫu sao tôi cũng chỉ còn có một giờ nữa thôi.

Tên bệnh nhân thần kinh bảo « Dạ em rất ân hận » và chia tay ra, run rẩy. Tôi siết tay hấn và trở lại bệnh xá. Tôi đồ chừng là tôi cảm thấy hơi thương hại thằng bé. Câu chuyện của nó là câu chuyện cũ mèm đến nỗi người ta dùng để kể lại với mục đích dọa các tân binh. Hoặc giả hấn đã đọc thấy ở đâu đó. Nhưng tôi biết là thằng bé

chắc hấn đã phải làm một cái gì tệ hại lắm mới cứ loay hoay với câu chuyện đó như thể chuyện của chính hấn, nhất là đối với một thằng bé có một thân thể còn toàn vẹn và khỏe mạnh như thế. Thân thể hấn còn toàn vẹn và khỏe mạnh. Đó là một điều hết sức đáng kể ở nơi tôi làm việc.

Khi tôi trở về nhà đưa bé vẫn còn ngủ và Marsha còn nằm trong giường. Tôi cởi quần áo. Áo trắng của tôi bị ố vàng phía trước nên tôi nhét nó vào túi đựng đồ giặt. Rồi tôi rửa ráy và leo lên giường. Tôi nằm ngửa. Marsha tỉnh dậy và quay qua gác chân lên chân tôi, rúc đầu vào cổ - tôi trong lúc tôi nhìn đăm đăm lên trần nhà. Tôi chưa sẵn sàng ngủ. « Anh muốn uống nước không ? » vợ tôi hỏi tôi, tôi lắc đầu. Nàng luồn tay kê sau gáy tôi và chúng tôi nằm nguyên như vậy. Tôi nhìn mái tóc đen và làn da mịn màng của nàng, nhưng tôi không cảm thấy gì cả. Tôi đặt tay lên vai nàng rồi cạnh sườn nàng và nâng nàng lên. Nàng kéo đầu tôi ủ vào ngực nàng. Nhưng tôi chẳng cảm thấy chút gì. Tôi úp hai bàn tay vào vú nàng. Tôi ghi thân hình nàng vào mắt tôi. Và tôi ghi chặt lấy sự sống thân yêu. Nhưng tôi không có đó. Tôi đang thở hít trong hơi hám của những vết thương đã lâu ngày. Cho tới khi tôi úp mặt vào hai bàn tay tôi mới nhận ra mùi đó phát tự đâu ra. Dường như vết thương đã trở thành một phần của da thịt tôi. Tôi bỏ hai bàn tay ra và ngồi trên mép giường, nhìn xuống thân thể trần truồng của mình.

Vì đó là tất cả những gì tôi còn có. Tôi còn sống. Tôi còn thở.

J. B. GERALD  
NGUYỄN dịch

# Thân phận

Thơ MẠC LY-CHÂU

Tặng Grauels

Tôi ném thơ tôi lên đỉnh non cao  
Vào không-thời-gian, vào trời đọa lạc  
Để mãi còn nghe tiếng nhạc tuôn trào  
Như đắm như say tan hồn rã xác

Lời ca tiếng ngân không biết về đâu  
Mà chìm trong tim, mà thoảng cung sâu  
Thế gian rã rời, thoi thóp tiếng thở  
Dồn dập ngắt ngư tim người run sợ

Tôi mãi còn đi đường hoang lối mòn  
Của mười năm gọn của trăm năm tròn  
Nước non nằm lịm, máu xương chất đầy  
Dòng Gianh ngày nào giờ nghe Ngàn Mây !

Những cánh tay què những khúc chân cụt  
Những vầng trán võ những trũng mắt sâu  
Một triệu mũi tên xẹt qua vun vút  
Một mũi chờ ghim ngực Mạc Ly-Châu

Thu 70

# Mũi Né

Thơ ĐỖ-NGHÊ

em có về thăm mũi né không  
hình như trời đã sắp vào xuân  
hình như gió bắc lùa trong tết  
những chuyến xe đò giục bước chân

em có về thăm mũi né không  
mùa xuân thương nhớ má em hồng  
nhớ môi em ngọt dứa xứ Rạng  
nhớ dáng thuyền đi trong mắt trong

em có về thăm mũi né xưa  
con đường sỏi đá vẫn quanh co  
hoàng hôn sóng vỗ bên trời biếc  
sóng vỗ trong hồn ta ngàn ngơ

em có về thăm mũi né yêu  
mười năm như một thoáng mây chiều  
mười năm vườn cũ chim bay mỗi  
áo trắng chân mềm em hát hiu

mũi né ơi người xưa đã xa  
mùa ơi gió bắc nhớ không ngờ  
năm nay người có về ăn tết  
có ngậm ngùi nghe chút ấu thơ?

## Sớm mai

Thơ ĐÌNH-NGUYỄN

Không còn em, buổi sớm mai  
Hắt-hiu tiếng nắng rơi ngoài hư-không  
Khói mưa che mắt nghìn-trùng  
Bóc tờ lịch cũ nghe chùng buồn tênh  
Vật-vờ giấc ngủ qua đêm  
Sớm mai cũng chỉ ưu-phiền đấy thôi !  
Sông xa đất lở cát bồi  
Đôi bờ lau lách trông ngùi mây bay  
Cúi nhìn chỉ rối bàn tay  
Một ngày mưa bụi ủ đầy tâm-tâm.

Đã đến lúc họ ý thức được rằng chiến  
tranh có thể đốt cháy tất cả, kể cả  
tương lai và mơ ước của một dân tộc

# VÒNG ĐAI XANH

*tiểu thuyết chấn động của*  
NGÔ THÊ VINH

NGHIÊU ĐỀ *trình bày*  
THAI ĐỘ *xuất bản*

ĐÃ PHÁT HÀNH TOÀN QUỐC



# BNP

*A votre service*

*tous les services de la*

**BANQUE  
NATIONALE  
DE PARIS**

# BASTOS *Luxe*



巴  
士  
多  
金  
牌  
煙  
多  
地  
超  
等  
名  
貴  
大  
方

Siêu đẳng thượng hảo hạng

## GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	2000đ
		oOo		
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	800đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty quản-lý tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-dình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

# TUỔI TRẺ HƯ KHÔNG

3 / Truyện dài HOÀNG NGỌC TUẤN\*

(Xin xem BK từ số 334 và 335)

## ● My-Co<sup>o</sup>

Sáng hôm sau tôi ngủ dậy muộn, không thấy Đình đâu cả. Hắn đã thức sớm hơn và chuồn đi mất, không quên để lại một mảnh giấy viết nguệch ngoạc mấy chữ: «Lạc, mày sẽ không bỏ đi đâu cả.» Có lẽ Đình nói đúng. Tôi cảm thấy mình chết tê liệt đi trong những thói quen của mình, và cái khung cảnh quen thuộc nhằm chán vẫn tiếp tục hiện đến chung quanh.

Cây trứng cá trong vườn có vài trái chín ửng rơi lấm tẩm trên cát. Mặt trời đỏ chói như lòng đỏ trứng gà bắt đầu nhuộm cả chân trời, làm mặt biển sáng bạc lấp lánh như một tấm màn nhung.

Tôi ra bãi biển một mình. Từ xóm chài lưới, dân làng đã hoạt động rộn rịp. Vài chiếc thuyền hư nằm phơi trên cát, trẻ con trần truồng đứng lên nhảy nhót chơi đùa. Những người đàn bà ngồi đan tấm lưới rách nhiều lỗ, sau bao ngày bủa vây dưới đại dương.

Ngoài khơi, những cánh buồm đã căng gió, lướt tung bay trong trời bình minh. Thấp thoáng rồi xa dần,

mất hút ở những cuối chân trời nào đó, đến hoàng hôn sẽ trở về, mang theo mùi mồ hôi và gió biển cùng những đám cá tươi lặn lóc, hay có thể không bao giờ trở về.

Những cánh buồm ra đi và trở lại, cảnh tượng đều đặn ấy chẳng còn hùng vĩ như một cuộc lãng du, nhưng đã quen thuộc dưới mắt tôi, và tôi bao giờ cũng thích đứng ngắm những chuyến đi nồng nàn mùi trời xanh và biển mặn ấy.

Tôi đi bộ lững thững về phía những ghềnh đá. Mồm núi trên cao còn xanh ngắt màu cây cỏ, nhưng ở dưới thấp, chỗ sóng biển ngày đêm kéo đến đập vỡ tan bọt nước trắng xóa, những tảng đá dần dần tro bụi, trắng mòn. Những tảng đá nằm sát nhau khoảng đều đặn, có những hình thù lạ mắt, tròn trịa cục mịch hiền lành như đầu của một ông sư, hay chĩa những mũi nhọn khá dữ tợn. Tôi thích ngồi trên ghềnh đá cao, thòng hai chân trần xuống đong đưa và nhìn những đợt sóng biển đập ầm ầm vào phiến đá, nước vỡ

(\*) L.T.S. Vì nhà văn Hoàng Ngọc Tuấn hiện tại ngũ, có những công vụ bất thường, nên truyện dài «Tuổi trẻ hư không» bị gián đoạn ở các kỳ báo 336 và 337-338. Xin cáo lỗi cùng quý vị độc giả.

tung bắn lên cao như pháo bông, từ màu xanh của biển biển sang màu trắng xóa như mây rồi lại rơi xuống biển, hòa chung lại với một màu xanh thẳm. Âm thanh sóng động âm ì đó cứ đều đều vang vọng từ ngàn năm, cho đến bây giờ, cho đến mai sau. Sóng biển bao giờ cũng kéo nhau dồn vào bờ, trườn lên những phiến đá trơn mòn. Chẳng bao giờ thay đổi, số phận và đời sống của những hạt nước làm tôi buồn quá đối. Chúng thờ một cách u sầu, tiếng nói râm rì đều đều như lời kinh cầu tuồn tẻ.

Tôi muốn đứng trên mồm đá cao nhảy ào xuống lòng biển. Tôi chợt nghe thấy một tiếng kêu, bị che lấp trong tiếng sóng, rồi nghe gần hơn và chắc chắn đó không phải phát xuất từ lòng biển sâu. Tiếng gọi của người, của một cô bé gái. Tôi nhìn xuống và thấy thân hình nhỏ bé của My-Cơ trên bãi cát. Tóc cô bé bay lòa xòa rồi bù che kín cả mặt. Cô bé la lên những tiếng gọi chứa đầy sự mừng rỡ, nó như muốn mọc đôi cánh bay vút lên những mồm đá trên cao. Cô bé cũng thèm thường được nhảy nhót trên những phiến đá, nhưng chẳng bao giờ được cả. My-Cơ năm nay có lẽ đã mười ba tuổi rồi, nhưng nó chưa bao giờ được chơi lò cò với tụi trẻ trong xóm, cũng chưa bao giờ nhảy giầy, được chạy lúp xúp trên bờ biển, được bơi lội vùng vẫy dưới nước. Chưa bao giờ cô bé được vui đùa với những trò chơi đó. Vì nó tật nguyền. Đôi chân tê liệt từ khi mới sinh ra, thân người của nó lúc nào cũng trĩu nặng trên

đôi nạng gỗ, đôi chân của nó yếu ớt đứng hờ trên mặt đất như một đứa trẻ lên ba. Và dầu đã quen thuộc với My-Cơ từ nhiều năm nay, tôi vẫn muốn khóc được mỗi khi nhìn thấy hai vai của nó đè nặng trên nạng gỗ, khó nhọc lê từng bước. Một ngày nào đó, My-Cơ chào đời một cách khó khăn, thoát chết cũng là điều may mắn lắm. Người mẹ của nó chết ngay sau khi sinh con. Cô bé lớn lên bên cạnh người cha làm nghề đánh cá. Cô bé mang cái tên My-Cơ, dần dần biết ăn, biết nói, biết yêu biển cả như mọi người trong xóm này, nhưng đôi chân chẳng bao giờ biết hoạt động bình thường như những đứa trẻ khác. U sầu nhiều năm trong chiếc giường trong căn nhà nhỏ, chỉ nhìn thấy những tàn lá dừa bên ngoài cửa sổ, rồi một đôi nạng gỗ giúp đỡ My-Cơ thỉnh thoảng ra khỏi nhà, để được nhúng chân trên làn cát ướt và ngắm biển cả gần gũi.

Xa cách hẳn những đứa trẻ con cùng tuổi vì tật nguyền, có lẽ My-Cơ xem tôi là người bạn duy nhất của nó trong xóm này, hay có thể trên đời này. Từ lâu, tôi tìm thấy niềm vui dịu dàng ở ánh mắt ngời sáng hy vọng, trong thân thể tật nguyền của cô bé.

— Anh Lạc ơi, xuống đây với em.

Giọng nói khàn khàn của My-Cơ nghe yếu ớt lẫn trong tiếng sóng vỗ. Tôi thực tình chán làm bất cứ điều gì. Chán cử động, chán nhảy nhót trên những mồm đá hay leo xuống theo lời của cô bé. Những buổi trò chuyện và đùa nghịch với My-Cơ

trên bãi biển, đã xảy ra nhiều lần thật êm ái dễ chịu, nhưng hôm nay tôi bỗng thấy chán nản lạ lùng.

— Xuống đây với em. Em leo lên đó không được.

My Cơ vẫn trĩu nặng thân hình trên đôi nạng gỗ, nước biển thỉnh thoảng len vào thấm ướt chân nó. Cô bé thèm thường nhìn lên mồm núi cao, nơi có cây cỏ xanh ngắt và đôi khi một vài cánh chim hải âu vụt thoáng qua nhanh.

Dẫu ở xa, tôi vẫn nhìn thấy đôi mắt cô bé buồn bã u tối. Nếu tôi không xuống với nó, nó sẽ đứng như thế hoài trên bãi biển, sẽ kêu gọi không thôi những lời non dại cho đến một lúc nào đó, có lẽ là hàng hôn, đôi chân yếu ớt sẽ ngã gập xuống như một nhánh rong mềm. Tôi không phải là đá để có thể chứng kiến cảnh tượng ấy.

Tay chân bám chặt trên lớp đá trơn, tôi tuột xuống chân ghềnh đá. Đôi mắt My Cơ sáng lên mừng rỡ, nhưng nó không cười, chẳng bao giờ cô bé ấy biết cười. Cái hình ảnh êm đẹp từng bừng vẫn thường nở trên đôi môi của những người khác, từ lâu đã tắt hẳn đối với My Cơ.

Tôi diu cô bé đến ngồi trên một thân cây bị gãy đổ làm đôi, những cành lá nhàu nát rơi tả. Cô bé lắc đầu.

— Em muốn ra ngoài xa tìm võ ốc, nước bây giờ rút cạn lắm.

— Chốc nữa nước biển sẽ thỉnh linh kéo đến. Tao sẽ lôi mày vào không kịp. My Cơ, mày đi chậm như rùa bò,

Đầu tóc lòa xòa của cô bé cúi xuống.

— Vì em có tật:

Tôi thờ dài.

— Tao biết rồi. Thôi đừng nhắc đến chuyện đó nữa. Bây giờ hãy nói cho tao nghe, mấy ngày nay mày có chuyện gì lạ không.

My Cơ nắm chặt lấy bàn tay tôi. Giọng cô bé hăng hái:

— Em vừa đếm xong. Em có được tất cả ba trăm võ ốc và một trăm miếng san hô.

— Tao chán những thứ đó.

— Anh chưa thấy. Đẹp lạ lắm.

— Mày thì cái gì cũng «lạ lắm». Những thứ đó thiếu khối gì ở bãi biển, người ta vứt đi không thèm lấy.

My Cơ đưa tay gỏ gỏ vài cái vào chiếc nạng gỗ.

— Nhưng em thích nó.

Tôi đu lên một nhánh cây cao và ngồi gọn gàng trong cái chia ba của nhánh cây. Từ đây, tôi có thể nhìn thấy màu xanh hiền lành và mơ màng của biển cả sau những tàn lá.

Giọng My Cơ từ dưới đất kêu lên:

— Anh Lạc. Đêm qua anh với người nào đi chơi về khuya dữ vậy? Em nghe tiếng chó sủa ồn cả đêm.

— Mấy con chó quý sứ của xóm chài lưới. Tao đi ngang lúc nào cũng bị nó sủa vang như là gặp trộm. Có ngày tao với thằng Đình tổng vào nôi nhậu chơi.

Giọng nói của My Cơ có một chút trách móc:

— Lại anh Đình nữa. Sao anh đi chơi với anh ấy hoài. Anh ấy không đáng hoàng đâu.

Tôi bực mình bóp nát những chiếc lá trong tay, nạt lớn :

— Im đi, mày còn nhỏ biết gì mà cì ê người ta. Hết má tao bây giờ đến mày, mày định làm bà cụ non dạy tao hả ?

— Em đâu dám.

My Cơ không nói gì nữa. Cô bé gác đôi nạng gỗ vào thân cây rồi ngồi xuống dựa vào gốc cây. Nó cứ ngồi lặng lẽ như thế hoài, tay xé rách những chiếc lá vàng rụng trên đất. Sự im lặng làm tôi khó chịu. Cô bé rất yếu đuối, nó xem chừng đang buồn bã và nếu tôi nạt nộ thêm một tí, chắc cô bé sẽ khóc ngay. Tôi cảm thấy hối hận. Dầu sao ở cái tỉnh lỵ miền biển nhỏ nhoi này, ngoài Đình là bạn thân trong những cuộc rong chơi, chỉ có My Cơ là người tôi thương mến nhất.

Tôi bẻ gãy một mảnh cây nhỏ và ném xuống trúng vào vai nó. Cô bé giật mình nhìn lên, đôi mắt lạnh nhạt không nói gì cả. Tôi kêu lên.

— My Cơ, mày nói cái gì đi. Sao cứ câm như những chiếc võ ốc của mày vậy.

Giọng con bé bỗng lớn lên, có một chút gì nghiêm nghị như người lớn làm tôi ngạc nhiên.

— Anh Lạc. Đừng nói chuyện với em bằng tiếng “mày, tao” nữa.

Tôi bật cười ha hả, những nhánh cây rung rinh trong bàn tay nghịch ngợm của tôi, buông những chiếc

lá thả xuống lất phất màu xanh và màu vàng ửng như trong một bức tranh tuyệt đẹp. Có một hai chiếc lá bám trên mái tóc của My Cơ.

— Chứ mày đòi tao gọi mày bằng gì ? thưa cô nương, nhé.

— Không phải. Kêu em bằng tên không được sao, cứ gọi là “mày” nghe cộc cằn quá.

Tôi nhìn nó ngạc nhiên :

— Mày sao hôm nay bỗng dờ chừng vậy.

— Em lớn rồi.

My Cơ làm tôi bật cười sặc sụa. Tôi chuyển theo cành cây rồi nhảy phóc xuống đất. Tôi nắm lấy hai vai nó, giữ chặt khuôn mặt cô bé và nhìn thẳng vào đôi mắt nó.

— Nhìn mày xem. Tưởng lớn rồi hả ? Mày năm nay mười hai mười ba là cùng, nhỏ như một con chó con.

— Đừng ví em với con chó.

— Thôi được rồi. Tao gọi mày là con còng còng.

My Cơ vùng vằng dang tay tôi ra. Nó gắng gượng vịn vào thân cây rồi đứng dậy một cách khó nhọc. Nhanh chóng kẹp đôi nạng gỗ dưới vai như thường lệ, cô bé chập chững đi trên con đường mòn đầy những lá chết, hướng về phía biển. Tôi lầm lũi đi theo My Cơ. Có lẽ con bé ấy giận đối tôi thật. Điều này tôi không muốn chút nào. Tôi sẵn sàng gây gỗ với những thằng bạn trên trường học, ngay cả với Đình. Nhưng đối với My Cơ, tình cảm bền chặt

từ nhiều năm nay gần gũi bên nó, số phận thật nguyên hẩm hiu của nó. Những thứ ấy đã xâm chiếm người tôi đậm đà từ lâu như một dòng máu thứ hai thân thuộc. Tôi buồn bã chết được mỗi khi con bé đó buồn. Và mặc dầu hay tìm cách chọc phá nó, nhưng mỗi lần My Cơ giận tôi, hối hận tràn vào người tôi dữ dội biến tôi thành một đứa trẻ con sợ hãi khi nhìn thấy món đồ chơi (chiếc thuyền buồm bằng gỗ) của mình bị người lớn đe dọa nhận chìm xuống biển.

Những khi trong người không được bình yên, tôi hút thuốc lá liên miên. Như lần này, những điếu thuốc đốt lên chỉ làm khô môi và nóng bụng những sợi khói bay tan mong manh trong trời lộng gió.

My Cơ quay sang và nhíu mày khó chịu khi nhìn thấy những điếu thuốc lá cứ thường trực thay phiên nhau nằm vắt vẻo giữa đôi môi tôi. Nó giật lấy một điếu thuốc đang cháy dở rồi vứt đi xa.

— Anh hút nhiều như cái ống khói xe hỏa. Đều ốm như con mực khô rồi lăn ra chết sớm hả?

— Tại mày giận tao. Mỗi khi có ai giận tao, tao thích hút thuốc nhiều và uống rượu.

Đôi mắt của My Cơ mềm lại một chút, tôi đã có thể yên lòng khi đọc những lời nói trong ánh mắt ấy. Nó nói nhỏ:

— Em đâu có giận anh.

— Có.

— Không. Em chỉ muốn thấy anh là một người đàn ông hoàng.

Một người đàn ông hoàng, là một người như thế nào tôi không hình dung ra được. Từ lâu nay nhiều người thân, nhất là mẹ tôi, thường nói cái câu để ghét ấy. Mày phải là

một người đàn ông hoàng, tử tế, phải tỏ ra là mày là con nhà có ăn học.

Tôi gần giọng với My Cơ:

— Thế tao bây giờ là người gì? Một thằng du đãng hả?

Cô bé lắc đầu:

— Không phải. Nhưng trong xóm, người ta hay nói anh bắt đầu hư rồi. Anh hay bỏ học, hay cãi bậy với má anh. Thỉnh thoảng anh bỏ nhà đi đâu mất một hai ngày. Ban đêm, anh hay la cà với bạn bè trong những quán rượu ngoài biển. Tóc tai anh để dài bờm xờm, hút thuốc lá luôn miệng, anh giống như những thằng cưỡi ngựa em thấy trong phim cao bồi...

Tôi bực dọc bỏ hai tay vào túi quần, đứng nhìn chằm My Cơ. Con bé bỗng trông giống như một cô giáo nghiêm trang giảng bài học đạo đức trong lớp, và tôi là một thằng học trò bé bỏng ngộ nghĩnh. Tôi chạy lại lượm mẫu thuốc lá đang bốc khói trên bãi cát, tôi đưa lên môi rít một hơi dài.

— Còn gì nữa, My Cơ. Mày "giảng đạo" tiếp đi.

My Cơ mở đôi mắt trong như màu bọt biển của nó nhìn thẳng vào mặt tôi:

— Còn cái này nữa làm em ghét anh nhất.

— Cái gì?

— Người ta nói anh hay đứng trước cổng trường với anh Đình, chờ mấy cô đi học ra về, gặp cô nào anh cũng huýt sáo chọc ghẹo. Xóm này có một con nhỏ học trường anh, nó bảo mỗi lần gặp anh là muốn bỏ chạy, anh hay nói bậy bạ với người ta lắm. Phải không?

(còn tiếp)

HOÀNG NGỌC TUẤN



M.L.C. CHOLON

HIỆU THUỐC THƠM  
VIRGINIA NỔI TIẾNG  
NHỜ...  
**ĐẬU LỘC**

## THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG  
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)  
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện ●

Số : 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN



# Thị trường sách báo sau «kiếm ước» «song hành»

(Tiếp theo trang 22)

## Nhà phát hành ĐỒNG NAI

Tôi gặp ông Võ Văn-Ảnh, quản-lý nhà phát hành Đồng-Nai trong một quán cà phê nhỏ cạnh một cái hẻm nhỏ ở đường Đề-Thám xéo trước cửa nhà phát hành này. Tôi tự giới thiệu và nói mục đích cuộc gặp gỡ. Ông Ảnh vui vẻ cho biết những con số có tính cách phỏng định tổng quát sau đây :

● Trong năm 1969 tổng số nhật báo mà nhà Đồng-Nai phát hành mỗi ngày trung bình khoảng 3 000 000 số. Năm 1970, sau biện pháp kinh tế tài chánh, số báo tiêu thụ toàn quốc mỗi ngày còn khoảng 220.000 số. Số tiêu thụ mỗi vùng chia như sau :

— Sài-gòn và miền Nam tiêu thụ 50%.

— Các tỉnh miền Trung tiêu thụ 50%.

Xin nhắc lại các con số trên là chỉ riêng do Đồng Nai phát hành mà thôi chưa kể các nơi khác.

● Số tuần báo trong năm 1970 chỉ có các tờ sau đây là số phát hành trội hơn hết, mỗi kỳ trung bình từ 40 đến 45 ngàn số.

— Phụ Nữ Ngày Mai

— Phụ Nữ Mới

— Phụ Nữ Tân Tiến

Đặc biệt là tờ tuần báo sau này lúc đầu năm 1970 chỉ phát hành có 15 000 số, nhưng từ giữa 70 trở đi bỗng vụt tăng lên 20.000 số, rồi 30.000 và đến nay là 45 000 số. Đó là nhờ phần lớn có đăng đoán Câu-

Thai và Số-Thần của Huỳnh-Liên. Báo này cũng bán rất chạy ở miền Trung chớ không phải chỉ riêng ở trong Nam như người ta tưởng.

— Văn Nghệ Tiền Phong.

Số độc giả tuy ít hơn các tuần báo trên, nhưng số này lại không thay đổi, nên số báo in ra mỗi kỳ, chủ báo căn vừa đúng số, số trả lại gần như không đáng kể. Giá bán mỗi số của tờ tuần báo này đắt gấp rưỡi những tờ nói trên.

So với năm '69, mức tiêu thụ của tuần báo cũng sụt mất lối 20<sup>0</sup>%. Và miền Trung cũng tiêu thụ tuần báo trên 50<sup>0</sup>%. Sài-gòn và các tỉnh miền Nam ngót 50%.

● Tiêu thuyết :

Trong năm 1970 các tiêu thuyết của Duyên-Anh còn giữ được ở mức trung bình như năm trước : in lối 5 000 cuốn cho những tác phẩm đã đăng báo, 7 hoặc 8 ngàn cuốn cho những tác phẩm chưa đăng báo.

Truyện của nhà văn Nhã-Ca số tiêu thụ sụt xuống chừng 30% so với năm 1969.

Truyện của nhà văn Túy-Hồng bán chạy hơn những năm trước. Cuốn « Tôi nhìn tôi trên vách » đang bán rất chạy ở miền Trung.

Sách của nhà văn Nguyễn-Thị-Hoàng đã đứng lại.

## ● Phóng sự :

Có hai cuốn phóng sự bán chạy nhất trong năm 1970 là cuốn « Mặt trái nữ sinh » của Trường-Kỳ in lối 7.000 cuốn, và cuốn « Mua chồng » của Nguyễn-Hoàng-Đoan, in 5.000 cuốn. Cả hai đều bán hết trong năm 70.

## ● Sách Giáo khoa :

Phần nhiều sách Giáo-khoa đều bán chạy. Cuốn nào may mắn được

các trường công lựa cho học sinh học thì số in tăng lên đến 40.000 cuốn mỗi kỳ.

## ● Sách dịch :

Đặc biệt trong năm nay, các tiểu thuyết thì xuống hoặc bán lại rai, nhưng sách dịch lại bán chạy hơn năm rồi ; có thể nói trong năm 1970 số tiêu thụ sách dịch tăng lên đến 40% so với năm 1969.

## Nhà sách KHAI TRÍ

Ông Giám-đốc nhà sách Khai-Trí tươi cười :

— « Anh hỏi bất ngờ quá, tôi không có bản thống kê ở đây, làm sao trả lời cho anh bằng những con số đích xác trong sổ hàng ngàn những loại sách báo ở nhà sách tôi. Vậy tôi chỉ ước lượng theo trí nhớ một cách tổng quát, mà không thể nêu những con số đích xác được.

— Trong năm 1970, sau biện pháp kinh-tế tài-chánh, mức tiêu thụ sách và các tạp chí sụt đến 20% so với năm 1969. Thấy rõ nhất là các loại tiểu thuyết. Nhưng có cuốn « Nhật ký Đồ Thọ » bán chạy hơn hết.

— Riêng có loại sách dạy võ thuật từ đầu năm 1970 số tiêu thụ vọt lên thấy rõ, nhưng đến trung tuần tháng 10-70 đứng lại và hiện nay có mời sụt xuống.

— Về sách Biên khảo, có cuốn *Sử ký của Tư Mã Thiên* bán trội hơn hết.

— Sách Giáo-khoa nói chung bán rất chạy vào những đợt các trường khai giảng.

— Về báo Nhi-đồng, có tờ *Thăng Bờm* bán rất chạy so với các tờ báo Nhi đồng cùng loại, nhưng vào khoảng tháng 10-70 đã đứng lại, và hiện đang xuống.

## Nhà xuất bản TRÍ ĐĂNG

Ông chủ nhà xuất bản Trí-Đăng là một giáo sư Triết, bậc Trung học, cho nên tôi đặc biệt hỏi ông về loại sách giáo-khoa và ông đã cho biết như sau :

Năm 1970 là năm giao thời cho việc cải cách chương trình giáo-dục.

Chương trình cải cách này sẽ hoàn tất vào năm 1972, theo dự trù của Bộ Giáo-dục. Do đó một số sách

giáo khoa soạn theo chương trình cũ bán rất chậm, nhất là loại sách giáo khoa về Toán và Hóa học. Tuy nhiên bộ sách Vật-lý đệ nhị AB (lớp 11 AB) của Lê-văn-Lâm vẫn còn là một trong các bộ sách bán chạy nhất. ●

Từ giữa năm 1970 trở lại đây, có một số các giáo sư trẻ đã cho in mấy cuốn sách theo chương trình mới,

như các bạn Lê-Vân-Tú (Toán), Đinh - Đức - Mậu (Toán), Cao-Xuân-An, Nguyễn-Trọng-Cơ (Vật-Lý,) số in lỗi năm mười ngàn cuốn bán hết sạch trong năm này. Tuy nhiên các tác giả kể trên có lẽ còn nhiều triển vọng về sách của họ trong các năm kế tiếp.

Đặc biệt trong năm 70 vừa qua có cuốn Lịch sách Tử-vi Huỳnh-Liên do nhật báo Tin Điền xuất bản, nhà Đồng-Nai phát hành, số lượng đến 50 ngàn cuốn. Đó là một hiện tượng để các nhà làm văn hóa và giáo dục suy nghĩ.

## Quán sách KIM ANH

Bà chủ Kim Anh đang bận rộn với khách hàng tấp nập trong buổi chiều ngày 28 Tết, nhưng vẫn vui vẻ trả lời :

— Trong năm 70 này vì ảnh hưởng của các biện pháp kinh tế tài chánh, sách và báo Xuân sụt mất khoảng 40<sup>0</sup>/<sub>0</sub>; Lịch ngoại quốc và lịch quốc nội cũng sụt vào khoảng 30<sup>0</sup>/<sub>0</sub>, so với năm 1969

*Tiêu thuyết* : Các nhà văn còn giữ được số độc giả trung bình như năm 1969 là : Nguyễn thị Hoàng, Ngọc Linh, Duyên Anh, Nhã Ca, Mai Thảo, Nhật Tiến. Cuốn «*Tôi nhìn tôi trên vách*» của Túy Hồng có bán trội hơn.

*Sách Giáo khoa* : Chạy nhất trong năm 70 là mấy cuốn vì Tân Toán Học.

*Sách Biên Khảo* : Tương đối chạy là cuốn «*Vào Thiên*» của Doãn Quốc Sỹ, và cuốn «*Sử ký của Tư Mã Thiên*».

*Một hiện tượng lạ trong năm 1970* : Loại sách bỏ túi của nhà Lá Bèi bán rất chạy, nhất là các cuốn *Hoa Đào Năm Trước* của Nguyễn Hiến Lê ; *Quà Giáng Sinh, Theo Gió Ngọn Bay* của Nhật Tiến, *Xuất Hành Năm Mới* của Võ Hồng.

THỂ NHÂN và  
LÊ PHƯƠNG CHI

## Sách khổ nhỏ

Tạp chí Bách Khoa nhận được những sách khổ 10×20, giấy hồng hoặc xanh, trình bày rất đẹp in chữ lớn, của các nhà xuất bản sau đây :

1.— Nhà Lá Bèi :

— *Hoa đào năm trước* của Nguyễn Hiến Lê. Giá 40 đồng.

— *Xuất hành năm mới* của Võ Hồng. Giá 50 đồng.

2.— Nhà Trùng Sơn :

— *Như nhạc khúc thiên đường*

*tập thơ của Đỗ Kim Hiền (19 bài thơ).*  
Giá 60 đồng.

3.— Nhà Thăng Tiến, Tủ sách «*Quà tặng học trò*»

— *Chuông đêm* của Quyên Di. Giá 45 đồng.

— *Quê hương trước mặt* của Hoàng Đăng Cấp. Giá 45 đồng.

— *Lắng đọng* của Minh Quân. Giá 45 đồng.

Xin trân trọng cảm ơn các nhà xuất bản và các tác giả trên đây.

ĐÃ PHÁT HÀNH TRÊN TOÀN QUỐC :

• **Việt-Nam dưới thời**

**Pháp đô hộ**

NGUYỄN THẾ ANH

• **Nhân chủng học và  
lược khảo thân tộc học**

BỬU LỊCH

• **Ngôi Quán**

Thơ VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

*Gồm những bài thơ mới nhất của  
Vũ-Hoàng-Chương từ 1967 đến 1970*

• **Kinh tế và Xã-hội Việt-Nam  
dưới các Vua triều Nguyễn**

NGUYỄN THẾ ANH

LỬA THIÊNNG xuất bản

# Thời sự thế giới

TỪ TRÍ

Trong những ngày vừa qua tình hình chiến-sự tại Đông Dương bỗng trở nên sôi động hơn vì sự mở rộng mặt trận sang Lào của Việt Nam Cộng-Hòa.

Một biến chuyển cũng làm dư luận thế-giới chú ý không kém là tình hình tại Trung-Đông sau 6 tháng hưu chiến. Tuy cả hai phe chống đối đều đồng lòng nói rộng hưu chiến thêm một tháng nữa, nhưng viễn tượng hòa-bình cũng hãy còn hết sức xa vời.

Sau hết, sau một thời gian khá dài hầu như bị lãng quên, Phi-châu lại được mọi người nói tới. Vì cuộc tranh đấu giữa hai phe khuynh tả và khuynh hữu vẫn tiếp diễn và thỉnh thoảng lại bùng lên bằng một cuộc đảo chính để bên nọ hy vọng loại bỏ bên kia,

## Mở rộng chiến tranh tại Đông Dương

Từ khi Thái-tử Sihanouk bị lật đổ, Kampuchea ra khỏi vòng ảnh hưởng của khối Cộng-sản, tình hình chiến tranh tại Việt-Nam đã bước vào một giai đoạn mới. Cuối tháng 4-70 liên quân Việt-Mỹ ồ ạt kéo sang can thiệp tại lãnh thổ Miên để phá hủy những hậu-cứ trước kia được coi là bất khả xâm phạm của Cộng quân.

Trước sự xúc-động của dư-luận dân chúng, Tổng-thống Hoa-kỳ đã phải rút quân đội Mỹ khỏi Kampuchea vào cuối tháng 6-70. Tại đây,

chỉ còn quân đội Nam-Việt tiếp tục chiến đấu để trợ giúp nước bạn và ngăn chặn sự xâm nhập của quân đội Cộng-sản vào Nam Việt. Quân đội Mỹ chỉ dùng không lực để yểm trợ các cuộc hành quân Nam-Việt trên bộ mà thôi.

Với những biến chuyển này, phe Cộng-sản không còn có thể xử dụng hải-cảng Kompong Som (trước kia là Sihanoukville) để đưa khí giới và quân nhu vào Nam Việt được nữa. Vì vậy họ phải tận dụng đường mòn Hồ-Chí-Minh chạy qua lãnh-thổ Lào. Để chặn đường này, không quân Hoa-kỳ đã ngày đêm oanh tạc lãnh thổ Lào với sự thỏa thuận ngầm của chính phủ Vạn-Tượng.

Đưa quân sang Miên, oanh tạc đường mòn Hồ-chí-Minh ở Lào là hai thành phần của kế-hoạch rút quân của Tổng-thống Nixon. Ông Nixon có lẽ đã thành thực muốn xuống thang chiến tranh. Nhưng vì đối phương không chịu cùng xuống nên ông đã leo thang để bắt họ xuống thang.

Nhưng những sự can thiệp tại Kampuchea không mang lại cho ông Nixon những kết-quả mong muốn vì những hành động can thiệp này không những làm cho các Thượng Nghị-sĩ bõ câu đả phá mà chỉ có hậu-quả là chuyển một số lớn các hoạt động chiến tranh từ Nam Việt sang Kampuchea. Và chiến tranh

Đông-Dương vẫn chưa bước vào giai đoạn quyết định.

Ông Nixon hiện thời đang bước sang phần thứ hai của nhiệm kỳ Tổng-thống. Theo thông-lệ, đây là lúc mà mỗi vị Tổng-thống Hoa-kỳ đều tính chuyện tái ứng-cử. Cuộc bầu cử Tổng-thống sẽ được tổ chức vào cuối năm 1972, nhưng các đối thủ đảng Dân-Chủ đã đua nhau nhẩy vào vòng chiến. Các ông Muskie, Mc. Govern, Humphrey đã bắt đầu hoạt động mạnh để ra tranh cử trước khi cuộc cử động bầu cử chính thức bắt đầu. Để có ưu thế, ông Nixon không còn có cách gì hơn là tung ra một hành động quyết liệt để chấm dứt chiến-tranh Việt-Nam. Vì phe Cộng-sản nhất định không đáp ứng những đề-nghị hòa-bình, tại bàn hội-nghị, ông Nixon chỉ còn một cách là mở rộng chiến-tranh để chấm dứt chiến tranh. Mở rộng chiến tranh có nghĩa là lôi cuốn Lào vào vòng chiến.

Nhưng chính phủ Lào do Thủ-Tướng Souvanna Phouma lãnh đạo là một chính phủ trung lập, theo đúng tinh-thần của Hiệp-định Genève 1962. Hoàng-thân Phouma từ chối không chịu liên kết với Nam-Việt, Kampuchea và Thái-lan để mở một mặt trận Đông-Dương chống Cộng. Ông Ngon Sananikone, Tổng trưởng Công Chánh của nội các Phouma và là một nhân vật đại diện cho hữu phái trong nội-các này, đã chính-thức yêu cầu ông Phouma gia nhập Trục Saigon - Nam Vang - Vọng Các - Vạn Tượng. Nhưng Thủ-tướng Phouma đã bác bỏ lời yêu cầu này. Tuy nhiên, Mỹ vẫn chưa hết hy vọng mua chuộc ông. Vì vậy mà trong những ngày qua nhiều tin đồn được tung ra như: đảo - chính tại Lào ông Phouma phải nhường cho tướng

Phoumi giữ quyền ở Nam Lào v.v... Tuy nhiên sau gần 10 ngày im lặng về nguồn tin VNCH mở cuộc tấn công vào đất Lào, sáng 8-2 Tổng thống Nguyễn văn Thiệu đã chính thức lên tiếng ra lệnh cho Quân lực VNCH tấn công vào các căn cứ Cộng sản nằm trên lãnh thổ Ai-Lao, dọc theo biên giới Lào - Việt thuộc quân khu 1. Ông cũng cam kết sẽ rút hết quân khi cuộc hành quân có giới hạn trên đây chấm dứt.

Cuộc tiến quân chậm vì binh sĩ VNCH còn lục tìm những hầm vũ khí chôn giấu và cho tới ngày 10-2 cũng chưa có cuộc đụng độ nào quan trọng. Phản ứng của dư luận thế giới cũng chưa có gì đáng kể trước cuộc tiến quân qua Lào trên đây ngoại trừ sự lên tiếng phản kháng của chính phủ Ai-lao, yêu cầu rút hết quân ngoại nhập.

### Hưu-chiến được triển hạn tại Trung-Đông

Đến ngày 7-2-71 là hưu-chiến giữa Do-Thái và Ả-rập chấm dứt. Như vậy là cuộc hưu chiến đã kéo dài đúng 6 tháng để cho hai bên tìm cách bắt liên lạc và thương thuyết với nhau nhằm tái lập hòa-bình tại Trung-Đông. Nhưng những ngày cuối cùng của cuộc hưu chiến đã không cho phép người ta ghi nhận thêm một tiến bộ nào để đi tới hòa-bình. Tuy ông Gunnar Jarring đã từ Mạc-tư-khoa trở lại vào tháng 1 vừa qua để thi hành sứ-mạng trung-gian hòa-giải nhưng cả hai bên đều chưa cử đại diện để trực tiếp hội kiến với nhau. Vì vậy mà Tổng-thống Ai-cập El Sadat đã đề nghị kéo dài hưu chiến thêm một tháng nữa. Cũng với đề nghị này, ông Sadat còn đưa thêm một đề nghị nữa là quân đội Do-

thái rút quân một phần khỏi đông ngạn kinh Suez để người ta có thể mở lại kinh cho thông thương quốc tế. Nếu đề-nghị thứ nhất của Ai-cập được người ta tiếp nhận một cách hài lòng thì đề nghị thứ hai đã làm cho người ta lúng túng. Vì Ai-cập chỉ đề nghị Do-thái rút quân và không hề đã động tới việc Ai cập làm gì để đáp ứng lại một hành động như vậy. Hơn nữa, người ta còn nghi ngờ cả thiện chí hòa bình của Ai-cập. Nếu Ai-cập muốn hòa-bình thật sự thì sao lại chỉ đề-nghị tiếp tục hưu chiến thêm có một tháng. Suốt 6 tháng mà hòa-bình còn chưa thực hiện nổi thì thêm một tháng nữa hòa-bình có hy vọng gì thực hiện được.

Ngoài ra, có lẽ thâm ý của ông Sadat là mở kinh Suez trước khi đi tới một thỏa-hiệp nào giữa hai bên. Vì mở kinh Suez sẽ không những đem lại cho Ai-cập những lợi ích về kinh-tế mà còn có thể bảo đảm an-ninh cho Ai-cập một phần nào. Thật vậy, khi mà các tàu bè quốc tế được tự do thông thương trên kinh Suez thì Do-thái sẽ khó có thể từ bên này kinh nã súng sang bên kia để pháo kích Ai-cập. Như vậy đề nghị của Ai-cập chỉ là một chiến lược ngoại-giao khó mang lại kết-quả cụ-thể.

### Những biến chuyển mới tại Phi-Châu

Một quốc gia hội viên của Liên-Hiệp-Anh cũng đang được người ta nói tới là Ouganda. Trong khi Tổng-thống Ouganda là Apolo Milton Obote đang dự hội nghị các Quốc-vương và Thủ-tướng của Liên-Hiệp-Anh ở Tân-gia-ba thì người bạn chí thân của ông là Tướng Amin đã đảo chính cướp chính quyền ở nhà.

Từ trước tới nay ông Obote vẫn tự hào là một vị Tổng-thống duy nhất trên thế-giới không sợ bị quân đội lật đổ vì với tướng Amin, người bạn đồng hành, đồng lõa với nhau

trong những vụ buôn lậu vàng ngày trước, nắm giữ quân đội trong tay.

Ông Obote trở về ghé tại xứ Tanzanie bên cạnh, tố cáo là người ngoại quốc đã nhúng tay vào vụ lật đổ ông vì quân đội của ông Amin có dùng một số cố vấn người Do-thái. Nhưng ông Aman đã phản công lại rằng ông bắt buộc phải cướp chính quyền vì Tổng-thống Obote có đường lối thiên tả, đàn áp các bộ lạc, nhất là bộ lạc Baganda. Và ông hứa sẽ tổ chức tuyển cử tự do. Đồng thời tướng Amin thả tù chính-trị và tố cáo Tanzanie đang âm mưu xâm lăng.

Cuộc đảo chính của ông Amin đã được các quốc gia Tây-phương hoan bỉ chấp nhận vì người ta tin rằng đường lối kinh tế của chính-thể mới sẽ cho phép các doanh-nhân Âu-châu hoạt động dễ dàng hơn ở Ouganda.

Trong khi đó tại Guinée, Tổng-thống Sekou Touré cũng đang cố gắng loại trừ các phe chống đối. Tháng 11 vừa qua, xứ Guinée của Bồ-đào-nha đã tấn công Guinée của ông Touré nhưng bị thất bại. Sekou Touré đã lợi dụng dịp này cho xử tử 92 người trong nước, và 72 người, trong đó có Tổng Giám-mục địa-phận Conakry, bị tù chung thân.

Ông Touré còn tố cáo Bồ-đào-nha trước Liên-Hiệp-Quốc, nhưng Hội đồng Bảo-an đã bác bỏ lời tố cáo này. Nhiều người cho rằng Pháp có nhúng tay vào vụ xâm lăng nhưng vì muốn được Pháp viện trợ ông Touré đành phải làm lơ.

Không làm gì được Bồ-đào-nha và Pháp, Sekou Touré quay sang tố cáo Tây-Đức đồng lõa với Bồ-đào-nha. Chính-phủ Tây-Đức tố lại rằng ông làm như vậy vì bị Đông-Đức xúi giục. Giận dữ, ông Touré trục xuất phái đoàn viện-trợ Tây-Đức và đoạn giao với nước này và hiện thời phong trào bài ngoại đang hoành hành dữ dội tại Guinée.

# SINH HOẠT

## THỜI SỰ KHOA HỌC

### Apollo 14

Sự thành công ngoạn mục của Luna 17 có vẻ như làm cho người Mỹ nóng ruột về sự chậm trễ của họ. Ngày thứ hai (1-2-71) vừa qua hồi 5g03 (giờ Saigon) Apollo 14 đã được phóng đi tại dàn phóng 39-A. mũi Kennedy, để hoàn tất sứ mạng bỏ dỡ của Apollo 13 trước kia.

Cuộc phóng phi thuyền Apollo 14 đã diễn ra tốt đẹp, mặc dầu giờ bắt đầu đã bị dời lại 32 phút vì thời tiết xấu ở mũi Kennedy. Rút kinh nghiệm Apollo 12 đã bị sét đánh làm mất điện lực trong lúc phóng lên, lần này Trung tâm kiểm soát Houston đã rất cẩn thận: chờ cho bầu trời thật trong sáng rồi mới cho lệnh khai hỏa.

Apollo 14 chở theo 3 phi-hành-gia: Alan Shepard, phi-hành-gia đầu tiên trong chương trình Gemini của Mỹ, Edgar Mitchell và Stuart Roose. Shepard là phi-đoàn-trưởng của chuyến bay, ông cùng với Mitchell đáp phi thuyền đổ bộ xuống đất Nguyệt cầu vào ngày 4-2 trong lúc Roose lái phi-thuyền mẹ chờ đợi trên quỹ-đạo mặt trăng. Phi thuyền đổ bộ lần này được đặt tên là Antares, một ngôi sao thật sáng được dùng để định hướng lúc phi thuyền đáp xuống Nguyệt cầu. Phi thuyền mẹ là Kitty Hawk, tên một bãi biển ở miền bắc Caroline, nơi hai anh em dòng họ Wright đã thành công lần đầu tiên với chiếc phi cơ của họ chế tạo.

Apollo 14 thi hành sứ mạng của Apollo 13 trước kia, đáp xuống vùng đồi núi Fra-Mauro, một vùng đất cao và cổ nhất của Nguyệt cầu. Địa điểm này rất khó điều khiển cho phi thuyền Antares đáp xuống, nên chuyến bay này nhiều nguy hiểm hơn những lần trước. Với đất đá lấy được nơi đây, các nhà địa-chất học hy vọng họ sẽ tìm ra được

nguồn gốc của chi Hằng. Hai phi hành-gia Shepard và Mitchell đã lưu lại trên Nguyệt cầu chừng 33 tiếng đồng hồ để thực hiện các thí nghiệm cần thiết. Họ thiết lập tại đây một trạm không gian đầy đủ, có thể tiếp tục hoạt động thăm dò các hiện tượng trên mặt trăng lâu dài sau khi Apollo 14 rời khỏi nơi này. Tuy nhiên mọi nỗ lực của họ vẫn là cố gắng tìm ra thành phần cấu tạo của Nguyệt cầu, họ tạo ra những tiếng nổ lớn trên mặt đất để những luồng sóng chấn động truyền qua các lớp đất và được tiếp nhận nơi các địa-chấn-kế. Sự phân tích đặc tính của luồng chấn động giúp tìm ra thành phần cấu tạo của vật nó đã đi qua. Tiếng nổ đầu tiên do tầng cuối cùng của hỏa tiễn Saturn V phóng xuống Nguyệt cầu lúc cả hai phi thuyền Antares và Kitty Hawk còn ở trên quỹ đạo hình bầu dục của hành tinh này. Những luồng sóng chấn động sẽ được các máy móc trong A.S.L.E.P. của Apollo 12 đặt lại trên mặt trăng trước đây ghi nhận. Người ta còn nhớ rằng lần trước, Apollo 13 tuy không đáp xuống mặt trăng nhưng tầng cuối cùng của hỏa tiễn Saturn cũng đã được phóng xuống mặt đất: đó là điều an ủi duy nhất của các phi-hành-gia trong chuyến bay rủi ro đó. Khi đã đặt xong các A.S.L.E.P. của Apollo 14, Shepard dùng một loại súng cối đặc biệt « câu » 4 quả đạn vào 4 vị trí có tầm xa khác nhau. Không phải Shepard có ý định tuyên chiến với ai mà chỉ muốn tạo ra các chấn động để các máy móc của Apollo 14 có dịp phân tích. Và cuối cùng, khi đã gặp được với phi thuyền mẹ trên quỹ đạo, phi thuyền Antares sẽ được phóng trở lại xuống mặt trăng, làm vật hy sinh để một lần nữa tạo nên những chấn động cần thiết,



Kitty Hawk sẽ nhẹ nhàng hơn trên đường quay về Trái đất, Apollo 14 đã đáp xuống vùng Tây nam Thái bình dương vào 5g 05 (giờ Saigon) sáng 10-1-71. 48 phút sau khi rớt xuống mặt biển các phi hành gia đã đặt chân lên cầu tàu New Orleans mang theo về 54 kg đá mặt trăng.

### Làm thế nào để sinh con trai

Một nhà sản-phụ khoa của Trung tâm Y khoa Columbia-Presbyterian vừa tìm ra một phương pháp giúp các cặp vợ chồng có thể chọn một đứa con trai hay con gái tùy ý thích. Bác sĩ Landrum B. Shettles khởi đầu cuộc nghiên cứu của ông từ năm 1961. Ông cố gắng phân biệt hai loại tinh trùng, một loại tinh trùng mang nhiễm sắc thể X và một loại tinh trùng mang nhiễm sắc thể Y.

Từ trước tới nay người ta chỉ nhận biết có 2 loại tinh trùng mà không tìm ra được phương pháp để phân biệt chúng. Sự tình cờ đến với Shettles khi ông thử quan sát một số tinh trùng sống dưới kính hiển vi tương phản. Sự di động của tinh trùng được làm chậm lại bằng cách cho chúng tiếp xúc với khí CO<sub>2</sub>. Tinh trùng hiện lên dưới hình thể những chấm đen được bao phủ một vầng ánh sáng chung quanh. Shettles phân biệt được một cách dễ dàng 2 loại tinh trùng: một loại đầu tròn kích thước tương đối nhỏ, một loại đầu hình bầu dục, kích thước lớn hơn. Loại đầu tròn tức hùng tinh (Androsperm) và loại đầu hình bầu dục là thụ tinh (Gynosperm)

Có một sự kiện làm Shettles phải bận tâm là nếu trong ống dẫn tinh của đàn ông, số lượng các hùng tinh nhiều gấp đôi số lượng thụ tinh thì trái lại trong âm đạo người vợ, số thụ tinh lại nhiều hơn. Shettles biết rằng âm đạo có một môi trường toan (acid) và do đó ông đi lần đến kết luận là một môi trường toan có ảnh hưởng thuận lợi cho sự

hoạt động của thụ tinh. Trong môi trường này, thụ tinh có thể sống sót 2, 3 ngày trái lại hùng tinh sẽ chết sau 24 giờ. Trong đường sinh dục của phụ nữ, chỉ cổ tử cung và tử cung là nơi tiết ra chất nhờn có kiềm tính. Càng gần ngày rụng trứng, chất nhờn cổ tử cung càng tiết ra nhiều và trung-bòa bớt môi trường toan trong âm đạo. Vợ chồng gần gũi vào những ngày này có nhiều hy vọng để có con trai hơn.

Từ những sự kiện trên, bác sĩ Shettles đưa ra một phương pháp giản dị để cho các cặp vợ chồng có thể có một đứa con như ý muốn:

Muốn sinh con gái vợ chồng nên gần nhau vào những ngày xa hôm rụng trứng. Và nên nghỉ hẳn 2, 3 ngày trước hôm rụng trứng. Nên dùng một dung dịch toan như dấm loãng rửa âm đạo trước khi gần nhau. Sự khoái lạc trong lúc gần gũi làm tiết ra nhiều chất nhờn có kiềm tính nên cần phải tránh đi. Nếu tinh trùng được đặt ở đầu âm đạo, nó tiếp xúc với môi trường toan nhiều hơn và do đó hùng tinh càng bị giảm bớt. Muốn sinh con gái, vợ chồng nên gần nhau nhiều lần trong tháng. Càng nhiều càng tốt.

Muốn sinh con trai, các điều kiện hầu như ngược lại. Vợ chồng nên gần nhau vào ngày rụng trứng và chỉ nên gần nhau vào những ngày này, ngoài ra nên hạn chế sự gần gũi càng ít càng tốt. Sự khoái lạc cần thiết cho sự bài tiết chất nhờn, giúp hùng tinh dễ dàng hoạt động nên vợ chồng phải cố gắng đạt tới. Tinh trùng phải được đặt sâu vào gần cổ tử cung để tránh phải băng qua môi trường toan của âm đạo. Và sau cùng nên rửa âm đạo bằng một dung dịch kiềm như soda pha loãng trước khi giao hợp.

Bác sĩ Shettles hy vọng phương pháp của ông có thể cho một kết quả tới 85, 90%. Người ta vẫn thường nói rằng vợ chồng thương yêu nhau nhiều hay có con trai. Ngẫm lại quả có đúng vậy!

TỬ DIỆP

● RỬA CHÉN KHÔNG HẠI DA TAY



● RỬA XE CĂNG BÓNG THÊM



● GIẶT QUẦN ÁO  
TRẮNG LẠY TRẮNG THÊM



● LAU NHÀ  
SẠCH NHƯ MỚI



CÔNG TY VISO VIỆT-NAM SẢN-XUẤT